Waern
AP 95
V6N567+

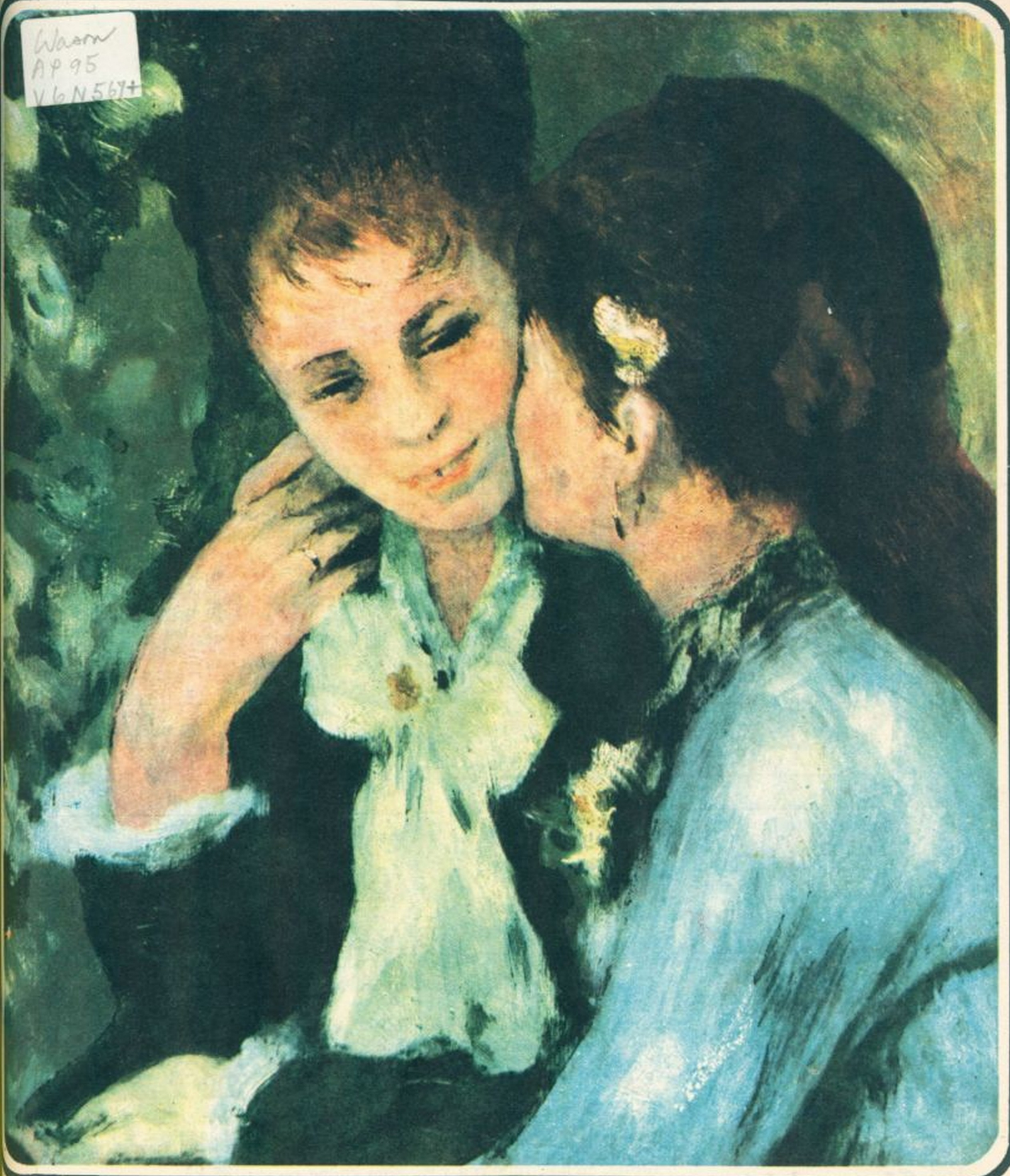

20

nghệ thuật

TUẦN BÁO VĂN
HỌC NGHỆ THUẬT
RA NGÀY THỨ BẢY

26 Feb. – 5 March 66

Kể từ ngày 24-2-1966

HÃN HẠNH TRÌNH BÀY MỘT SẢN PHẨM CHỌN LỌC CỦA
HÃNG ĐẠI QUANG MINH TẠI 2 RẠP CÓ MÁY LẠNH :

VICTORY – ĐẠI QUANG MINH

lương sơn bá - chúc anh đài

MỘT BỘ PHIM MỚI QUAY KHÁC HẲN VỚI LƯƠNG SƠN BÁ – CHÚC ANH ĐÀI ĐÃ CHIẾU TRƯỚC ĐÂY :

LÝ LỆ HOA và DƯ MẪN

ĐÓNG TÀI DIỄN XUẤT DƯỚI QUYỀN ĐẠO DIỄN CỦA

nghiêm tuấn

— Một cốt truyện rất được phổ biến trong quảng đại quần chúng Việt-Nam.

— Một pho tiểu thuyết từng làm rạng danh nền Văn Học Trung Hoa nay được đưa lên màn bạc bằng một kỹ thuật tân kỳ làm sống lại những cảnh thần tiên thơ mộng từ 1000 năm trước đây cũng như mối lương duyên kỳ thú giữa cặp uyên ương Lương Sơn Bá và Chúc Anh Đài.

— **Màn ảnh Scope**

— **Phim Màu**

— *NÓI TIẾNG TRUNG HOA*

— *PHỤ ĐỀ VIỆT NGỮ*

NHÀ XUẤT BẢN

Antiêm

hộp thơ 1510 — Saigon

đã phát hành :

ngộ nhận

(LE MALENTENDU)

của ALBERT CAMUS

BÙI GIÁNG dịch

đón đọc :

cõi người ta

(TERRE DES HOMMES)

của SAINT-EXUPÉRY

Một tác phẩm phơi mở « Mê hồn trận » trong cõi tư tưởng, mộng tưởng, xã hội, tình yêu v.v... giữa cuồng phong thế kỷ.

(phụ lục) : trích dịch SỔ GHI - CARNETS

Bản đặc biệt có để bán tại nhà sách KHAI TRÍ Saigon, nhà sách SÔNG ĐÀ, đường Độc Lập, Đà Nẵng.

nghệ thuật

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ BẢY

những bài thơ chọn lọc của richard eberhart

nguyên sa ■ trần đức uyển ■

trần tuấn kiệt ■ viên linh

1

VẤN ĐỀ – NHẬN ĐỊNH

THANH TÂM TUYỀN
Đọc Hồ Hữu Tường Qua Trầm Tư của một tên tội tử hình

NGUYỄN HỮU HIỆU
André Breton

MICHEL BUTOR
HOÀNG NGỌC BIÊN
Tiểu thuyết như một tìm kiếm

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
NGUYỄN ĐẠT
VŨ DẠ KHÚC
Năm bài Thơ

3

TRUYỆN DÀI

DOÃN QUỐC SỸ
Cúi đầu

MAI THẢO
Viên đạn đồng chữ nổi

MẶC ĐỖ
NHỮNG NGƯỜI VIẾT MỚI
Lê Luân Cảnh
Tôn Thất Nhật Huy
Mường Mán
Cung Nhược Quyên

XÍCH CHƯƠNG
Thời Sự và Nghệ Thuật

PHỎNG VẤN NHÀ VĂN GRAHAM GREENE

Điểm tác phẩm : Chuyệu người mua mộng — Bay Đêm — Dân tộc Chàm Lược sử — Những tin ngắn văn học

phạm kiều tùng : thực và phi thực trong nghệ thuật

2

THƠ — TRUYỆN

LAN ĐÌNH
Một người Mỹ

DU TỬ LÊ

ALAIN FOURNIER
Anh Meaulnes

SƠN NAM
Vạch một chân trời

4

MỤC THƯỜNG XUYÊN

VŨ KHẮC KHOAN
Văn Nghệ và Cuộc Sống

nghệ thuật trong và ngoài nước

MỘT TRUYỆN NGẮN CỦA GUNTER GRASS

KHUẤT LÃM DỊCH : TÔI ĐI HỌC

Tòa soạn, Trị sự
233, Phạm Ngũ Lão Saigon
Điện thoại : 25.861

TRỊ SỰ, QUẢN LÝ
TỪ NGỌC TOẢN

CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT
MAI THẢO

GIÁM ĐỐC THƯƠNG MẠI
TRẦN VĂN PHỤNG

TỔNG THƯ KÝ TÒA SOẠN
THANH NAM

THƯ KÝ TÒA SOẠN
VIÊN LINH

năm thứ hai, số
20
tuần lễ từ 26-2 tới 5-3-1966
— GIÁ 8đ. —

Trình bày : ĐẶNG GIAO ● GPXB số 4260/BTTTLC/BC. 29-7-65 KD. số 388 ngày 25-8-66 ● In tại THỨ LÂM ẤN THƯ QUÁN 233, Phạm ngũ Lão

Diễn thuyết

● **Sáng chủ nhật 20.2, tại thính đường quốc gia âm nhạc, ký giả Tô Văn biên tập viên thường trực cho hai nhật báo « Sống » và « Dân Chúng » nói chuyện về đề tài « người ký giả trong công việc tranh đấu, bảo vệ cho Tự do và Dân chủ ».**

Sân Khấu

■ *Chiều thứ bẩy 19-2 tại trụ sở Hội Nghệ Sĩ Ái Hữu đường Cô Bắc Sài gòn, ban tuyển chọn giải Thanh Tâm, về tuồng hay nhất, đã thảo luận về ba vở tuồng Nỗi Buồn Con Gái, Tuyệt Tình Ca của Hà Triều, Hoa Phượng, và Chuyện Tình 17 của Nguyễn Phương. Hiện diện trong buổi họp sơ bộ gồm đa số ký giả kịch trường quen thuộc như Hoài Ngọc, Hà Huy Hà, Phong Vân, Trần Tử Văn, Thanh Đạm,.*

■ *Soạn giả Năm Châu đã hoàn thành vở tuồng xã hội. Sân Khấu Về Khuya sẽ cho trình diễn trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga. Hà Triều và Hoa Phượng đã viết xong soạn phẩm Lan Huệ Sầu Ai, ngoài ra một Đoàn hát mới sẽ được thành lập, đó là Đoàn Lan Thanh do nghệ sĩ Minh Luông điều khiển.*

Hội Họa

● Họa Sĩ Văn Ba đã trưng bay hơn 90 bức tranh, tại phòng thong tin Đô Thành đường Tự Do Sài Gòn Trong 5 ngày đầu của cuộc triển lãm, phòng tranh nầy đa bán được 20 tác phẩm với số tiền trị giá gần 45.000 đ.

Bay Đêm

Do Lê Huy Oanh dịch từ Vol de Nuit của St. Exupery - tạp chí Văn xuất bản — trên 100 trang, giá 20 đồng.

Việc cho xuất bản trọn kỳ một tác phẩm văn chương từ trên 100 trang trở đi của tạp chí Văn của ông Nguyễn đình Vượng là một nỗ lực lớn. Bay Đêm, một trong những tác phẩm chính của St. - Exupery đã được Le Huy Oanh dịch trong một thời gian gấp rút và dưới một ngòi bút sáng sủa. Đây là tác phẩm thứ hai của người Văn Sĩ Phi Công sau Terre des Hommes, đã được dịch cách đây nhiều năm với nhan đề Giá Trị Con Người

chuyện người mua mộng

Kịch vô tuyến của Phan Tùng Nguyên — Tiếng Nói xuất bản, dầy 130 trang, Nghiêu Đề vẽ bìa.

Trong hiện tình nghệ thuật của chúng ta, sân khấu không có kịch. Kịch không có sân khấu Chỗ duy nhất mà kịch có thể nương nhờ được để đến với quần chúng trong tình cảnh hiện tại là những làn sóng điện của các đài phát thanh. Và dĩ nhiên, đó cũng là chỗ duy nhất cho những người viết kịch tạm bợ dung thân. Trong nhiều năm qua, Tùng Nguyên là một tác giả kịch quen thuộc của các ban kịch vô tuyến, ở các đài phát thanh trong nước. Kịch bản của anh được mang nhiều bút hiệu khác nhau Nhưng đến nay những kịch bản ấy đã đến lúc được gom lại, in ra.

Là một người trẻ, tác phẩm của Tùng Nguyên cũng mang những lo âu, thắc mắc của tuổi trẻ hôm nay Đó là những lo âu về linh hồn, về tự do, về hạnh phúc và về cả những chủ nghĩa đang làm súng nổ và máu chảy trên nhiều phần trái đất

Đoạn giới thiệu trên in nơi bìa trong của cuốn kịch nói được phần nào những nét lớn mà Phan Tùng Nguyên dựng thành tác phẩm

Cuốn « Chuyện Người Mua Mộng» gồm 6 đoản kịch vô tuyến — mỗi đoản kịch diễn trong 30 phút — với các nhan đề Chuyện Người Mua Mộng, Chuyện Người Bán Mộng, Linh Hồn Bay Trong Không Gian, Ngự Trị, Kẻ Thù và Dã Thú Trước Bầy Người.

Kịch vô tuyến của Phan Tùng Nguyên đã được viết theo một kỹ thuật già dặn, chặt chẽ, hầu như không có một thiếu sót nào về lối viết chuyên môn này, một lối viết mà người ta ít tìm thấy trong những vở kịch vô tuyến những năm qua đã được trình diễn trên các Đài Phát Thanh. Lối phân cảnh bằng âm thanh của Phan Tùng Nguyên rõ rệt và nổi bật, không cần đến lối giới thiệu của người ngoài kịch — hay là rất ít khi phải dùng tới, và nếu có chỉ là lời giới thiệu đầu kịch không thể bỏ được

Kể về toàn tác phẩm, đây là một cuốn sách tốt, in đẹp, ngoại trừ cái bìa không ăn nhập chút gì tới nội dung một vở kịch, và không phải là một cái bìa cho một tác phẩm kịch.

« Chuyện Người Mua Mộng» là một tác phẩm nên đọc. ❙❙

Hai nhà văn Nga vào tù

● **Tại Mạc Tư Khoa vụ xử hai nhà văn Nga là Andrei Sinhavsky và Yuli Daniel đã gây một xúc động lớn lao trong giới văn nghệ sĩ quốc tế.**

Cả hai văn sĩ trên đều bị chính quyền Sô viết kết án là chống chế độ Cộng sản bằng cách mô tả xác thực đời sống ở Nga và đem in những lời chỉ trích của họ ở ngoại quốc.

● Với tác phẩm «Cuộc thí nghiệm giảng hòa » của Sinhavsky, ông bị tòa án Nga tố cáo là phản động, khi ám chỉ công cuộc tái thiết Xã hội của Cộng sản chỉ là hão huyền và vô hy vọng. Ông bị Công tố viện Nga kết án 7 năm tù.

● Riêng văn sĩ Daniel bị trừng trị vì tác phẩm tựa đề « Đây tiếng nói Mạc Tư Khoa » một tiểu thuyết trào lộng tả lại những sự việc đã xảy ra, khi đài phát thanh ấn định một ngày riêng cho mỗi công dân giải quyết những mối bất hòa với người khác. Những xúc động, bất mãn, và căm thù, xúc tích lâu ngày đã bùng nổ, biến ngày đặc biệt đó thành một ngày tàn sát đẫm máu. Công tố viện Nga tuyên án văn sĩ Daniel bị 5 năm tù.

Nữ danh cầm Đăng Thư và cây hắc tiêu Nguyễn văn Thành

Chiều tối ngày thứ sáu 18-2 vừa qua, hơn 600 thính giả trong một bầu không khí yên lặng hoàn toàn, đã say sưa thưởng thức tài nghệ của nữ danh cầm Đăng Thư và cây hắc tiêu Nguyên văn Thành trong buổi hòa nhạc thính phòng do Trung tâm Văn hóa Đức tổ chức tại thính đường trường Quốc gia Âm nhạc Saigon. Trong số quan khách, người ta nhận thấy có Ông Nguyễn tấn Hồng, ủy viên Bộ Cựu Chiến Binh, Ông Bà Đỗ thế Phiệt, Tổng giám đốc Kế hoạch, Ông Bà Trần quang Đệ, Ông Bà Nguyễn anh Tuấn Ba tước Von Rudt, xử lý thường vụ tòa Đại sứ Đức và nhiều nhân vật các tòa đại sứ khác.

Ngay từ bản nhạc đầu « Fantaisie Chromatique » của Bach, cô Đăng Thư đã chứng tỏ một tài nghệ vững chắc, xứng đáng là học trò xuất sắc của bà Đỗ thế Phiệt Và từ khi đậu thủ khoa ở trường Quốc gia Âm nhạc ra, tài nghệ cô Đăng Thư không ngớt tiến triển. Bản danh nhạc « Etude en Mi Majeur Op 10 No3 » của Chopin do cô trình diễn hết sức uyển chuyển, nhuần nhị, được khán giả tán thưởng nhiệt liệt.

● Ông Nguyễn văn Thành, tốt nghiệp trường Cao đẳng Âm nhạc Hambourg, đã xử dụng cây hắc tiêu một cách tuyệt diệu, khiến thính giả say sưa theo dõi, và nhất là trong bản « Sonate en Fa Mineur Op 120 » của Brahms ông đã làm nổi bật lên âm điệu du dương, trầm bổng của thứ nhạc khí đặc biệt này.

King Rat, một phim mới của Bryan Forbes

Phim của Bryan Forbes với George Segal (vai King, hạ sĩ Mỹ giàu có), Tom Courtenay (thiếu úy Grey, trưởng phòng an ninh của trại) James Fox (Marlowe, thiếu úy phi công hoàng gia Anh), John Mills (Sĩ quan Anh), Todd Ams trong (Tex), Dale Ishimoto (Thiếu tá Nhật), cùng với James Donald, Denholm Elliott Allan Webb, Patrick O' Neel, Joe Turkel, Hamilton Dyce, David Watson.

Phỏng theo cuốn tiểu thuyết thành công của James Clavell «King Rat».

Truyện phim : Bryan Forbes

Bryan Forbes sinh tại Stratford năm 1926. Ông vào nghề điện ảnh với tư cách một tài tử. Người ta đã có dịp thưởng thức tài nghệ của Forbes», qua « La Clé », Hold up à Londres» Rồi ông viết truyện phim : «Le bébé et le Cuirassé». «La Maison des secrets», «Le silence de la colère». Cuốn phim đầu tiên mà Forbes thực hiện là «Whist le Down the wind». Năm 1963, ông quay «La chambre indiscrète» với Leslie Caron, Tom Bell phỏng theo cuốn tiểu thuyết trữ tình của Lynne Reid Banks.

«King Rat» là một câu chuyện tàn bạo và hấp dẫn về đám tù nhân trong trại giam Changi trong thời Đệ Nhị thế chiến. Vì nhu cầu hiện thực mà khám đường nổi tiếng ở Singapour đã được xây dựng lại. Những ngọn đồi chung quanh được rắc sơn xanh để cho khán giả có cảm tưởng thấy rừng rậm nhiệt đới. Để tìm những khuôn mặt hốc hác đóng vai tù binh, người ta đã phải chiêu tập đám dân thất nghiệp nghèo đói trong vùng Thousand Oake. Đạo diễn Forbes tuyên bố : «Từ lâu nay tôi muốn quay phim ở Hollywood, do đó cần phải có một đề tài vĩ đại. Đề tài đó ta tìm thấy trong «King Rat».

Truyện phim : Trại giam Changi năm 1945 Mười ngàn người quằn quại vì đói trong những phòng giam đầy rận chấy và rệp Trong đám tù binh đó, King, hạ sĩ Mỹ hình như được hưởng một ân huệ nào đó và sức khoẻ dồi dào của King khiến cho thiếu úy Grey, trưởng phòng an ninh của trại nghi rằng có lẽ King đã thông đồng với kẻ thù. Được mật báo cuộc gặp gỡ giữa Kinh và một người bản xứ, Grey ra công bắt King tại trận. Một bữa khác Grey đột nhập vào phòng King và còn biết bao mưu kế Nhưng chiến tranh chấm dứt, đảo lộn thế giới của King..

nghệ thuật

TĂNG GIÁ BÁN

Kể từ số 20, tức là số báo này, như các đồng nghiệp khác, tuần báo Nghệ Thuật phải tăng giá bán mỗi số lên 1 đồng, tức là 8 đồng một số.

Các báo khác như tờ Màn Ảnh cũng đã bán giá đó. Riêng các nhật báo Chính Luận, Quyết Tiến, Tiền Tuyến cũng sẽ tăng từ 3 đến 4 đồng một số.

Phỏng vấn nhà văn Graham Greene

Cuốn truyện Les Comédiens của nhà văn Anh Graham Greene vừa xuất hiện ở Pháp và ở Anh, và được coi là biến cố văn học trong tháng. Đây là cuốn tiểu thuyết đầu tiên của ông được xuất bản sau năm năm không cho ra mắt một tác phẩm nào. Bài phỏng vấn thu gọn sau đây đã được viết ra sau buổi một ký giả Pháp tiếp xúc với ông, nói về cuốn truyện đó, nhưng cũng nói đến nhiều điều khác như cuộc đời, cái chết, lòng tin và chiến tranh.

●

— Vì sao ông rời Anh Quốc đến ở đây, Côte d'Azur ?

— Vì lý do sức khỏe, vì tôi yêu những buổi trưa của nước Pháp. Từ năm 35 tuổi tôi thấy ghét cái lạnh. Tôi cũng đến đây để làm việc. Tôi viết thành chuyện phim cuốn «Comédiens». Người mang chuyện này lên màn bạc là đạo diễn Peter Glenville — Người làm phim Becket — ông ta ở gần đây.

— Tôi tưởng ông ghét việc đem tác phẩm lên màn bạc ?

— Đúng. Nhưng bây giờ tôi cần tiền. Nhưng nếu tôi không viết lấy chuyện phim thì họ cũng viết. Tôi không tin rằng nếu tôi không viết, cuốn phim sẽ không được thực hiện ?

— Chắc là người Mỹ làm phim này ?

— Phải, bởi vì tiền là người Mỹ. Nhưng Glenville là người Anh, tôi là người Anh, hai diễn viên chính là người Anh, nhưng tiền là người Mỹ.

— Ông không thích người Mỹ.

— Tôi không thích chính trị của họ, nhưng tôi thích một thành phố của họ : San Francisco.

— Smith, nhân vật chính trong truyện Les Comédiens lại là người Mỹ, và lại là một người lý tưởng ?

Giải thích về nhân vật này, Graham Greene cho biết đó là một nhân vật tốt và một người can đảm. Trong «Un américain bien tranquille» ông đã nói tới những nguy hiểm của sự ngây thơ, nhưng trường hợp Smith là trường hợp khía cạnh tốt của sự ngây thơ. Ông muốn nói : có một tốt và một xấu của sự ngây thơ. Nhân vật khác của của «Les Comédiens» là Brown và Jone. Jone là một người lính, suốt đời chỉ mong trở thành một người lính. Bởi thế anh ta đóng vai trò mà anh ta mơ mộng. Còn Brown không mơ mộng, Brown là một kẻ ích kỷ.

— Thế ông, ông cũng mơ mộng chứ ?

— Không, tôi hết mơ mộng từ năm 30 tuổi

— Vậy ông giống Brown ?

— Đúng như vậy.

Sau đó ông giải thích thêm, ông giống Brown nhưng không phải Brown, dù Brown là nhân vật xưng Tôi trong cuốn truyện.

Cũng trong «Les Comédiens» chỉ có bác sĩ Magiot là có lòng tin. Tuy nhiên ông giải thích, người ta không sống một đời lúc nào cũng tin tưởng. «Chỉ có kẻ nào ngu mới tin rằng một năm có 365 ngày». Không phải lúc nào người ta cũng có lòng tin. Đời sống của con người là tin và mất lòng tin. Tôi viết về con người trong hai thời kỳ đó. Với những nhân vật khác nhau tùy theo từng giai đoạn.

— Tôi lấy làm lạ, ông được coi như một trong những nhà văn Công giáo lớn trong thời đại này.

— Nhưng tôi thích những người không tin tưởng cái gì tới cả trăm phần trăm. Giả dụ tôi là Cộng Sản, giả dụ tôi là một nhà văn trong một nước Cộng sản, tôi thích viết về những nhân vật mất lòng tin đối với chủ nghĩa Cộng sản.

Graham Greene nói rằng một cuốn truyện đầu tiên là một xung đột. Khi người ta tin tưởng trăm phần trăm thì không còn xung đột, và không còn tiểu thuyết.

— Theo ông, «Les Comédiens» là một cuốn tiểu thuyết của sự dấn thân hay của sự không dấn thân và nhân vật nào là phát ngôn nhân của cuốn truyện ?

Brown, chắc chắn thế, nhất là khi hắn nói rằng những người dấn thân đích thực nhất định là những người mà họ không phải thế. Một tiểu thuyết gia, không thể là kẻ dấn thân, nhưng chính hắn dấn thân ở khắp mọi nơi. Hắn dấn thân bởi chủ nghĩa Cộng sản hay bởi Thiên chúa Giáo, hắn dấn thân bởi tin hay bởi sự thiếu lòng tin, hắn dấn thân bởi một trong những nhân vật của hắn và tất cả những nhân vật phải khác nhau.

Cuộc chiến tranh vừa qua đã dựng trong tôi một con người dấn thân và tôi sau này tôi dấn thân ở Mễ Tây Cơ, La Havane, Việt Nam và ở ngay cả Anh Quốc, Tôi luôn luôn đổi bến.

ĐỌC TRẦM TƯ CỦA MỘT TÊN TỘI TỬ HÌNH

II

TRONG Trầm Tư thứ nhứt, ông Tường bàn «về sự sửa lại đạo Phật», đề xướng một nền «văn minh tu sĩ» tiên tri về «minh đạo» mở lối thoát cho nhân loại bước vào «ngươn thanh bình» thật sự.

Mãi lo âu về sự sửa lại đạo Phật là cái nghiệp của ông Tường, mặc dầu ông không phải là tín đồ Phật giáo. Khi «bắt đầu hoài nghi mớ lý thuyết(..) đã học của Marx» ông nhận thấy «nếu ngày sau nhân loại một nhà được, vai trò luân lý và tôn giáo rất hệ trọng». Nhưng «với sự tấn triển của khoa học và nhất là của chủ nghĩa Marx», tôn giáo cần được canh cải để tồn tại và tiến lên đóng vai hướng đạo cho con người trên đường tiến tới «thiên đường trên cõi thế». Ông Tường nhất định hết thảy mọi tôn giáo đều cần tồn tại nhưng «không phải cái nào cũng dễ trường tồn», chỉ có Phật giáo, «xét về bản chất của nó, đạo Phật có nhiều nội lực giúp cho nó vượt thời gian dài hơn hết, thế mà nó bị những yếu tố ngoại quan của lịch sử làm cho nó bị đe dọa nhiều hơn cả». Vấn đề «sửa lại Phật giáo» thật là khẩn thiết trọng đại không riêng cho tôn giáo này mà còn liên quan đến tương lai của nhân loại. Đo là tiếng kêu gọi đầu tiên của ông Tường trong Trầm Tư.

Koestler có nhận xét phần lớn trí thức đã từng một thời gian hoạt động cho chủ nghĩa Marx, khi từ bỏ thường có phản ứng cực đoan là trở về với tôn giáo với những tư tưởng siêu hình. Đó không phải là trường hợp của ông Hồ hữu Tường. Ông Tường không tìm đến tôn giáo như bám lấy một cái phao nổi dập dềnh giữa biển sóng cuồng mong cứu lấy tấm chủ thể bị vùi dập lướt thướt thảm hại, ông đã không nhìn tôn giáo như chốn trú ẩn, giải thoát cho một con người tâm linh siêu việt ở ngoài cảnh ngộ như một số các nhà trí thức phương tây; bởi như thế mặc nhiên đã công nhận những phê phán về tôn giáo của Marx. «Tôn giáo là tiếng thở dài của loài người uất ức, trái tim của một người không có tim, cũng như tôn giáo là tinh thần của những thời đại đã mất tinh thần. No là thuốc phiện của quần chúng». Ông Tường đã nhìn và phê phán tôn giáo từ quan điểm xã hội và lịch sử để thấy rõ sự thiếu sót của Marx khi chỉ nhìn hiện tượng tôn giáo từ quan điểm triết học thuần tuý. Từ quan điểm triết học Marx chỉ thấy được tôn giáo như là một ý thức về thế giới đảo ngược (une conscience du monde renversée), là sự thực hiện huyền hoặc của bản chất con người (la réalisation fantastique de l'essence humaine), để dẫn tới kết luận tác dụng của tôn giáo là một tác dụng phản động cần tiêu trừ. Nhưng xét tôn giáo đặt trong sinh hoạt của một xã hội, trải qua các thời kỳ lịch sử, người ta sẽ phải thấy như ông Tường, tôn giáo là một hiện tượng văn hóa phức tạp, cùng biến động với xã hội, chịu chung một định mệnh với xã hội và điều quan trọng hơn hết nó có thể đóng góp hữu hiệu, trong những điều kiện nào đó, vào cuộc vận động cải tạo xã hội. Những bằng chứng không thiếu về tác dụng tốt của tôn giáo, nếu người ta nghiên cứu về sự phát sinh của các tôn giáo lớn như Thiên Chúa Giáo, Phật Giáo hoặc các phong trào tôn giáo ở các dân tộc bị áp bức. Ông Tường cũng nhìn rõ, về mặt nhân văn và xã hội tôn giáo có thể đóng vai trò hết sức hệ trọng là làm môi trường hòa đồng trong cuộc tiến hóa của lịch sử, với điều kiện tôn giáo phải bắt kịp những khát vọng của thời đại. Cho nên nếu trong thế giới tương lai của Marx vẽ ra không có chỗ cho tôn giáo, thì trong cảnh tượng một thế giới đại đồng, của ông Tường, tôn giáo không thể thiếu,

Nhận định tôn giáo như một hiện tượng văn hóa bắt rễ sâu xa trong đời sống xã hội và lịch sử, mật thiết với định mệnh của tập thể, không thể mỗi lúc mà triệt bỏ ngay được, là đòi hỏi sự phản tỉnh của tôn giáo phải tự vượt thoát mình ra khỏi những thần bí huyền hoặc của 1 giai đoạn đã qua hẳn nhập vào sự vận động lịch sử với một ý thức mới mẻ về vai trò của mình. Tạo lịch sử không còn là đặc quyền của chính trị, «tôn giáo phải đồng nhất với chính trị». Công việc sửa lại đạo Phật mà ông Tường kêu gọi nhắm mục đích ấy Từ lòng tin tưởng thô sơ của người nông dân về sự tái hiện của Phật chuyển đến ông Tường – một nhà trí thức từng là môn đệ của Marx – phát lộ thành một khát vọng trông chờ một tương lai ở đấy mọi đau khổ trầm luỵ khắc nghiệt chấm dứt – không còn chiến tranh, không còn đói kém — Maitreya chỉ là tượng trưng cho sự đổi mới đạo Phật để đưa thế giới đến một «ngươ thanh bình».

•

Nhưng nếu đã đứng ở quan điểm xã hội và lịch sử để xác định vai trò của tôn giáo thì cái mộng ước một tôn giáo bao trùm toàn thể loài người, nghĩa là bao trùm lên những xã hội với các truyền thống văn hóa khác nhau — là điều khó quan niệm nổi. Trong bước tiến hóa chung của lịch sử, Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo, Ấn Giáo, Do Thái Giáo, các tôn giáo của các dân tộc Phi Châu, Mỹ Châu trước những đòi hỏi của thời đại, cũng đã hoặc sẽ phải làm công việc nhập thế, theo con đường riêng như ông Tường mong mỏi nhìn thấy Phật giáo sẽ làm ở Á châu, để tồn tại thống nhất lịch sử của các xã hội ấy. Ngày nay người ta đã nói tới xã hội chủ nghĩa Hồi Giáo, các Kibboutz (2) như một hình thái xã hội chủ nghĩa đặc biệt Do Thái, phong trào linh mụccông nhân (prêtre-ouvrier) ở Âu Châu của Thiên chúa Giáo.

Ông Tường quả đã chủ quan khi phán xét chỉ Phật giáo ở Á Châu có

bài của
THANH TÂM TUYỀN

đủ nội lực vượt thoát được cơn thử thách của lịch sử và cùng đó mở lối cho toàn thể nhân loại, lột xác trở thành một tôn giáo chung cho thế giới ngày mai. Đã coi tôn giáo là ràng buộc chặt chẽ vào một xã hội thì sự vọng tưởng một thế giới đại đồng trong một tôn giáo chỉ có thể là sự tiêu trừ những truyền thống văn hóa dị biệt của các dân tộc, các địa phương. Chủ nghĩa thực dân xưa kia đã xuất cảng Thiên Chúa Giáo cũng như chủ nghĩa C. S. muốn trở thành một thứ tôn giáo của luận lý, của lý trí, để đồng hóa áp đảo, làm tiêu vong những nền văn hoa khác với mình, đều thất bại. Rất có thể « ngày sau nhân loại một nhà được » nhưng sự kết hợp sẽ trên những nền tảng khác không phải là tôn giáo, dù tôn giáo đó là tôn giáo khoan hòa nhất như Phật giáo. Và có thể chỉ *« sau khi nhân loại đã ở một nhà được rồi »* cái mộng tôn giáo hòa đồng mới mong thực hiện. Dường như các nhà tư tưởng, triết lý, nhất là từ sau Hégel và Marx, khi xây dựng ý thức hệ của mình thường không xác định vị trí quan sát của mình trong thực tại, và đều muốn vượt khỏi những giới hạn của truyền thống, của địa phương, của xã hội, của lịch sử mặc cho tư tưởng của mình phổ biến.

Nhớ ngày nào đứng giữa cuộc khủng hoảng Đông Tây vừa mở màn Malraux trong lời kêu gọi các nhà trí thức, đã hùng hồn: « Chỉ có chúng ta là không còn tin tưởng vào Âu Châu, thế giới vẫn còn nhìn với sự kính cẩn sợ sệt và cách biệt những bàn tay già cả kia đang mò mẫm tìm đường trong bóng tối...» ông quả quyết : «dầu chúng ta có muốn hay không con người Âu Châu sẽ sáng lên bên ngọn đuốc nó giơ cao, dù tay có bị phỏng. Trong mắt của Malraux ông chỉ nhìn thấy Âu châu, Âu châu rã rời khốn nạn phân hóa sau hai cuộc chiến tranh đang mò mẫm trong hoài nghi kinh hoàng, nhưng cũng là nơi phát huy ánh sáng của văn minh nhân loại cận đại và sẽ còn mãi giữ vai trò ấy, như một niềm kiêu hãnh an ủi. Còn trong giấc mơ tỉnh táo và tuyệt vọng của người tử tội, ông Tường lại chỉ nhìn thấy Á châu, Á châu nhẫn nhục, tối tăm điên đảo triền miên, nhưng cũng là vùng bao la của trí tuệ rạng ngời sẽ chiếu soi hoàn cầu, như niềm tự hào còn sót.

Có lẽ cũng nhận thấy quan niệm một tôn giáo duy nhất cho nhân loại có tính cách hư tưởng nên ông Hồ hữu Tường đã tạo ra ý niệm văn minh tu sĩ, ý niệm rộng rãi hơn thâu gồm được các tôn giáo dị biệt. «...Con người của thế kỷ hai mươi này

■ xem tiếp trang 30

VĂN NGHỆ

VÀ CUỘC SỐNG

GHI NHẬN CỦA
VŨ KHẮC KHOAN

TÔI trở lại một vấn đề đã đặt ra, vẫn còn để lửng, gần đây lại đặt ra trong một cuốn sách của anh Nguyễn văn Trung — Lược khảo văn học, ngôn ngữ văn chương và kịch — Vấn đề là Tiểu thuyết kịch, nhân một tác phẩm của một anh bạn trẻ của tôi, Người Kéo Màn của Nhật Tiến. Số là Người Kéo Màn được viết theo một loại mới, không phải là kịch, không phải là tiểu thuyết, là cả kịch lẫn tiểu thuyết, là tiểu thuyết kịch. Hơn nữa, trong một bức thư gửi Nguyễn văn Trung, bức thư mà Nguyễn văn Trung có trích đăng trong cuốn sách của anh, mà hôm nay tôi xin phép tác giả trích đăng dưới đây — trong bức thư đó Nhật Tiến lại còn nói đến cả việc áp dụng kỹ thuật của phim ảnh trong tác phẩm của anh nữa. Tóm lại, Người Kéo Màn được viết theo một văn loại mới có tính ổng hợp, dung hòa những khả năng đặc biệt của kịch, tiểu thuyết và kỹ thuật của phim ảnh, đồng thời lại cố gắng tránh khỏi những hạn chế riêng biệt của những bộ môn trên, nhất là kịch và tiểu thuyết.

Nhật Tiến trình bày quan niệm của mình về cái văn loại mới đó như sau :

Trước hết, tôi xin mạn phép anh (anh Nguyễn văn Trung) nhắc qua lại về quan niệm của tôi trước một vài bộ môn văn nghệ. Theo ý tôi, đứng trên phương diện kỹ thuật sáng tác thì mỗi tác phẩm văn nghệ có một lề lối trình bày. Mỗi cách trình bày mang một tên gọi khác nhau. Do đó mới có những bộ môn tiểu thuyết, thơ, kịch họa, nhạc v v... Về bộ môn tiểu thuyết tuy có nhiều khuynh hướng, nhưng tất cả đều dựa trên một qui luật căn bản : đó là tác giả dùng thể văn mô tả để diễn tả tâm lý, tâm trạng của các nhân vật. Ở điểm này, tiểu thuyết có một tầm hoạt động rất rộng lớn. Người viết không bị gò bó bởi yếu tố thời gian hay không gian thu hẹp nào. Hơn nữa, để hỗ trợ cho những chi tiết tình cảm của nhân vật được nổi bật, người viết còn có thể lấy ngoại cảnh làm tiết điệu điều hòa, do đó có thêm phương tiện làm tăng thêm phần hiệu quả của việc gây cảm xúc cho người đọc.

Trái lại, với bộ môn kịch lại khắt khe hơn nhiều. Thời gian, không gian phải là một mầu sống hiện hiện trước mắt người xem. Qua lời đối thoại của các nhân vật, dĩ vãng được ôn lại, hiện tại vẫn đang tiếp diễn và đồng thời cũng ở đó, những gút thắt mở được sửa soạn cho một tương lai gần gũi dẫn đến hồi kết cục càng bất ngờ bao nhiêu, càng thú vị bấy nhiêu. Bởi thế, kịch bản phải mang nhiều tình tiết dồn dập, thường thường đó là hồi kết cục của một câu chuyện tích lũy đầy những biến cố đã xảy ra từ trước cái thời gian người viết đem trình diễn với khán giả. Do đó, theo tôi nghĩ, viết kịch khó hơn viết tiểu thuyết nhiều lắm.

Gần đây, theo sự tiến triển của phim ảnh, một vài tác giả có trình bày một vài bản văn hoặc dịch, hoặc sáng tác lấy tên là tiểu thuyết phim. Tôi cũng đã đọc và lĩnh hội được một vài kinh nghiệm về kỹ thuật viết truyện phim. Theo ý tôi, tiểu thuyết phim có cái ưu điểm hơn kịch ở chỗ là có chiều hoạt động rộng rãi như tiểu thuyết (ống kính di chuyển được khắp nơi) nhưng lại có cái khuyết điểm rằng nề là phải đeo theo phần ghi chú kỹ thuật, bắt người đọc vừa phải theo rõi cốt truyện, vừa phải xem cả phần dành cho các chuyên viên khi mang tác phẩm ấy lên màn bạc.

Ở giữa những sự kiện ấy, tôi khởi sự viết thử một tác phẩm lấy tên là tiểu thuyết kịch. Tiểu thuyết kịch được dung hòa cả ba kỹ thuật tiểu thuyết, kịch bản và phim ảnh. Ở trong tiểu thuyết kịch, kỹ thuật viết tiểu thuyết vẫn được duy trì. Người viết có thể dùng loại văn tả cảnh, tả tâm trạng, tâm lý, tả cả cái ý nghĩ nhân vật cũng được nữa. Nhưng xen vào đó, nhiều đoạn trong tác phẩm sẽ trở nên rườm rà, mất hứng thú nếu cứ viết theo giọng văn tiểu thuyết. Để theo kịp những tình tiết sôi nổi diễn tiến trong câu truyện, tôi xen vào lề lối đối thoại ngắn và gọn của kỹ thuật viết kịch bản. Nhưng có nhiều khi, trong cùng một khoảng thời gian ngắn ngủi, có nhiều sự kiện xảy ra một lúc, ở nhiều chỗ khác nhau. Để diễn tả trọn vẹn được cái đó không gì bằng áp dụng kỹ thuật của phim ảnh. Ngòi bút của người viết không khác gì ống kính của caméraman, đưa người đọc qua một mầu sống ở chỗ nầy qua một mầu sống ở chỗ kia, và tất cả những mầu sống, soáy tròn chung quanh một thời gian nhất định, một sự việc mấu chốt mà người viết định trình bầy với đọc giả. Tôi còn nhớ, sau khi đọc xong tác phẩm Người Kéo Màn, cụ Vi huyền Đắc có nói với tôi là phải đặt cho nó cái tên là tiểu thuyết đối thoại hơn là dùng chữ tiểu thuyết kịch. Tôi đã suy nghĩ và thấy rằng dùng chữ tiểu thuyết đối thoại cũng không đúng lắm, vì tiểu thuyết nào mà không có đối thoại, cũng như toàn bộ tác phẩm không phải chỉ toàn là đối thoại cả. Vì thế, trong khi chưa tìm được danh từ nào xác đáng hơn, tôi vẫn nghĩ là nên để chữ tiểu thuyết kịch, bởi vì không những ở phần kỹ thuật, tác phẩm mang nhiều kịch tính, mà ngay phần cấu tạo nhân vật, người viết có thể xây dựng những nhân vật rất kịch, nghĩa là méo mó theo sự cố ý của tác giả để làm tăng thêm phần sáng tỏ cái ý định tác giả định viết ra.

Quan niệm của Nhật Tiến thật đã rất rõ ràng. Cảm thấy bị gò bó trong bộ môn tiểu thuyết, anh muốn bổ túc nó bằng một vài yếu tố của hai bộ môn khác : kịch và phim ảnh, những yếu tố mà anh nhận thấy có lợi cho sự diễn tả ý tưởng của anh. Quan niệm đó được áp dụng vào việc sáng tạo Người Kéo Màn và dĩ nhiên được đặt thành vấn đề.

Vấn đề mà Nguyễn văn Trung đặt ra và giải quyết trong cuốn sách của anh — Lược khảo văn học, ngôn ngữ văn chương và kịch. Vấn đề mà tôi đặt ra. Để sẽ nêu lên cách giải quyết của Nguyễn văn Trung. Để bàn về cách giải quyết đó và tự hỏi không hiểu có ai góp thêm phần ý kiến. ■

richard eberhart — thạc kim hồng

CON NGƯỜI MỘT TẠO PHẨM CÔ ĐƠN

Tôi mang niềm tin tưởng rằng nỗi khổ đau
Là cần yếu. Những xương cốt thôi chẳng còn muốn rỡn.
Sự khước từ như đoá hoa tinh khiết của cuộc đời
Con người một tạo phẩm cô đơn

Niềm sợ hãi rơi chúng ta trong đáy cùng thực thể.
Em không sợ hãi sao ?
Tôi bảo rằng em nói dối. Nỗi sợ hãi là sự thực của thời này
Nếu chẳng phải bây giờ, thì sẽ mai sau.
Tử thần rình rập con người

Tôi nói hoà hợp và thương yêu
Thảy đều tốt lành, ngoài ra tất cả là man trá
Dù vậy mà ngay trong thương yêu và ngay trong hoà hợp
Con người còn là một tạo phẩm cô đơn.

Xác hài cũ với cành lộc non
Số kiếp nào, sự tình cờ ngạo nghễ nào nối kết
Khi cuộc đời làm cạn nguồn tham vọng của tâm hồn?
Thời gian rình rập con người
Cuộc đời thách đố cái vóc dáng chúng ta
Thần chết dòm ngó và rình rập mỗi mắt nhìn ngời sáng.
Tình yêu và hoà hợp mới thực là những đồ nuôi dưỡng chúng ta
Con người một tạo phẩm cô đơn.

(dịch từ bản Pháp văn của Raymond Jean)

viên linh

BÙ NHÌN

Tôi mời anh tới cánh đồng kia
Lúa đã gặt và rơm ở đó
Tôi mời anh tới địa phận này
Hồn đã héo và thân đã rũ

Anh biết dư rơm sẽ bện bù nhìn
Trong thời thế chim nhiều như dạn
Anh biết dư thân sẽ chịu cực hình
Khi hy vọng trở thành de dọa

Vậy đừng hỏi sao người ấy chết
Khi xuân hồng chưa kịp hái xong

Hãy nhớ chúng ta là vật dụng
Và tình yêu như một chủ nhân
Hãy nhớ anh em là dã điểu
Và ta như những người rơm

Suy niệm đi, thực phẩm trần gian nặng
Sống là đeo trọng lượng trong chân

Có kẻ nào không là lật đật
Đời đánh tung còn hoan hỉ đứng lên

Tôi mời anh tới chốn này
Nào có gì phải dấu
Khổ tâm là nhà nhà cửa khép
Khi bên trong đời đã mở toang

Ta gặp nhau trên cùng mặt đất
Sức ly tâm là một điểm chung

Tôi chúc anh ra về vui vẻ
Cánh đồng tôi có khác chi anh

Sống là trân trân giữ lòng lương thiện
Bất ngờ là tôi cũng kẻ gian

Sống là ta bù nhìn mỗi cách
Tự mình coi lấy cánh đồng vui
Tuy biết chắc riết rồi cũng mất
Nhưng vấn đề là tôi phải tin tôi. ■

trần tuấn kiệt

THỦY TRIỀU

Anh nằm trên bao-lơn điện đài xưa
nhớ hình bóng em bến hồ liễu
và tóc và môi em
Ôi vô cùng thương nhớ
rồi anh đi sâu vào đêm khuya
tìm những viên chuỗi ngọc của em
rải rác trên vòm trời
chỉ còn hương gió thổi

TỰ TÌNH

giữa đại dương ôm ấp
hoang đảo bỗng thì thầm
với vầng trăng khuất mặt

NẾU

ngọn nến vô tình cháy
đêm cùi tàn
anh nguyện cầu môi em thắp sáng
ngọn lửa thiêng trong lòng anh

nguyễn đạt

VỀ PHẠM VÂN BẰNG VÀ TÔI

khi ngó tôi em biết những điều này
kiểu cười của hắn có ý nói
điệu nói của hắn tượng trưng cho
quần áo hắn bận chứng tỏ rằng
đôi giày hắn mang cho ta biết

khi gặp em tôi thường ngụ ý rằng
trong kiểu cười trong điệu nói trong quần áo trong giày vớ
là răng là âm thanh là thịt xương là bàn chân
em chẳng bao giờ thấy được
một bông hoa nở bên ngoài khu vườn
một bông hoa tên tuổi chưa ai tìm được
một bông hoa mới lạ hoàn toàn
đó chính là tâm hồn
là tôi
là một người
một người
những gì hắn không thể nói ■

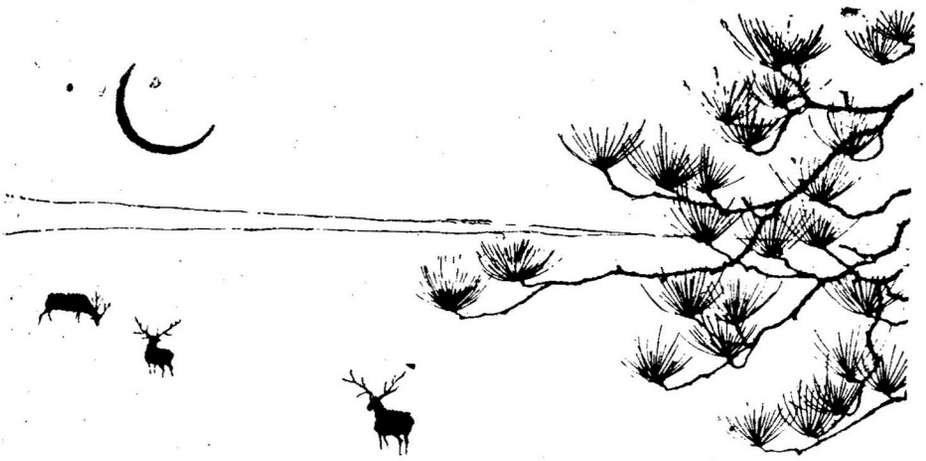

nguyên sa

CUỘC TÌM KIẾM CỦA BẢN NGÃ

đứa ven biển, đứa triền núi, đứa quê
người, đứa thành phố
chúng cất tiếng gọi nhau
khoảng không gian phân cách mỗi
đứa
cũng rộng như khoảng thời gian chia
cắt phần tuổi trẻ đã mất và mỗi
người chúng ta.

đứa ven biển, đứa triền núi, đứa quê
người, đứa thành phố
có đứa cầm trong tay ống loa
có đứa cầm trong tay ống kính viễn
vọng
mỗi đứa cất lên tiếng gọi
tiếng gọi và than khóc
và kể lể
có khi cuồng nộ xen vào tiếng nói
có khi bi phẫn lẫn vào trong tay

nhìn, gọi, vẫy tay và tìm kiếm
mỗi đứa đứng trong vị trí di động
mỗi ngày một xa
như người ta dơ cao những vật dụng
làm tín hiệu
để nói lên sự hàng phục
sự hàng phục và sự bất lực
sự bất lực và niềm khát khao
chúng cũng dơ cao
có đứa dơ lên nắm giấy bạc
có đứa dơ lên những lá thư tình
có đứa dơ lên một khẩu súng
chúng cũng dơ cao
nhìn, gọi, vẫy tay và tìm kiếm

nhìn, gọi, vẫy tay và tìm kiếm
với những cành gai và nỗi ưu tư
trên trán
chúng nó mặt mũi nói chung cũng
như mỗi đứa chúng ta
trên bề mặt và trong tận cùng vùng
trú ẩn thịt xương
thần thánh và đê tiện
lo sợ và hân hoan
cháy với đam mê, mờ cùng gian giảo
nói chung cũng như mỗi đứa chúng
ta làm hoen rỉ lẫn nhau
bằng tiền tài, hoá trang, thù hận
bằng sự tôn sùng
bằng tin yêu và dối trá

nói chung cũng như mỗi đứa chúng
ta
tìm kiếm lẫn nhau
réo gọi và giận dỗi
an ủi và vỗ về
mỗi đứa, cũng như lịch sử và cuộc
đời
thi ca và tình ái,
những dấu tích lông ngỗng chẳng
bao giờ hiện ra.

Chẳng bao giờ hiện ra
tiếng ho của cha, mùi tóc thơm của mẹ
Những đứa nằm trong ta
đứa nào cầm, đứa nào lấy, đứa nào
mang đi
tiếng sáo diều và con dế mèn
con dế mèn, con dế mèn.
con dế mèn và cơn mưa mùa hạ
đứa nào cầm, đứa nào lấy, đứa nào
mang đi
đứa nào dấu ở đáy biển sâu, đứa
nào dấu trên núi cao, đứa nào dấu
trong thành phố lạ
ở tận cùng cuộc kiếm tìm đứa nào
mang trả lại cho ta. ■

trần đức uyển

KỂ CHUYỆN VỀ HOA HỒNG

Xin quí vị hãy lắng nghe tôi kể chuyện hoa hồng. Hãy yên lặng và nghiêm trang. Những chiếc mũi cà chua không được thở, những con mắt đui mù gian dối, hãy nhắm lại, những chiếc miệng sắp loe ra hãy khép kín, những chiếc bụng phệ hãy lăn đi, những khuôn mặt phì nộn mau úp xuống. Súng đạn hãy ngưng nổ. Ta không muốn nhìn thấy nữa, những thứ khốn nạn và bẩn thỉu đó, những thứ đang làm độc và phỉ báng nền văn minh nhân loại, với những nhân danh hèn hạ nhất

Xin quí vị hãy lắng nghe tôi kể chuyện hoa hồng. Hãy yên lặng và nghiêm trang. Ở đây chỉ còn lại sự nghèo đói của đồng bào, sự ngu dốt và bệnh tật. Ở đây chỉ còn lại những chân tay một nửa, những thân thể dở dang, những cuộc tình đứt đoạn, những cặp mắt buồn phiền, những vầng trán nhăn nheo, những mái tóc cằn cỗi và những trái tim biết rung động. Ở đây chỉ còn lại một mình tôi với bông hồng trên tay.

Thưa quí vị, hãy lắng nghe tôi kể chuyện hoa hồng. Chúng ta hãy trồng nó trên những miệng hố trong các khu rừng già, thay thế cho bàn chông. Chúng ta hãy trồng nó quanh giao thông hào, trên miệng hố cá nhân, trên một đoạn đường vừa nối, trên các toa xe lửa đã đổ, trên những nấm mộ của các nạn nhân chiến tranh. Chúng ta hãy trồng nó và tưới nước trong những thửa ruộng nứt nẻ thay thế cho cỏ hoang. Chúng ta hãy trồng nó trong những làng xóm xơ xác chỉ có cột nhà cháy và dây leo. Chúng ta hãy trồng nó ở những nơi gió mùa đang thổi vào lục địa, ở Kontum, Pleimê, Bình Giả, ở Đồng Xoài, Chu Lai, Vinh và Đồng Hới, ở Hải Phòng và Đà nẵng, ở Hà Nội, Huế và Sài gòn, ở khắp mọi nơi, ở bất cứ đâu mà chân ta có thể tới.

Còn đợi gì nữa, hỡi hoa hồng của ta, hỡi tường vi hãy nở. Nở lan tràn trên mặt đất, nở kín mặt địa cầu, nở đầy sông, đầy biển, nở thay thế cho hỏa châu, cho cây nấm hãi hùng của bom A bom H. Hỡi tường vi hãy nở: nở rực rỡ như mặt trời, dịu dàng như mặt trăng và đông đảo như chòm sao ngân hà,

Hỡi tường vi hãy nở, thơm như gạo cốm, tròn như tình yêu, hiền như nụ cười, ngay thẳng như tiếng nói và thẳm như mắt. Em hãy nở trong lành cùng không khí ban mai, nở tươi mát như hoa huệ, nở đẹp như hoa sen và rất tự do. Buổi xế chiều em hãy mang đến cho ta những hương vị nồng nàn thay cho mùi khói phi cơ hàng chục năm nay.
Ta sung sướng ngạt ngào khi thở.

mỗi tuần

MỘT VẤN ĐỀ

thực và phi thực

L'œuvre d'art est un irréel — SARTRE

MỘT bức họa, một pho tượng, một bản nhạc, một vở kịch được trình diễn, một cuốn tiểu thuyết v. v... là những tác phẩm nghệ thuật. Chúng đều *có thực*, hiện diện trước người thưởng ngoạn chúng. Thiết tưởng ai cũng ít nhiều ngạc nhiên khi thấy Sartre khẳng định : Tác phẩm nghệ thuật là cái *phi thực*. (1)

Trước hết cần định nghĩa danh từ phi thực. Phi thực không có nghĩa là không hiện hữu. Theo Sartre, vật phi thực hiện hữu, nó hiện hữu như là phi thực, và sự hiện hữu của nó là điều không thể chối cãi. Phi thực bởi vậy không có nghĩa như một *hư vô tuyệt đối*. Tỉ dụ những ảnh tượng ta gợi trong đầu óc, đó là những phi thực, tuy nhiên ta không thể phủ nhận sự hiện diện của những ảnh tượng đó. Vậy một ảnh tượng là cái phi thực, điều đó dễ hiểu. Nhưng khi tôi nhìn bức họa treo trên tường, pho tượng ở công viên, cuốn tiểu thuyết trên mặt bàn, những vật đó có thực, tôi có thể sờ mó tảng sơn dầu, có thể đặt tay lên chất thạch cao, làm sao tôi có thể bảo chúng là vật phi thực được ?

Đứng trước một pho tượng, ý thức tôi nhận biết đó là pho tượng, nhưng nếu tôi quan sát bức tượng *như là* một bức tượng, quan sát với thái độ tôi thường có trước những dụng cụ, thì không ai chối cãi pho tượng ấy là có thực, như cái bàn, cái ghế. Tôi chỉ nhìn nó như một đồ vật, một khối thạch cao được nhào nặn. Với cái nhìn đó, pho tượng không còn là tác phẩm nghệ thuật. Nó chỉ xuất hiện như một tác phẩm nghệ thuật khi tôi nhìn nó với một *thái độ*, một *ý hướng* khác : *thái độ thẩm mỹ, ý hướng nghệ thuật*. Có thể nói ngay được là chính ý hướng nghệ thuật đã làm pho tượng trở thành phi thực, đã *phi thực hóa* pho tượng.

Tại sao vậy ? Vẫn bức họa đó, vẫn pho tượng đó, phải chăng chúng che dấu *một cái gì*, một yếu tố nghệ thuật ? Phải chăng chúng che dấu một *yếu tính*, một *hữu thể thẩm mỹ* ? Không phải vậy. *Một vật hiện hữu là tất cả những gì nó biểu lộ ra bên ngoài*. Tư tưởng hiện đại đã khẳng định điều đó với Husserl, Heidegger, Sartre. Sartre mở đầu cuốn « Hữu thể và hư vô » L'Être et le Néant (được coi là thánh kinh của chủ nghĩa hiện sinh) : tư tưởng hiện đại đã tiến một bước đáng kể khi giản lược vật hiện hữu vào chuỗi dài những biểu hiện của nó. (2) Hữu thể của vật hiện hữu chính là cái nó biểu lộ ra bên ngoài, cái biểu hiện của vật hiện hữu không che dấu yếu tính của vật hiện hữu mà ngược lại, nó mặc khải, phô bày yếu tính đó. Tư tưởng hiện đại không còn tin tưởng và những thực tại «ẩn tượng» (réalitée nouménales) đã từ chối những ảo tưởng về thế giới bên kia (illusions des arrières mondes) Nietzsche Husserl chỉ chấp nhận những hiện tượng thuần túy, phénomène pur. (người ta hiểu tại sao Husserl nói tới sự có thể có một trực giác những yếu tính (intuitions des essences : Wesenschau — Heidgger từ chối sự phân biệt giữa hữu thể và hiện tượng bởi *hữu thể chính là hiện tượng*, Triết học cổ điển coi hiện tượng chính là cái tương đối. đàng sau nó còn có ẩn tượng (noumène) là cái tuyệt đối bị che dấu, Với Husserl và Heidegger, hiện tượng là cái tương đối tuyệt đối (le relatif absolu) không còn gì ngoài hiện tượng,

Trở lại vấn đề tìm hiểu tác phẩm nghệ thuật. Tác phẩm nghệ thuật không che dấu yếu tố thẩm mỹ, nhưng yếu tố đó chỉ xuất hiện khi người thưởng ngoạn có thái độ thẩm mỹ, có ý hướng nghệ thuật. Thái độ, ý hướng đó nhằm lĩnh hội tác phẩm nghệ thuật như một vật hiện hữu thực sự, nhưng hiện hữu với một cách thế khác, hiện hữu như một phi thực, Sartre : « đối tượng thẩm mỹ không tự dâng hiến cho một *ý thức hiện thực* (Objet esthétique ne peut pas se donner à une conscience réalisante — L'imaginaire, p. 253). Ý thức hiện thực, Sartre muốn nói tới ý thức ta thường có trước những dụng cụ, những sự vật của đời sống hàng ngày, một ý thức nhằm *tác động* trên sự vật. Đối tượng thẩm mỹ đòi hỏi một ý thức tưởng tượng, conscience imageante. Từ đó chúng ta có thể đưa ra một nhận xét : ý thức nghệ thuật có một vài tương quan đồng tính với ý thức tưởng tượng. Đối tượng của ý thức tưởng tượng là những ảnh tượng, là cái phi thực, cũng như ý thức nghệ thuật phi thực hóa những tác phẩm nghệ thuật. Nghệ thuật, nói như Bayer, là *ảo tưởng* là *giả định*. Nghệ thuật tự nó là cái không phô diễn ra một cách minh bạch, nó như bơi trong một « hào quang tối tăm » (4)

Nhìn vấn đề ở một khía cạnh khác, chúng ta có thể nhận thấy một vài tương quan đồng tính giữa ý thức thẩm mỹ, nghệ thuật với ý thức *triết học*, ý thức *siêu hình*.

Chúng ta không thắc mắc về sự vật khi coi chúng là hiển nhiên.

Tri thức thông thường và tri thức khoa học nhằm đạt những kiến thức phổ quát, những chân lý *hiển nhiên*. Nhưng ta không còn thấy sự vật là hiển nhiên, ta sẽ ngạc nhiên, bỡ ngỡ, thắc mắc vì cảm thấy sự vật như xuất hiện lần đầu tiên đầy kỳ lạ Đó là khởi điểm của mọi kinh nghiệm siêu hình (Platon cũng quan niệm khởi điểm của triết học là sự *kinh ngạc*, étonnement) Người mang ý thức siêu hình không còn nhìn sự vật với khuôn mặt hằng ngày mà bỗng nhiên khám phá những chiều cạnh lạ lùng, bí ẩn của sự vật, người đó *thoát khỏi lãnh vực của hiển nhiên*, có nghĩa là *thức tỉnh*. Nói như Merleau-Ponty : « nếu chăm chú nhìn một cái nhà không thiên kiến, sẽ thấy hiện lên một khuôn mặt đời đời vĩnh cửu, và tự cái nhà, toát ra một cái gì ngây ngất kinh khủng ». (5) Chàng Roquentin trong La Nausée của Sartre, một lần ở công viên. ra khỏi lãnh vực của hiển nhiên, đã bàng hoàng kinh ngạc trước một rễ cây si, đã khám phá sự hiện hữu của rễ đó, thấy cái rễ « xuất hiện như một rễ cây, bây giờ, và như thế đấy ». Hoặc tình cảm về nỗi phi lý của cuộc đời của Albert Camus : một người đang sống bình thường, đời sống trôi đi theo một nhịp điệu đều đều. buồn nản : sáng trở dậy, đi xe điện bốn giờ sở làm, ăn trưa, lại xe điện, bốn giờ sở, ăn chiều, buổi tối, rồi giấc ngủ, cứ thế, thứ hai thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy ; tới một ngày nào, một giờ phút nào, người đó thoát vòng bao bọc của hiển nhiên trong khoảnh khắc nhận thấy nỗi phi lý của cuộc đời và tình cảm phi lý đó, theo Albert Camus nẩy sinh một cách bất chợt « ở một khúc quanh của phố hay trong tiếng trống

nhạc của một tiệm nước».(6) Hoặc kinh nghiệm về sự *xao xuyến* (angoisse) của Heidegger : một người sống yên ổn, bình thản trong lãnh vực của hiển nhiên, của tầm thường thường nhật, sống trên những nền tảng vững chắc của cuộc đời (nền tảng luân lý, đạo đức; xã hội v.v...) bỗng nhiên người đó thắc mắc, tra hỏi chính những nền tảng mà từ trước mọi người vẫn chấp nhận không hoài nghi, và cảm thấy xao xuyến trước sự mong manh tan vỡ của những nền tảng đó (theo Heidegger, sự xao xuyến đó mặc khải cho con người biết thế nào là *hư vô*).

Ý thức siêu hình xuất hiện khi con người không còn mang cái nhìn hiển nhiên về sự vật, khi con người tuy vẫn ở trong đời sống tầm thường và cần thiết, nhưng khám phá về kỳ lạ và huyền nhiệm của sự vật.

Thái độ thẩm mỹ, ý hướng nghệ thuật cũng là sự thức tỉnh đó, sự thức tỉnh cần thiết cho con người làm nghệ thuật. Người làm nghệ thuật phải biết phá vỡ những khuôn khổ thông thường phải từ bỏ những cái nhìn thông thường hiển nhiên về sự vật. Bayer diễn tả điều đó bằng một lời giản dị : trong thái độ thẩm mỹ, trí óc con người không còn nhận định sự vật bằng cách thái thông thường. (7)

Sự thức tỉnh phá vỡ những khuôn khổ không phải chỉ cần thiết cho con người làm nghệ thuật, cho nhà triết học mà cả cho những người muốn sống cuộc đời *đích thực*, muốn sự hiện hữu của mình có một *ý nghĩa*. Một người được sinh ra rồi trưởng thành trong những khuôn khổ có sẵn, dần dần chấp nhận mà không thắc mắc hoài nghi những khung cảnh hiển nhiên quen thuộc, mọi cử chỉ hành động, lối suy tưởng đều rập theo đường lối đã được quy định : đó không phải là một đích thực với cá tính riêng biệt, với bản ngã độc đáo, mà là một « người ta », das man, le «on» theo Heidegger, một người dưới phố, một người nào đó. Họ không còn tưởng tượng rằng họ có thể làm khác hơn. Đó chính là những người bị lưu đày trong lãnh vực của hiển nhiên. domaine de l'évidence. Theo Gusdorf, đó là những người bị lưu đày, những tù nhân đáng thương hơn hết, vì những người tù đó không ý thức, nhận biết được tình trạng lưu đày của mình. Hãy hiểu lời nói đầy ý nghĩa của Lagneau : Những tù nhân bị đày ải trong hang đá chính là những người bị lưu đày trong lãnh vực của hiển nhiên.

Những người tù trong hang đá : thần thoại nổi tiếng của Platon. (8)

Người làm nghệ thuật chỉ thể sáng tạo khi từ bỏ cái nhìn thông thường, hiển nhiên để khám phá cái chiều cạnh lạ lùng, kỳ diệu của sự vật, và tác phẩm nghệ thuật đó chỉ mở ra trước thái độ thẩm mỹ của người thưởng ngoạn. Người sáng tạo tác phẩm khi hoàn tất công trình của mình, công trình đó tự nó vẫn là cái chưa hoàn thành. Nó cần sự góp mặt của người thưởng ngoạn. Nói như Sartre, tác phẩm nghệ thuật là một lời *mời gọi* (appel), điều đó có nghĩa một nghệ phẩm mời gọi người thưởng ngoạn *tham dự* vào công việc hoàn thành tác phẩm. Những người ở ngoài địa hạt nghệ thuật không thể tham dự vào công việc đó. Có thể nói người sáng tạo và người sáng tạo là những *đồng lõa* mà người ngoài cuộc không thể dự phần. Giữa nghệ thuật và triết học, theo Bayer, nghệ thuật *cô đơn* hơn và *khép kín* hơn. Nghệ thuật có một sinh hoạt riêng, một khuôn mặt riêng, nói khác đi, có một *thế giới nghệ thuật*.

Trở lại vấn đề phi thực, khi quan niệm tác phẩm nghệ thuật như một phi thực, một vấn đề nền tảng được đặt ra : nghệ thật phải chăng là *phủ nhận* thực tại, phủ nhận cái có thực để sáng tạo cái phi thực? Cần nói ngay : Không phải vậy — Bàn về nghệ thuật hình thức, art formel, thứ nghệ thuật chủ trương phủ nhận. tiêu hủy thực tại. Albert Camus đã chỉ trích : Không một thứ nghệ thuật nào có thể hoàn toàn phủ nhận thực tại.(9)

Theo Albert Camus nghệ thuật hình thức có thể hủy diệt dần dần những nội dung hữu thực, những chất liệu của thực tại, nhưng một *giới hạn* luôn luôn chờ đợi thứ nghệ thuật đó. Và hình học thuần túy mà hội họa trừu tượng, vô hình dung muốn vươn tới, vẫn phải vay mượn màu sắc và luật viễn cảnh của thế giới bên ngoài. Camus kết luận : Chủ trương duy hình thức thực sự, là *im lặng* (Le vrai formalisme est silence). Cuộc đời, thực tại đó là những gì *chắc thực* mà nghệ thuật của con người, mà sự tưởng tượng của con người đều không thể phủ nhận nổi. Mọi sáng tạo nghệ thuật ngay cả mọi thần thoại hoang đường, vì tất cả đều là những sản phẩm của loài người, nên vẫn mang những dấu vết của con người, những chứng tích nhân bản : thí dụ những thần linh trong thần thoại La Hy, vì do con người tạo nên, nên những thần linh đó vẫn là *người* với đầy đủ nhân tính : có yêu thương có ghen tuông giận dữ, có thèm muốn dục tình. Nói như Camus, quỷ nữ Gorgone (nàng Méduse có phép biến thành đá những người nào nhìn nàng) hiển nhiên là một tạo phẩm hoàn toàn tưởng tượng, nhưng cái miệng hình thú của quỷ nữ và những con rắn bao quanh nàng, vẫn là những sản phẩm của thiên nhiên của trần gian. Nghệ thuật tuy là lãnh vực phi thực, nhưng vẫn không thể hoàn toàn phủ nhận thực tại, nghệ thuật vẫn *khởi từ* thực tại, bắt nguồn từ thực tại.

Một vấn đề khác : nghệ thuật phải chăng là mô phỏng thực tại ? Không phải vậy. Ngay từ Aristote : nghệ thuật không phải là một bản chép lại, cũng không phải là vẻ đẹp tự nhiên. Albert Camus cũng chỉ trích nghệ thuật *duy thực*, thứ nghệ thuật chủ trương chụp lại y nguyên thực tại như một máy ảnh : nghệ thuật nhiếp ảnh toàn thiện nhất cũng đã phản bội thực tại, vì nghệ thuật đó khởi từ một sự lựa chọn, và đã khoác một giới hạn cho cái không có giới hạn (là thiên nhiên)(10) Cả nghệ thuật hình thức (phủ nhận thực tại) lẫn nghệ thuật duy thực (mô phỏng thực tại) theo Camus đều là những quan niệm *phi lý*.

Sự thực không thể mô phỏng hoàn toàn thực tại dù bằng nghệ thuật hay bằng triết học hoặc *khoa học*. Khoa học dù khách quan, chính xác tới đâu cũng không thể đạt một thực tại « như là một thực tại » réalité telle qu'elle est. *Không thể đạt khách quan tính của sự vật của thực tại một cách triệt để*. Trở ngại không phải vì chủ quan tính của người quan sát, của nhà bác học hay của chủ thể nhận thức, mà còn về phần *sự vật, đối tượng* : sự vật cũng không hoàn toàn khách quan, nguyên hình khi ta quan sát nó. Một thí dụ : người ta đã nói tới *sự hổ thẹn* của hạt điện tử, pudeur de l'électron, trước cái nhìn của nhà bác học — hạt điện tử quay đi trốn chạy trước cái nhìn đó. Mong mỏi đạt khách quan tính của thực tại, mong mỏi chụp lại y nguyên thực tại, đó là một *ảo tưởng* của loài người. Theo Gusdorf, ý niệm «thực tại như là thực tại» là một trong những *thần thoại* hoang đường (mythe) của khoa học.

Baudelaire đã gọi nghệ thuật duy thực là kẻ thù của nghệ thuật. (cette doctrine (le réalisme), ennemi de l'art— Baudelaire — curiosités esthétiques). Theo G. Séailles, không có thứ nghệ thuật nào gọi là duy thực, và danh từ duy thực đó, theo ông là để chỉ thứ nghệ thuật duy tâm « của sự hư hỏng, lệch lạc của sự xấu » (Le réalisme n'existe jamais, ce qu'on appelle de ce nom,

■ xem tiếp trang 27

trong nghệ thuật

phạm kiều tùng

günter grass

Tôi đi học

KLEPP hay đề ra hàng giờ để lập thời khóa biểu. Hắn thường vừa san định thời giờ vừa nuốt xúc xích với đậu, điều này chứng tỏ rằng cái thuyết của tôi đúng, rằng là những người mơ mộng thường ăn nhiều hơn mức bình thường. Và cái sự chăm chú hàng giờ hay hàng nửa giờ của hắn khẳng định một cái thuyết khác của tôi, rằng là có lẽ chỉ những kẻ lười lĩnh vào bậc nhất mới chịu khó sản xuất những phát minh nhằm tiết kiệm sức lao động.

Năm nay cũng vậy, Klepp đã bỏ ra hơn hai tuần để làm thời khóa biểu cho những hoạt động của hắn. Hắn đến thăm tôi hôm qua. Làm ra vẻ bí mật lúc đầu, rồi bỗng hắn vớt trong túi áo ra một tờ giấy gấp cẩn thận và đưa cho tôi. Hắn tỏ ra rất vừa lòng về mình : Hắn vừa hoàn thành một chương trình tiết kiệm sức lao động nữa.

Tôi đọc trong cái công trình đó và chẳng thấy gì mới lạ : ăn sáng lúc 10 giờ, suy nghĩ cho đến bữa cơm trưa; ngủ (một giờ) sau cơm trưa, rồi một bữa cà-phê, ngủ nếu có thể tìm được xe dễ dàng ; nằm thổi sáo (một giờ) dậy : vừa thổi kèn túi vừa đi quanh phòng (một giờ) ; tiếp tục chơi kèn túi ngoài sân (nửa giờ). Sau đó đến những khoảng dài hai tiếng, ngày nào cũng vậy, tuần tự cho việc ăn xúc xích uống lave hoặc xi-nê; trong trường hợp nào, trước cốc lave hay xuất hát bóng, cũng có một hồi tuyên truyền kín cho đảng Đức Cộng hãy còn chưa được công nhận (khoảng nửa giờ và không được quá nửa giờ). Mỗi tuần ba lần chơi nhạc khiêu vũ ở quán Một Sừng; vào ngày thứ bảy thì lave và tuyên truyền được chuyển qua buổi tối, buổi chiều dành cho việc tắm rửa xoa bóp ở Grunstrasse, theo sau là sinh lý với một cô gái (45 phút) ở « U 9 », rồi cùng với cô ta và bạn cô ta uống cà-phê ở hiệu Schwal, cạo râu hay nếu cần, cắt tóc trước khi hiệu cắt tóc đóng cửa; nhanh chân đến quán Photomaton; và lave, tuyên truyền cho Đảng và nghĩ ngơi.

Tôi thật phục cái thời khóa biểu làm kỹ lưỡng nhiều lần của Klepp, xin hắn một bản và hỏi hắn làm thế nào để lấp những lỗ hổng bất ngờ. « Ngủ, hay suy nghĩ về đảng», hắn trả lời không cần suy nghĩ.

Tự nhiên chuyện này nhắc Oskar tôi đến lần tiếp xúc đầu tiên với một cái thời khóa biểu.

Việc này bắt đầu một cách hiền lành với cái vườn trẻ của cô Kaner. Vợ chú Jan mỗi buổi sáng dẫn tôi với thằng Stephan con cô đến vườn trẻ ở Posadowski-Weg, ở đó hai đứa tôi cùng 6 đến 10 đứa khác — một vài đứa luôn luôn đau ốm — bị người ta bắt chơi đùa đến độ « buồn nôn ». Có điều may là cái trống của tôi được đem vào lớp như một món đồ chơi. Tôi không bao giờ bị bắt chơi trò xây nhà, và chỉ chịu cưỡi ngựa gỗ khi người ta cần đến một tay kích cỡ kỵ mã đầu đội mão giấy. Cái thành tích đầu tiên của việc đánh trống là cái váy lụa đen đầy những cúc là cúc của cô Kaner. Mỗi ngày, dăm bảy lần, tôi cởi những cái cúc trên mặt trống, và khi đã cởi xong tôi lại gài lại ngay. Người cô Kaner đầy những nếp nhăn và mồng dính. Tôi không nghĩ rằng đó là cái thân thể mình hằng tưởng tượng.

Những cuộc đi chơi về chiều trên những đại lộ hai bên trồng hạt dẻ dẫn đến rừng Jeschkentaler, qua đài kỷ niệm Guttenberg, lên tận Erbsberg, thường buồn nản một cách thú vị và ngộ nghĩnh như những thiên thần ; cho đến ngày nay tôi vẫn còn mơ có những lần đi đẹp như vậy dưới sự hướng dẫn của bàn tay, bàn tay hình nhân hàng mã, của cô Kaner.

Đầu tiên chúng tôi, tất cả 6, 8 hay 12 đứa được đóng cương. Giây cương là một giải len đan mầu xanh nhạt. Mỗi bên buộc sáu quả chuông, vừa đúng cho 12 đứa trẻ. Cô Kacer cầm đầu giây cương và bọn trẻ tung tăng phía trước, ríu rít trong tiếng chuông leng keng, tôi đập nhẹ nhẹ trên mặt trống qua hết những con đường ngoại ô mùa thu. Thỉnh thoảng cô Kaner lại bắt vào bản « Giê su tôi sống cho người, tôi chết vì ngươi » hay bản « Sao biển, ta mừng đón người » Trong không khí tháng mười trong sáng bọn trẻ hát vang những bản « Mẹ Maria, giúp con », « Mẹ chúa dịu dàng » làm những người qua đường phải ngừng lại trầm trồ. Ở mỗi ngã tư dòng lưu thông đều gián đoạn : xe hơi, xe ngựa, xe ca đứng dừng lại khi chúng tôi mang ngôi Sao Biển qua đường. Người ta nghe như có tiếng giấy kêu khi bàn tay cô Kaner giơ lên vẫy cảm ơn người cảnh binh đã ngăn xe cộ lại.

« Chúa sẽ thưởng cho bạn », cô hứa hẹn trong tiếng sột soạt của chiếc váy lụa. Cho nên, Oskar tôi rất tiếc phải xa Franlen Kaner cùng bộ cúc váy của cô vào mùa xuân thứ bảy trong đời mình và cũng chỉ vì thằng Stephan. Lý do xấu xa nhất là chính trị, mà ở đâu có chính trị tất có bạo hành. Chúng tôi vừa đến Erbsberg. Cô Kaner cởi giây cương bằng len ra, lá cây lóng lánh ánh nắng, những lộc non đang cựa mình trên ngọn cây, Cô Kaner ngồi trên một bảng chỉ đường đầy rêu, cái bảng ghi rõ những nơi có thể đi bộ đến trong vòng một giờ, một giờ rưỡi hoặc hai giờ. Như một thiếu nữ mà mùa xuân đang đem đến cho những ý tưởng rạo rực, cô bắt đầu hát tra-la-la gật gù cái đầu theo kiểu động kinh (như cái đầu gà tơi vậy), tay đan đều đều một giây cương mới, mà lần này chắc chắn màu đỏ rực. Khốn thay, tôi không bao giờ được mang cái giây cương đó, vì bỗng nhiên từ trong bụi rậm vang lên những tiếng khóc. Franlen Kaner chạy là là trên đôi chân cà kheo vào nơi rậm rạp, lôi theo cái giải len đỏ, Tôi chạy theo cô và cái giải len, tuy đỏ mà cũng không đỏ bằng cái cảnh tôi thấy liền sau đó : máu chảy ròng ròng trên người Stephan, thằng Lothar có tóc xoắn và gân xanh trên thái dương đang quì trên ngực thằng nhỏ ốm yếu và đang quả quyết ra sức làm tội cái mũi của nó.

« Đồ Ba lan ! » Lothar vừa đấm vừa rít lên « Đồ Ba lan ». Năm phút sau.khi cô Kaner đóng bọn trẻ con vào dây cương len xanh — tôi một mình thoát ra, quấn cái giây cương đỏ vào mình — cô lầm bầm một đoạn kinh thường được đọc giữa hai lễ Hiến tế và Thánh Thể: «Cúi đầu vì nhục nhã, thân này đau đớn và ăn năn.. »

Từ Erbsberg xuống chúng tôi dừng lại ở đài kỷ niệm Guttenberg. Chỉ một ngón tay dài vào Stephan đang sụt sùi trong cái khăn tay, cô Kaner nói dịu dàng :

— Nếu có là dân Ba lan, đó cũng không phải là lỗi của Stephan. »

Theo lời khuyên của cô Kaner, Stephan thôi không đến học ở vườn trẻ nữa. Tuy không là dân Ba lan và cũng không lấy gì làm ưa Stephan cho lắm, Oskar mình định rằng nếu Stephan không thể đi học nữa, nó cũng thôi. Rồi lễ Phục sinh đến và người ta lại đem chuyện đi học ra bàn cãi. Bác sĩ Hollatz quyết định qua cặp kính giọng sừng của ông là không có gì nguy hiểm, và ông cũng nói : «Việc bé Oskar đến trường chả có gì là nguy hiểm ».

Chú Jan đang tính cho thằng Stephan vào học trường công Ba lan sau lễ Phục sinh nên không chịu nghe khuyên can. Chú cứ lập đi lập lại cho mẹ tôi và Matzerath (1) biết chú là một công bộc của nước Ba lan, ăn lương hậu và có việc làm tốt ở nhà giây thép. Phải nhớ rằng chú là người Ba lan và cô Hedwigi cũng thành Ba lan một khi lo xong đầy đủ giấy tờ. Lại nữa, một đứa trẻ sáng láng như thằng Stephan con chú không cần phải đến trường mới học được tiếng Đức. Còn phần Oskar — Jan luôn luôn thở dài nhẹ mỗi lần nhắc đến tên «Oskar » — nó cũng được sáu tuổi như thằng Stephan nhưng nó nói chưa được rành rọt; nói chung thì nó hơi «chậm» so với số tuổi nó, về thể chất thì kể cũng được, nhưng cha mẹ nó cũng cần xét lại, dù sao việc đi học cũng có tính cách cưỡng bách rồi — miễn là ở trường học người ta không nêu ý kiến phản đối,

Ở trường học người ta tỏ ra không thông cảm và đòi giấy chứng nhận của bác sĩ. Hollatz xác định rằng tôi là một đứa trẻ khoẻ mạnh, ở tôi, ông phải công nhận là sự phát triển thể chất ngừng lại ở năm lên ba, và tôi nói không sõi, nhưng về mặt tinh thần tôi không thua kém một đứa trẻ ở tuổi lên năm, lên sáu Ông cũng đã động một ít đến tuyến giáp trạng trong cổ tôi.

Tôi thành vật thí nghiệm cho đủ loại khảo sát và trắc nghiệm. Nhưng đã quá quen với những trò đó nên tôi chấp nhận chúng một cách bất bạo động đến độ lạnh nhạt, và lại không ai tỏ ý muốn lấy mất cái trống của tôi. Người ta vẫn còn sợ hãi khi nhớ đến việc Oskar tôi đã tiêu hủy toàn bộ những lọ đựng phôi, thai cùng cóc nhái, rắn rết của Hollatz.

Chỉ ở nhà tôi mới bị bắt buộc phải dùng đến tiếng hét sắc như kim cương của mình. Đó là vào buổi sáng hôm tôi đi học đầu tiên, lúc mà Matzerath đã không suy nghĩ hơn thiệt trước khi bắt tôi để cái trống lại nhà không cho đem đến trường.

Khi ông lại giở cái trò dùng sức mạnh để lấy đi cái không thuộc quyền sở hữu của mình, vốn là một nhạc cụ mà ông không biết xử dụng — và cũng vì thế mà đánh giá nó quá thấp — Oskar tôi hét lên một tiếng làm tan tành cái lọ hết sức quý giá. Khi cái lọ hết sức quý giá nằm trên sàn nhà dưới hình thức những mảnh vụn hết sức quý giá, Matzerath, vốn rất

khuất lấm

dịch

quý nó, giơ tay lên định đánh Oskar tôi. Kịp khi đó mẹ tôi chồm lên và Jan, vừa ghé qua với thằng Stephan cầm một cái sừng hoa quả lớn cũng can thiệp vào.

« Thôi, thôi, Alfred ! » Jan nói nhỏ nhưng đầy xúc động và Matzerath, siu đi dưới tia nhìn trong đôi mắt xanh của Jan và đôi mắt xám của mẹ tôi, đành buông thõng tay xuống và cho nó vào túi quần.

Trường Pestalozzi là một ngôi nhà ba từng hình hộp, mái bằng, tường xây gạch đỏ không trát vách mà gắn thạch cao, trường được xây bằng lời kêu đòi rầm rĩ của những nghị sĩ Dân chủ Xã hội, vào thời đó vẫn còn hoạt động mạnh mẽ trong vùng. Có thể nói là tôi không ghét cái hộp đó, trừ cái mùi thoát ra từ bên trong và bọn lực sĩ chạm nổi trên những tấm thạch cao.

Miếng đất trải sỏi phía ngoài cổng trồng lơ thơ vài gốc cây bị thu nhỏ đến độ bất thường khiến người ta không khỏi sửng sốt khi thấy chúng còn có thể đang ra lá, những cái cây đó dựa trên những cọc sắt trông giống như những cái pháp trượng của các giám mục. Từ khắp nơi túa đến các bà mẹ, một tay cầm sừng hoa quả một tay giắt theo những đứa trẻ kêu la inh ỏi hoặc những đứa đáng làm gương mẫu. Trong đời mình chưa bao giờ Oskar tôi thấy nhiều bà mẹ cùng chung hướng về một nơi làm vậy. Như thể là họ đang trên đường đến chợ để bầy đứa con đầu lòng hay đứa thứ nhì như một món hàng đổi chác vậy.

Vừa vào đến cửa, tôi đã bắt ngay được cái mùi quen thuộc của trường học, thân thuộc đến độ tưởng như không có gì thân thuộc hơn. Trên nền hành lang gắn vài cái bồ đá, cố sắp xếp cho có vẻ tự nhiên. Từ đáy bể, nước tung vọt lên thành ngọn đều nhau. Bọn trẻ con, trong đó có vài đứa bằng tuổi tôi, xúm quanh uống nước nhắc tôi nhớ lại con lợn nái của ông chú Vincent : nó thường nằm nghiêng một bên, chìa vú ra cho lũ con hung hăng đói khát tấn công.

Bọn trẻ con cong người trên những cái bồ, tóc xõa xuống, mặc cho những tia nước vọt thẳng chui vào miệng. Không hiểu bọn nó nghịch hay uống nước. Thỉnh thoảng hai đứa nhóm dậy cùng một lúc, má phồng vì nước, súc miệng sùng sục rồi thằng cánh phun vào mặt nhau thứ dung dịch còn ấm hơi miệng và chắc chắn có đủ nước bọt cùng vụn bánh mì đó. Lúc qua hành lang tôi mạnh dạn liếc qua gian phòng thể dục kế cận, đã thấy dáng con ngựa gỗ, cái thang leo, thang giây, và cái xà ngang khiếp đảm (và đã khóc lên như mọi lần, mỗi khi thấy một cái đu khổng lồ so với thân hình mình), tất cả những thứ đó làm khô hết nước bọt trong miệng và tôi cũng muốn được uống như bọn trẻ con. Mẹ tôi đang nắm tay tôi, nhưng khó mà nhờ bà bế tôi, bế thằng Oskar Chim Chích lên cho uống vài ngụm. Giá tôi có để cái trống mà đứng lên thì chắc cũng không với tới cái bồ. Nhưng khi nhảy lên một cái thật nhanh, cố nhìn vào trong bồ và ghi nhận rằng vụn bánh mì cùng những chất bùn mủn độc hại đã bít kín lối thoát của nước, thì cơn khát tưởng tượng khi lang thang trong một sa mạc của những dụng cụ thể dục, biến mất.

Mẹ tôi dẫn tôi lên những bực thang cao lớn tưởng như chỉ dành riêng cho bọn khổng lồ xử dụng, qua những hành lang âm vang, đến một phòng trên cửa treo tấm biển viết chữ 1-A. Gian phòng đã đầy bọn trẻ con cỡ tuổi tôi! Những bà mẹ túm tụm vào bức tường đối diện với cửa sổ phòng học, cầm trong tay những sừng hoa quả (2) tô màu và bọc giấy mỏng theo đúng truyền thống của buổi học đầu. Những cái sừng này còn cao vọt lên trên cả tôi. Mẹ tôi cũng cầm một cái tương tự trong tay.

Khi mẹ tôi dẫn tôi vào lớp đám nhân loại con con và cả những bà mẹ của đám nhân loại đó cười rộ lên. Một thằng nhỏ béo phục phịch muốn đánh cái trống của tôi. Để khỏi phải đụng đến những tấm kính, tôi bắt buộc phải đá cho nó vài đá vào ti-bia, nó ngã ngay, đập cái đầu chải chuốt vào cạnh bàn, tôi nhận mấy cái cốc vào đầu của mẹ tôi vì sự bạo động này. Thằng quỷ con ré lên. Thằng nhỏ đó, đúng vậy, không phải tôi, tôi chỉ ré lên khi có nhân vật nào định lấy một cái trống của tôi. Mẹ tôi, lúng túng vì cuộc dạy dỗ tôi giữa nơi công cộng, nên ấn vội tôi xuống cái ghế ở bàn đầu ngay chỗ ra vào.

Dĩ nhiên là cái bàn so với người tôi thì cao hơn gấp bội. Nhưng bàn ghế lại còn cao hơn nữa, lui về những hàng sau, nơi bọn trẻ con đầy tàn nhang và ngờ nghệch hơn cả ngồi.

Tôi được để yên một mình và ngồi bình thản, vì chả có gì đáng để mất bình tĩnh cả. Mẹ tôi hình như vẫn còn ngượng vì vụ lúc nãy nên cố lẩn vào đám đông các bà mẹ. Đứng giữa họ chắc bà vẫn còn khổ sở vì cái gọi là «chậm» ở Oskar tôi. Nhưng bà mẹ lại nhân đó mà hãnh diện vì những đứa con óc bò chỉ có cái lớn xác hơn tôi.

Tôi không thể nhìn thấy cánh đồng Frobel qua khung cửa sổ vì nó cao không kém cái bàn tôi ngồi. Thật tệ. Được nhìn thấy cánh đồng chắc sẽ đỡ buồn hơn, vì ở đó, bọn hướng đạo, dưới sự hướng dẫn của Greff, anh hàng rau, nhất định là đang căng trại, chơi bài landsknecht, và như những hướng đạo chân chính, làm việc thiện. Như thế không phải là tôi ưa cái sự ngợi ca quá đáng của bọn hướng đạo về đời sống ngoài trời. Cái bắt mắt tôi nhất chính là cái hình ảnh của Greff trong cái quần soóc. Cũng vì lòng mến thương những đứa trẻ ẻo lả, mắt to, xanh xao mà Greff đã sò chân vào hai ống quần của Baden Powell, ông tổ hướng đạo.

Bị lối kiến trúc qui quyệt ngăn không cho thấy vùng ước mơ, tôi nhìn lên trời, và một chập thì quên nó đi. Từng đám mây tiếp tục họp lại với nhau và trôi về hướng tây nam, như thể là ở hướng tây nam mây tìm ra những trò chơi thú vị vậy. Tôi kẹp chặt cái trống giữa đầu gối và cạnh bàn, dù mặt trống chưa nói lên một tiếng đòi đi về hướng tây nam. Phía sau đầu Oskar tôi được cái tựa lưng che chở. Bọn gọi là đồng học ngồi phía sau tôi đứa thì nhe răng, đứa thì rống lên, đứa cười, đứa khóc, đứa đỏ mặt tía tai, Bọn chúng nhổ từng cục nước bọt vào tôi, nhưng tôi không quay lại, tôi làm vẻ chú ý đến những đám mây bình thản bay về một hướng hơn là một bầy khỉ con đang lăng nhăng làm trò khỉ.

Lớp 1-A dịu xuống khi một nhân vật bước vào và tự giới thiệu ngay sau đó là cô Spollenhauer. Tôi không cần giữ yên lặng vì nãy giờ tôi vẫn yên lặng, dành hết tâm trí vào mình hơn là cho những gì sẽ xảy đến. Nói trắng ra là Oskar không cần quan tâm đến những việc sẽ xảy đến vì nó không cần người khác lôi ra khỏi những gì nó đang nghĩ. Vậy thì nên nói rằng Oskar không chờ đợi gì cả, nó ngồi đó, bằng lòng với cái trống còn nguyên chỗ cũ và bận rộn với những cụm mây sau khung cửa kính đánh sạch bóng.

Cô Spollenhauer mặc một bộ đồ đầy góc cạnh nên trông cô có vẻ khô khan như đàn ông ; nhất là cái cổ áo cứng ngắc tưởng như có thể đem ra lau chùi đánh bóng được, nó lại bó chặt cổ cô ở phần quả táo Adam để tạo nên những ngấn sâu thẳm. Vừa bước vào lớp trong đôi giầy bằng đế cô cảm thấy ngay việc lấy lòng đám học trò là cần thiết, và mời : « Mình cùng hát một bài chứ, phải không các em ? »

Câu trả lời là một tiếng rống, mà chắc cô Spollenhauer xem là một lời thỏa thuận vì cô bắt vào ngay, với giọng chua như mèo kêu, bản « Đây tháng năm vui vẻ », dù rằng lúc đó mới là trung tuần tháng tư. Sự báo hiệu tháng năm hơi sớm sủa của cô cũng báo hiệu là tai họa đến tức khắc. Không chờ một dấu hiệu, một lời mời đón, một điệu mở đầu, đám nhân loại phía sau tôi gào lên như muốn bóc hết vôi vữa khỏi tường gạch.

Cho dù không ưa cái vẻ mặt rõ ra là đau mật, cho dù kiểu tóc cắt sát vào đầu và cái ca-vát kiểu đàn ông thò ra sau cổ áo, tôi vẫn thấy tội nghiệp cho «chị» Spollenhauer. Tách ý nghĩ khỏi những cụm mây, những cụm mây chắc chắn không phải đến trường hôm đó, tôi đứng dậy lôi đôi dùi dắt ở giầy đeo trống ra và, dõng dạc, mạnh mẽ đập lên nhịp cho bài hát. Nhưng quần chúng có tai nào, có mặt nào để vào những cố gắng của tôi. Chỉ có cô Spollenhauer gật đầu với tôi một cái khích lệ, cười với những bà mẹ đang dán người vào tường và đặc biệt, riêng cho mẹ tôi, một cái nháy mắt. Xem đó như một lời mời tiếp tục, tôi đánh trống liền tay, lúc đầu êm nhẹ giãn dị, rồi đem hết tài nghệ, tôi trình bày tất cả những cái phức tạp tinh vi của nhịp điệu. Đám nhân loại sau lưng tôi đã ngừng từ lâu những tiếng gào man rợ. Lúc tưởng rằng tiếng trống của mình đang uốn nắn, giũa dỗ những bạn học thành những học trò của mình thì «chị» Spollenhauer tiến đến bàn tôi. Cô đứng nhìn tay tôi xử dụng đôi dùi trống một lúc với một vẻ gần như ngây ngô, cô cười thân mật và cô vỗ tay theo nhịp trống đập. Trong giây phút đó, cô như bớt vẻ gái già quạu cọ, quên đi cái khung do nghề nghiệp choàng lên thân thể mà trở thành người hơn, nghĩa là trẻ con, tò mò, phức tạp và trắng tinh không một ý niệm về luân lý.

Thế mà, khi không bắt theo kịp nhịp trống của tôi cô lại ngã về cái vẻ thẳng cứng chậm chạp thường lệ, và thâm hại hơn nữa, lấy lại cái vẻ mô phạm mà nói rằng : « Chắc em là bé Oskar, ai cũng được nghe nói nhiều về em. Em đánh trống thật hay ! Phải không các em ? Có phải bạn Oskar của chúng ta là một tay trống giỏi không nào ? »

Bọn trẻ con rống lên, những bà mẹ nhích gần nhau hơn, cô Spollenhauer lại trở thành cô Spollenhauer « Nhưng nào » cô lên giọng nhọn sắc như một cái máy gọt bút chì, « ta hãy để cái trống vào ngăn kéo cho nó ngủ vì chắc nó đã mệt lắm rồi. Rồi chờ tan học em sẽ lấy nó ra »

Ngay khi chưa tuôn hết những lời giả dối vô nghĩa này, cô thò ra mười ngón tay cắt móng cụt ngủn theo kiểu cô giáo, và mười ngón tay cắt móng cụt ngủn đó cố tóm lấy cái trống của tôi, cái trống mà nói cho cùng thì không buồn ngủ mà cũng chẳng mệt mỏi gì cả. Tôi thủ chặt cái trống sơn trắng đỏ chéo nhau trong hai tay áo dạt. Lúc đầu tôi nhìn thẳng vào mặt cô, nhưng nhìn mãi cũng chả thấy gì hơn là khuôn mặt cô giáo trường công như trăm ngàn cô giáo trường công khác, tôi muốn nhìn vào bên trong của cô. Tìm vào bên trong cô Spollenhauer tôi thấy đủ chất liệu hấp dẫn khả dĩ, viết ra được ba chương sách thô bỉ, nhưng vì cái trống của tôi đang bị đe dọa, tôi lách mình ra khỏi cuộc sống bên trong của cô, xoáy đôi mắt nhọn sắc như dùi đục vào giữa ức cô và phát giác, trên làn da được chăm sóc cẩn thận, một cái nốt ruồi lớn bằng đồng hào cọc, trên đó, mọc một cụm lông dài.

Không biết có phải vì cảm thấy mình bị nhìn suốt qua, hoặc là được một vết sước trên mắt kính bên phải báo động, cô Spollenhauer ngừng cuộc biểu dương lực lượng lại, cuộc giằng co đã làm những

■ xem tiếp trang 26

LÊN tới đầu cầu, hai người cùng đứng lại. Chiếc cầu đúc quét vôi trắng chỉ có mỗi nhịp. Nhánh sông ở dưới vừa hẹp vừa cạn, như một cái rãnh hơn là một nhánh sông. Nhìn mãi cũng chưa gặp chiếc thuyền nào, chỉ thấy những bè gỗ, hoặc rác, hoặc bèo trám kín gần hết cả mặt nước. Trong đám nhà sàn trên bờ, phía xa, ánh đèn dầu thoát ra, chẳng những không sáng hơn mà còn tối thêm.

Sĩ ngoảnh nhìn về khu chợ phiên, còn nghe rõ máy phóng thanh rao hàng chạm chảm, nhưng những lùm cây đã nhòa hẳn vào đêm, và những chuỗi đèn mầu thì trở thành chân lăng, nhỏ nhít mường tượng nước tung trong nắng.

Sĩ lại nhớ lại những cái bánh xe quay vo vo, những vòng chữ số sặc sỡ, và đôi mắt reo thích, hoặc cái mắm môi thú vị của Phượng, ban nãy. Bây giờ anh hãy còn bực mình vì thái độ Bennett đã khuyến khích Phượng, nàng đặt cửa nào, hắn cũng kè theo, dù biết trước sẽ thua để được mỉm cười thản nhiên. Sĩ lẳng lặng đi tiếp lên cầu.

Phượng cũng thản nhiên bước theo. Không hiểu sao nàng vẫn chịu khó bỏ mặc sự lơ đãng của Sĩ,

Đột nhiên Sĩ để ý đến những tiếng giép của Phượng, ròn đanh, xoáy xuống sàn cầu, vọng lại ở hai thành cầu. Từ nhịp điệu cao nhọn đó, dần dà Sĩ liên tưởng đến một cái gì kênh kiệu, và cảm thấy một cái gì chua sót. Hồi lâu Sĩ mới vỡ lẽ rằng anh đã yêu cả những thói hư tật xấu của Phượng. Chẳng hạn, anh vẫn sợ mà vẫn mê cái nết Phượng quăng tiền đánh bạc, bàn tay vừa măng muốt vừa móng vuốt, tàn nhẫn một cách nên thơ. Anh cho rằng chính Bennett cũng đã có tâm trạng này, như anh.

Sang tới đầu cầu bên này, Sĩ lại đứng lại. Khác chút là anh đã chọn chỗ đứng bên cạnh cái cột đèn, để xem đồng hồ.

— Sắp mười hai giờ rồi. Phượng đã cần về chưa ?

Phượng nhướng mắt, cái cử chỉ hóm hỉnh, nhìn Sĩ thật lâu :

— Ông bà bô đi chơi xa, em toàn quyền, đi đến bao giờ cũng được.

Sĩ khẽ gật đầu và mủm mỉm ngắm Phượng. Tấm áo điểm những đốm hoa cực lớn, ở nàng càng tăng vẻ nghịch-ngợm, thêm cả đôi chút hợm hĩnh. Phượng lẳng cái quai ví về đằng trước; nhí nhảnh :

— Anh chiêm ngưỡng em, hay là lại méo mó nghề nghiệp, định lấy kiểu đấy ?

Sĩ bật cười, anh đặt nhẹ bàn tay vào đáy lưng Phượng, dìu nàng đi :

— Chúng mình gặp nhau nhiều rồi nhưng mới đi chơi lâu lần này là vài lần; phải không Phượng nhỉ ?

— Vâng.

lan đình

MỘT

— Phượng đã biết gì về anh chưa ?

— Anh đứng đắn như ông cụ.

— Còn gì nữa ?

— Lần nào đến nhà anh, em cũng thấy anh đang khất nợ !

— Ừ. Nhưng sao em cứ đến đúng vào lúc anh đang khất nợ ? Càng hay. Anh nghèo, chỉ khác Sơn một chút...

— Nhưng em cũng chỉ mong có một cái nhà nhỏ...

— « Một túp lều tranh hai trái tim vàng » phải không ? Thế lấy tiền đâu cho em đánh bạc ?

— Anh chỉ được cái...

— Anh nói thật đấy chứ.

— Em chỉ định nói... tuy em là con nhà giầu, nhưng em không phải là hạng gái cưới chồng, thì lúc cần lập gia đình bắt đầu, ít ra cũng có cái nhà như anh Sơn với An, chứ đừng khổ quá, mất cả hạnh phúc.

— Đúng.

— Thế sao anh còn mỉa em ?

— Anh sợ rằng Phượng chưa phân biệt được hai thứ nghèo. Anh chỉ là nghèo túng. Hôm nào anh sẽ rủ Phượng trở lại thăm vợ chồng Sơn để em biết thêm, thế nào là nghèo đói.

Phượng ngẫm nghĩ một lát, rồi nhoẻn cười, giọng thăm dò :

— Anh hỏi em nhiều rồi, bây giờ em hỏi anh một câu, một câu thôi...

Sĩ gật đầu :

— Sẵn sàng.

Phượng khẽ liếc Sĩ một cái rồi ngoảnh đi mỉm cười, giọng bẽn lẽn :

— Tại sao cứ ai làm cái nghề gì mà chữ « sĩ » kèm theo thì đều nghèo cả ? Hoặc nghèo túng hoặc nghèo đói.

Sĩ bật cười :

— Chẳng cứ. Bác sĩ, ca sĩ nghèo đâu ?

Phượng cũng bật cười :

— Văn sĩ như anh Sơn, hay họa sĩ như anh, cơ mà !

— Chưa chắc ạ. Bennett, «viết báo» đấy, sao cũng giầu ?

— Psì hắn là ký giả Mỹ.

— Chỉ cần một lần triển lãm này, nếu bán được, anh cũng sẽ giầu. Em còn nhớ không, Bennett đã hứa, hắn sẽ viết một bài thật dài cho phòng tranh của anh. Tờ báo đó có thế lực quốc tế. Ở đây đang đông du khách, chợ phiên mở lâu cả tháng. Hy vọng lắm chứ...

Hai người đã vào tới trong phố tự lúc nào không biết. Vừa lúc một chiếc taxi chạy đến, Sĩ vẫy lại :

— Khuya rồi đấy. Anh đưa Phượng về ?

Ngồi vào xe xong, Phượng ngả đầu lên vai Sĩ, ngước nhìn anh, nói thầm :

— Em sợ anh khó giầu lắm. Bởi vì anh đã lấy tên là Kiệt Sĩ. Kiệt là kiệt quệ.

Sĩ khôi hài giơ một nắm tay ra trước mặt :

— Không. Kiệt là kiệt liệt !

— Thì cũng thế. Liệt là tê liệt.

— Bậy. Oanh liệt !

Phượng với lên, hai ngón tay nhón lấy mũi Sĩ, khẽ lay :

— Anh biết tại sao em yêu anh, yêu từ bao giờ không ?

— Chưa.

— Ngay trong tiệc cưới anh Sơn và An. Bức tranh của anh mừng hai người treo ngay trước mặt em. Đôi vợ chồng buồn buồn nhìn nhau. Vợ nâng cái áo mưa đang vắt trên tay chồng, hình như sắp đem cất đi. Cái nôi bằng tre. Thằng bé ngủ mà cười, Hai bàn tay mũm mĩm cùng nắm chặt lại, ấp sát hai bên má. Ánh sáng thì có vẻ mới chập tối ma trong nhà chỉ thắp đèn dầu, Ngoài cửa sổ mưa loáng thoáng...

Sĩ cúi xuống, nói trên môi Phượng :

— Cám ơn em.

Trong chiếc hôn, Sĩ còn nghĩ thầm «Thế ra Phượng đã yêu mình ngay từ tối hôm đó. Nhưng... »

Tối hôm đó, Sơn với An đã lập hôn thú, về ở chung rồi, họ mới thết tiệc, tiệc trà, tại nhà riêng, chỉ có độ mươi người, toàn bạn thân, thân nhất. Sơn và An đã cố tình xếp chỗ cho Sĩ và Phượng ngồi cạnh nhau. Sau đó, họ còn làm bộ ân cần nhờ Sĩ đưa Phượng về.

Dọc đường, có lúc Sĩ đã nghĩ đến Sơn, đến An, và những lần anh gặp phải trường hợp gọi là « nằm xem thạch sùng đuổi nhau trên trần nhà ». Rồi Sĩ chợt muốn cười Phượng. Nhưng ngay bấy giờ Sĩ lại hiểu rằng chẳng bao giờ anh cưới Phượng được.

Sĩ đã biết trước như vậy qua câu chuyện sơ giao giữa anh và Phượng. Chẳng hạn, vô cớ Phượng đã than nhớ cậu em đang học bên Pháp, và phàn nàn cái máy lạnh vừa hư, thợ chưa đến sửa. Còn có lúc Phượng dụt đầu, thè lưỡi để làm ra dật mình vì chiếc Buick chạy qua, giống xe của cha nàng. Nhưng có lẽ Sĩ chỉ khó chịu nhất vì Phượng hay nói pha tiếng Pháp bằng cách nuốt âm «r» vào cổ họng, « rien » thành « ghiêng »

Mùi hoa ngọc lan, dạ hương vừa thoảng vào trong xe. Bằng kinh nghiệm Sĩ không cần ngó ra ngoài, anh cũng biết đã về tới đầu con đường dẫn vào

NGƯỜI MỸ

nhà Phượng Phượng tự mình mở cửa chạy nhanh vào cổng, gọi chuông xong mới quay lại hoa tay chào Sĩ. Chiếc taxi vừa chạy tiếp một quãng, Sĩ cũng xuống xe, thủng thỉnh đi bộ.

Một thôi dài tình cờ gặp cái quán rượu. Sĩ tạt vào. Chỉ còn mấy người, toàn người Mỹ.

Nhấp một ngụm bia nhỏ, chậm rãi châm điếu thuốc, bây giờ Sĩ lại nhớ Phượng bằng một cảm giác chua sót xa xôi. Đang ngẫm nghĩ thì anh chợt nghe đằng sau có ai vừa xịt mũi. Một người Mỹ ngồi đan tay đỡ cằm, tấm khăn trắng che kín miệng. Hắn ngồi trong góc tối, nhưng nhìn kỹ Sĩ cũng trông rõ một bên mắt đang giỏ giọt, chảy dài xuống gò má.

Hàng ghế đầu bên ngoài quầy rượu đang bỏ không. Sĩ cầm cả chai lẫn cốc, vào ngồi đối diện với gã quản lý :

— Khóc đấy à ?

Người đàn ông còn già vờ cúi xuống tìm kiếm cái gì, lúc ngửng lên mới trả lời :

— Dạ khóc.

— Sao vậy ?

— Va thương con Oanh, chiêu đãi viên ở đây, mà mấy bữa rày nó lánh mặt, không tiếp.

— Quá ta !

Sĩ cúi xuống mỉm cười với cốc bia của mình.

■ ■ ■

Đến lúc đứng chờ xe, Sĩ mới chợt nảy ra ý nghĩ rủ Phượng cùng đến ăn giỗ mẹ An. Bởi vì Sĩ đã tỉ mẩn đoán trước mâm cỗ đạm bạc ở nhà Sơn và nhân đó, anh sực nhớ có lần đã muốn để Phượng biết thêm « thế nào là nghèo đói ».

Sĩ vừa quay bước về phía cái phòng điện thoại công cộng, bỗng nghe nhiều tiếng reo đằng sau, rồi bọn trẻ hùa nhau chạy vào con đường rẽ, ngay đầu phố.

Tò mò, Sĩ đi theo. Một đám cưới. Cả chú rể và bốn phù rể người Mỹ, đều mặc quốc phục Việt Nam, cũng đủ cả khăn xếp, áo chùng thâm, quần dài trắng giép Gia định. Nhíu mắt nhìn vào, Sĩ thấy giữa đám đông nhà gái có bà cụ tóc bạc phơ, đang ngồi chễm chệ ở góc sập, trước cái tủ chè, rõ ra là bà nội đang chờ chấp lễ. Anh buột miệng :

— Bầy đặt !

Bên cạnh Sĩ, thiếu phụ bế con đứng xem, nói một mình :

— Cô dâu dậy Anh văn, chú rể cũng dậy anh văn.

Gã trai đang ăn dở gói thịt bò khô, chép miệng :

- Học giỏi quá, giầu quá đâm khó lấy chồng, cuối cùng lấy Mỹ... là tiện nhất !

Sĩ mỉm cười bỏ đi. Anh liên tưởng đến những cái gật đầu đắc ý của Bennett hôm nào. Có lần vui miệng, Sĩ đã kể lại chuyện một người Mỹ phải khóc vì cô hầu bàn tên là Oanh. Bennett đã thú nhận chính mình cũng mê con gái Việt Nam.

Hắn bảo gái Nhật đã hơn gái Mỹ nhưng còn kém gái Việt. Gái Mỹ chỉ biết làm tôi đàn ông, gái Nhật, chỉ biết tuân phục đàn ông, riêng gái Việt vừa biết chiều chuộng vừa biết hành hạ đàn ông..

Khác hẳn mọi khi, lần này, chuông vừa dứt, Sĩ đã nhận ngay được tiếng «Oui» đài các, quen thuộc. Bất giác, anh hếch mặt lên để làm cái cử chỉ hóm hỉnh một mình :

— Anh đây. Chiều nay nhà Sơn có giỗ, lại là giỗ mẹ An. Em với An thân nhau, nên anh định rủ em cùng đi..

— Tiếc quá. Sao anh không bảo sớm một tí, đô mười lăm phút trước em vẫn chưa bận việc gì. .

— Em bận việc gì ?

— Vừa nhận lời... ngồi sòng với lũ bạn. Chúng nó sắp tới rồi.

— Nếu biết thế, anh đã rủ em từ lúc nãy, không đứng xem cái đám cưới. .

— Đám cưới có gì lạ mà anh cũng đứng xem ?

— Chú rể người Mỹ mặc quần áo dài, đội khăn xếp !

Phượng cười đến phát ho :

— Thế thì Bennett lạc hậu rồi. Tối qua, đến chơi, hắn vẫn yên trí đấy là sáng kiến của riêng hắn..

— Bennett đến chơi à ?

— Em tưởng anh biết rồi ? Ngày hai lần là thường !

— Nó muốn gì ?

— Anh đoán xem :

— Thế là thế nào ?

— Ngại nhất là hắn đã lấy lòng được ba em. Ba em vẫn bảo « thằng ấy được ». Được ở chỗ trí thức, từng trải, có sự nghiệp, và làm nhiều tiền, hơn xa lũ bạn của em toàn dở ông dở thằng, hoặc có tiếng mà không có miếng...

— Đấy chỉ là ý kiến của ba.

— Nhưng ba em cũng đe rằng cha mẹ đặt đâu phải ngồi đấy.

— Anh hiểu em muốn nói gì rồi

— Em không biết trả lời ra sao nữa. Chỉ vì ông cụ nói cũng có lý.

Sĩ đã toan hỏi Phượng một điều gì đó, nhưng anh lại vội vàng hạ máy, vừa cúi xuống vừa nói nốt :

— Anh sẽ đến gặp Phượng ngay bây giờ.

Sĩ xô cửa, nhìn ngược nhìn xuôi để tìm xe. Taxi chạy nườm nượp, nhưng chiếc nào cũng có khách. Đứng chờ mãi dần dà Sĩ trở thành lưỡng lự, hơn nữa, cả hơi thở, da thịt cũng nói ra, mát hẳn.

Chiếc xích lô dừng lại, gã phu xe tụt xuống, cười trong hai ngón tay kẹp điếu thuốc, và cúi xuống điếu thuốc của Sĩ. Đưa cả bao diêm cho gã, rồi Sĩ lẳng lặng ngồi vào xe.

Con đường đổ thẳng ra ngã tư. Chiếc xe ca đưa đón nhân viên của hãng Hải quân Mỹ chết máy, nằm không. Chung quanh có đến một tiểu đội quân cảnh cũng người Mỹ, đứng tản thành từng nhóm nhỏ, lưỡm súng, trông chừng. Họ với đám đông hiếu kỳ cùng tỏ ra nghe ngóng thoạt nhìn cứ tưởng có đảo chính.

Về chiều, nắng quái đang ngột ngạt, bỗng rợp đi. Tòa nhà chung cư chắn kín cả phía Tây. Tòa nhà còn xây dở mới xong đến lầu một, nhưng đã thấy những ô cửa sổ che rèm quần áo phơi đầy ngoài lan can, và tiếng máy lạnh kêu rù rì. Tầng dưới cùng đóng lưới, ở mé cửa chính mấy cái phuy xăng quây lại, chỉ nhìn được đi kính râm, cái mũ sắt và ngọn súng trường nhô lên. Ngoài vỉa hè đoàn xe mầu ô liu, vẽ sao trắng, đậu dài.

Khu vườn hoa cắt quãng hai dãy phố, còn vắng, một họa sĩ người da trắng chắp tay sau lưng, cúi đầu, đi lẩm cẩm trước giá vẽ, và người phụ quét chổi chổi, đứng tò mò.

Dưới một gốc cây, anh xích lô đang kiễng chân, bá vai nói thầm với gã thủy thủ tóc vàng như ánh than, má đỏ hư gấc chín. Dưới một gốc cây nữa, hai người con gái bán hàng xách đang chặn bước một người da đen mặc thường phục, mấy cái áo gối bằng sa tanh rũ ra sáng loang loáng.

■ xem tiếp trang 22

NGƯỜI MỸ

nhà Phượng Phượng tự mình mở cửa chạy nhanh vào cổng, gọi chuông xong mới quay lại hoa tay chào Sĩ. Chiếc taxi vừa chạy tiếp một quãng, Sĩ cũng xuống xe, thủng thỉnh đi bộ.

Một thôi dài tình cờ gặp cái quán rượu. Sĩ tạt vào. Chỉ còn mấy người, toàn người Mỹ.

Nhấp một ngụm bia nhỏ, chậm rãi châm điếu thuốc, bây giờ Sĩ lại nhớ Phượng bằng một cảm giác chua sót xa xôi. Đang ngẫm nghĩ thì anh chợt nghe đằng sau có ai vừa xịt mũi. Một người Mỹ ngồi đan tay đỡ cằm, tấm khăn trắng che kín miệng. Hắn ngồi trong góc tối, nhưng nhìn kỹ Sĩ cũng trông rõ một bên mắt đang giỏ giọt, chảy dài xuống gò má.

Hàng ghế đầu bên ngoài quầy rượu đang bỏ không. Sĩ cầm cả chai lẫn cốc, vào ngồi đối diện với gã quản lý :

— Khóc đấy à ?

Người đàn ông còn già vờ cúi xuống tìm kiếm cái gì, lúc ngửng lên mới trả lời :

— Dạ khóc.

— Sao vậy ?

— Va thương con Oanh, chiêu đãi viên ở đây, mà mấy bữa rày nó lánh mặt, không tiếp.

— Quá ta !

Sĩ cúi xuống mỉm cười với cốc bia của mình.

■ ■ ■

Đến lúc đứng chờ xe, Sĩ mới chợt nảy ra ý nghĩ rủ Phượng cùng đến ăn giỗ mẹ An. Bởi vì Sĩ đã tỉ mẩn đoán trước mâm cỗ đạm bạc ở nhà Sơn và nhân đó, anh sực nhớ có lần đã muốn để Phượng biết thêm « thế nào là nghèo đói ».

Sĩ vừa quay bước về phía cái phòng điện thoại công cộng, bỗng nghe nhiều tiếng reo đằng sau, rồi bọn trẻ hùa nhau chạy vào con đường rẽ, ngay đầu phố.

Tò mò, Sĩ đi theo. Một đám cưới. Cả chú rể và bốn phù rể người Mỹ, đều mặc quốc phục Việt Nam, cũng đủ cả khăn xếp, áo chùng thâm, quần dài trắng giép Gia định. Nhíu mắt nhìn vào, Sĩ thấy giữa đám đông nhà gái có bà cụ tóc bạc phơ, đang ngồi chễm chệ ở góc sập, trước cái tủ chè, rõ ra là bà nội đang chờ chấp lễ. Anh buột miệng :

— Bầy đặt !

Bên cạnh Sĩ, thiếu phụ bế con đứng xem, nói một mình :

— Cô dâu dậy Anh văn, chú rể cũng dậy anh văn.

Gã trai đang ăn dở gói thịt bò khô, chép miệng :

- Học giỏi quá, giầu quá đâm khó lấy chồng, cuối cùng lấy Mỹ... là tiện nhất !

Sĩ mỉm cười bỏ đi. Anh liên tưởng đến những cái gật đầu đắc ý của Bennett hôm nào. Có lần vui miệng, Sĩ đã kể lại chuyện một người Mỹ phải khóc vì cô hầu bàn tên là Oanh. Bennett đã thú nhận chính mình cũng mê con gái Việt Nam.

Hắn bảo gái Nhật đã hơn gái Mỹ nhưng còn kém gái Việt. Gái Mỹ chỉ biết làm tôi đàn ông, gái Nhật, chỉ biết tuân phục đàn ông, riêng gái Việt vừa biết chiều chuộng vừa biết hành hạ đàn ông..

Khác hẳn mọi khi, lần này, chuông vừa dứt, Sĩ đã nhận ngay được tiếng «Oui» đài các, quen thuộc. Bất giác, anh hếch mặt lên để làm cái cử chỉ hóm hỉnh một mình :

— Anh đây. Chiều nay nhà Sơn có giỗ, lại là giỗ mẹ An. Em với An thân nhau, nên anh định rủ em cùng đi..

— Tiếc quá. Sao anh không bảo sớm một tí, đô mười lăm phút trước em vẫn chưa bận việc gì. .

— Em bận việc gì ?

— Vừa nhận lời... ngồi sòng với lũ bạn. Chúng nó sắp tới rồi.

— Nếu biết thế, anh đã rủ em từ lúc nãy, không đứng xem cái đám cưới. .

— Đám cưới có gì lạ mà anh cũng đứng xem ?

— Chú rể người Mỹ mặc quần áo dài, đội khăn xếp !

Phượng cười đến phát ho :

— Thế thì Bennett lạc hậu rồi. Tối qua, đến chơi, hắn vẫn yên trí đấy là sáng kiến của riêng hắn..

— Bennett đến chơi à ?

— Em tưởng anh biết rồi ? Ngày hai lần là thường !

— Nó muốn gì ?

— Anh đoán xem :

— Thế là thế nào ?

— Ngại nhất là hắn đã lấy lòng được ba em. Ba em vẫn bảo « thằng ấy được ». Được ở chỗ trí thức, từng trải, có sự nghiệp, và làm nhiều tiền, hơn xa lũ bạn của em toàn dở ông dở thằng, hoặc có tiếng mà không có miếng...

— Đấy chỉ là ý kiến của ba.

— Nhưng ba em cũng đe rằng cha mẹ đặt đâu phải ngồi đấy.

— Anh hiểu em muốn nói gì rồi

— Em không biết trả lời ra sao nữa. Chỉ vì ông cụ nói cũng có lý.

Sĩ đã toan hỏi Phượng một điều gì đó, nhưng anh lại vội vàng hạ máy, vừa cúi xuống vừa nói nốt :

— Anh sẽ đến gặp Phượng ngay bây giờ.

Sĩ xô cửa, nhìn ngược nhìn xuôi để tìm xe. Taxi chạy nườm nượp, nhưng chiếc nào cũng có khách. Đứng chờ mãi dần dà Sĩ trở thành lưỡng lự, hơn nữa, cả hơi thở, da thịt cũng nói ra, mát hẳn.

Chiếc xích lô dừng lại, gã phu xe tụt xuống, cười trong hai ngón tay kẹp điếu thuốc, và cúi xuống điếu thuốc của Sĩ. Đưa cả bao diêm cho gã, rồi Sĩ lẳng lặng ngồi vào xe.

Con đường đổ thẳng ra ngã tư. Chiếc xe ca đưa đón nhân viên của hãng Hải quân Mỹ chết máy, nằm không. Chung quanh có đến một tiểu đội quân cảnh cũng người Mỹ, đứng tản thành từng nhóm nhỏ, lưỡm súng, trông chừng. Họ với đám đông hiếu kỳ cùng tỏ ra nghe ngóng thoạt nhìn cứ tưởng có đảo chính.

Về chiều, nắng quái đang ngột ngạt, bỗng rợp đi. Tòa nhà chung cư chắn kín cả phía Tây. Tòa nhà còn xây dở mới xong đến lầu một, nhưng đã thấy những ô cửa sổ che rèm quần áo phơi đầy ngoài lan can, và tiếng máy lạnh kêu rù rì. Tầng dưới cùng đóng lưới, ở mé cửa chính mấy cái phuy xăng quây lại, chỉ nhìn được đi kính râm, cái mũ sắt và ngọn súng trường nhô lên. Ngoài vỉa hè đoàn xe mầu ô liu, vẽ sao trắng, đậu dài.

Khu vườn hoa cắt quãng hai dãy phố, còn vắng, một họa sĩ người da trắng chắp tay sau lưng, cúi đầu, đi lẩm cẩm trước giá vẽ, và người phụ quét chổi chổi, đứng tò mò.

Dưới một gốc cây, anh xích lô đang kiễng chân, bá vai nói thầm với gã thủy thủ tóc vàng như ánh than, má đỏ hư gấc chín. Dưới một gốc cây nữa, hai người con gái bán hàng xách đang chặn bước một người da đen mặc thường phục, mấy cái áo gối bằng sa tanh rũ ra sáng loang loáng.

■ xem tiếp trang 22

Lục Cụ sai tên Mách ra tận mé sông Ngõ Ba Đình để kiếm lá trâm bầu. Tên Mách căn nhằn :

— Mình lên rừng U Minh để tìm kho vàng, tưởng là đi một mình, dè đâu có Tư Bá, Hai Tam theo dõi. Hai Tam trốn rồi, Tư Bá ở một mình. Mai chiều, mình tìm cách giết nó. Dễ quá. Hai người như tôi với Lục Cụ chẳng lẽ không đủ tài trí giết Tư Bá ?

Lục Cụ ngáp dài :

— Tao biểu thì mày cứ làm. Mầy lười biếng quá, cứ nói lẳng qua chuyện khác. Mạng của Tư Bá nằm trong tay tao nhưng tao chưa muốn giết nó. Tao để cho nó sống thêm vài tháng để bọn mình đỡ tốn công thám thính chốn rừng sâu.

— Thám thính bằng cách nào ? Ở đây, còn nhiều trấp, nước chảy luồn dưới đất. Chắc là hồi xưa có con kình đào, ăn thông tới . đền vua.

— Kiếm lá trâm bầu cho tao hút Tao ghiền thuốc từ mấy ngay rồi. Đầu óc tao tối om...

Tên Mách sực nhớ : lá trâm bầu có thể dùng để vấn, hút nó như hút thuốc. Khói trâm bầu mùi thơm nhưng không cay.

« Phải từ chối mới được ». Tên Mach sẵn sàng tìm thuốc cho Lục Cụ hút vì con đường từ căn chòi đến mé sông không xa lắm. Hăn chỉ sợ Tư Bá rình rập, chém hắn dọc đường. Nếu thú nhận sự bẻn nhát thì quá xấu hổ. Tên Mách nói trớ :

— Sợ lỡ bí mật...

Lục Cụ căn nhằn :

— Vậy thì tao nhịn hút một giây nữa May rảnh không ? Nếu chậm trễ thì Tư Bá chiếm kho tàng trước bọn mình.

— Dạ rảnh.

— Kiếm cho tao chừng một chục con rùa, thứ rùa hơi to. Coi chừng thằng Tư Bá thấy công việc làm của mầy.

— Bắt rùa là chuyện thường lệ...

— Tao căn dặn, sao mầy ưa cãi lời quá.

Tên Mách nói :

— Để tôi đến gần chòi Tư Bá cho biết nó có ở nhà hay không ?

Chòi Tư Bá trống hoang, có vách cũng như không Bếp un còn tỏa khoi dưới bộ vạt Tư Bá ngồi góc hè, mài cây mác cho bén. Tên Mach hơi luống cuống :

— Chú Tư không ngủ trưa sao ?

— Tao sửa soạn vô rừng đề... đánh cọp. Mầy biết gài bẫy cọp không ?

— Ten Mách sực nhớ : hai đêm trước, có tiếng cọp rống ở phía rừng sâu

— Tôi chưa gài bẫy cọp lần nào.

— Ngày mai nếu rảnh, mầy theo tao cho biết. Uổng quá. Hai Tam đi vắng.

— Hai Tam biết gài bẫy cọp hả ?

— Nó biết toa thuốc bí truyền để thuốc cọp. Cọp ăn mồi, vài giờ sau là ngã lăn ra chết.

— Hai Tam đi đâu lâu quá ?

Tư Bá nói, giọng buồn buồn :

— Cái thằng anh hùng rơm. Nó về xứ rồi Mà nó về xứ.. đó là chuyện may cho bọn mình.

— Sao vậy ?

— Hỏi Lục Cụ thì biết.

— Thôi, sáng mai tôi xin phép Lục Cụ để vô rừng coi chú gài bẫy cọp

Nói xong, tên Mách chạy về chòi, cho Lục Cụ biết rằng Tư Bá còn ở tại chòi của y. Lục Cụ nhắc nhở :

— Bắt hơn mười con rùa mới đủ xài.

— Trời ơi ! Ăn uống gì nhiều dữ vậy ?

Lục Cụ gọi tên Mách đến gần để giải thích. Tên Mách tỏ ra trung thành, sẵn sàng tuân lời, biết sợ oai quyền Lục Cụ nhưng Lục Cụ chẳng dám làm điều gì khiến hắn buồn. Kinh nghiệm trước mắt cho thấy : vì Tư Bá khó tánh mà Hai Tam ra đi, bỏ Tư Bá bơ vơ một mình. Nếu Lục Cụ tỏ ra nghiêm khắc, độc đoán thì tên Mách cũng trốn, bỏ cuộc. Chừng đó, còn ai hộ vệ Lục Cụ trên đường tìm kho tàng bí mật ?

Nghĩ vậy, Lục Cụ nói chậm rãi :

— Mình kiếm một chục con rùa là ít Đáng lý ra, mình kiếm hàng trăm con thứ rùa thật to. Mỗi con rùa đem về nhà đều khắc chữ, khắc dấu lên mai, hoặc mình chặt bớt một chân.

— Như vậy tôi lắm.

— Mấy cái trấp ở rừng nầy là con kình đào từ lận đời, giây choại bờ phủ ngang qua kinh nên mới trông qua ai cũng tưởng là đất liền. Mấy con kình hồi xưa đều ăn thông với nhau rồi gom về một mối, tức là một hồ nước Thời xưa hễ vua chúa xây cất kinh đô ở đâu luôn luôn có cho người đào kinh dẫn nước. Mình khắc chữ thập trên mai con rùa, thả xuống trấp rồi mình lên rừng sâu, đào thử mấy chỗ đất lún. Nếu mình gặp con rùa mà trước kia mình đã làm dấu thì...

Tên Mách nói ngay :

— Thì đó là con đường về kinh đô.

— Ừ ! Mầy nói đúng. Có hàng trăm con kình đã mất tích Chẳng lẽ bọn mình suốt ngày vô rừng, đào từng khoảng đất để tìm xem trấp ăn tới đâu Giữa rừng này, có một vũng nước bao la, chim cò bay về làm ổ hàng ngàn con, hàng vạn con Mình lên vũng nước đó mà vớt thả, sau khi thả rùa. Nếu gặp thì vũng nước đó là nơi gần kinh đô ngày xưa, tức là kho tàng ở gần vũng nước...

Tên Mách hứa :

— Chừng xế chiều, tôi mang vài chục con rùa về cho Lục Cụ. Tôi ra mé sông cái để bắt rùa, như vậy Tư Bá ít chú ý, sẵn dịp tôi kiếm lá trâm bầu cho Lục Cụ vấn thuốc hút đỡ ghiền.

Nói xong, tên Mách quấn khăn lên đầu, xách cây mác làm khí giới phòng thân. Cây mác là dụng cụ cần thiết cho hắn bắt rùa. Bắt xong, hắn dùng mũi nhọn ở đầu mác mà xoi lỗ ở mai rùa, dùng giây choại buộc lại thành một xâu tòn ten.

Từ phía sông cái, tiếng tù và đưa lại, văng vẳng :

— Tu... tu...

Lục Cụ nhảy nhổm. Đó là ám hiệu của chúa đảng Tàu Ô, từ đảo Hải Nam tới. Hàng năm, Lục Cụ đều gặp một tên chúa tàu. Năm ngoái, chính tên chúa tàu đã điểm chỉ và gợi ý cho Lục Cụ biết : trên rừng U Minh có kho tàng bí mật. Năm nay, tên chúa tàu đến quá sớm, trước mùa gió bấc

Làm sao bây giờ ?

Lục Cụ bước ra khỏi chòi, lấy tay che mắt, ngóng về phía mé sông. Bên kia, Tư Bá đứng sẵn tự bao giờ. Lục Cụ tức tối, muốn đấm mạnh vào ngực. Nếu không có Tư Bá, Lục Cụ đã chạy ra mé sông cái, gọi tên chúa Tàu Ô, Giờ phút nầy, nếu bỏ chòi mà ra mé sông, ắt Tư Bá chú ý.

Dường như Tư Bá không yên tâm cho lắm khi nghe tiếng tù và.

Hai người hườm nhau. Thời khắc trôi qua, nặng nề. Tiếng tù và lại rúc lên. Lục Cụ tin rằng tên Mách đã ra đến bờ sông Cái, lát nữa, nếu có xảy ra điều gì lạ, nó sẽ trở về báo cáo Nếu bỏ căn chòi, chạy đi đón chúa tàu Ô thì gây thêm sự nghi ngờ đối với Tư Bá.

Thái độ của Lục Cụ khiến Tư Bá suy nghĩ miên man. Chú cho rằng Lục Cụ đang bối rối vì tiếng tù và. Từ hồi dấn chân « phiêu bạt giang hồ » đến giờ, Tư Bá chưa ra ngoài biển nên chưa hiểu sanh hoạt nhộn nhịp của dân chài lưới, của bọn hải tặc.

Ngồi cố thủ trong chòi là chết, là mất cơ hội. Tại sao sợ Lục Cụ ? Biết đâu bọn người thổi tù và ngoài kia là kẻ thù của Lục Cụ ? Nghĩ vậy Tư Bá trèo lên nóc chòi, ngóng về sông Cái lớn. Chú thấy rõ ràng hàng chục chiếc tàu đen thui, mỗi chiếc có bai hay ba cây cột buồm. Số người trên mỗi tàu dường như khá đông, mặc toàn quần áo đen.

Tư Bá trở xuống đất. Lục Cụ đứng từ bên kia chòi, hỏi vọng :

— Cái gì vậy ?

Tư Bá trả lời, giọng khiêu khích :

— Ai làm gì, mặc kệ họ. Xứ nầy của tôi. Có lẽ là người lạ.

Lục Cụ gật đầu :

— Bọn mình vỏn vẹn đôi ba người. Chắc là họ muốn cướp phá.

— Thì tôi sẵn sàng mời họ lên bờ.

— Nói xong, Tư Bá xách cây mác, chạy nhanh ra mé sông. Tiếng người nói vang rân, như ong vỡ ổ, như cãi vã. Giờ phút ấy. Tư Bá vô cùng hối hận, vì đời chú đã bỏ mất nhiều cơ hội để học tiếng Hải Nam. Chắc họ là người từ đảo Hải Nam tới Người Hải Nam cô lối phát âm nặng nề «xí xô xí xào như chẹt chim tàu ». ■ còn nữa

TIỂU THUYẾT NHƯ

MICHEL

1

TIỂU thuyết là một hình thức đặc biệt của loại trần thuật.

Loại này là một hiện tượng vượt qua rất xa lãnh vực văn chương; nó là một trong những cấu thể chính yếu trong sự nhận thức của chúng ta về thực tại. Từ khi chúng ta hiểu được ngôn ngữ, cho đến lúc chết, chung quanh chúng ta luôn luôn đầy dẫy những câu chuyện trần thuật, trong gia đình trước tiên, rồi ở nhà trường, rồi thì qua những cuộc gặp gỡ và qua sách vở.

Những người khác đối với chúng ta không phải chỉ là những gì chúng ta đã được thấy tận mắt nhưng còn là những gì họ đã kể cho chúng ta nghe về chính họ, hay là do những người khác đã kể cho chúng ta; những người khác không phải chỉ là những người chúng ta đã thấy mà cũng là tất cả những ai chúng ta đã được nghe nói tới.

Điều này không những chỉ đúng đối với người mà ngay cả với sự vật, chẳng hạn với những nơi mà tôi chưa bao giờ đến nhưng đã có người tả lại cho tôi.

Câu chuyện trần thuật mà chúng ta đi sâu vào mang những hình thức biến hóa nhất, từ truyền thống gia đình, những tin tức người ta cho nhau biết giữa bữa ăn, về những việc đã làm trong buổi sáng, cho đến thông tin báo chí, hay tác phẩm lịch sử. Mỗi hình thức trong những hình thức này liên kết chúng ta với một khu vực đặc biệt của thực tại.

Tất cả những câu chuyện xác thật được kể ra đều có một tính cách chung, là theo nguyên tắc chúng luôn luôn có thể đem ra kiểm xét lại. Tôi phải có đủ khả năng đem đối chiếu những gì biết được do nguồn tin này với những gì biết được do một nguồn tin khác, và việc làm đó cần tiếp tục mãi mãi; nếu không thì tôi sẽ đứng trước một sự lầm lẫn hay một sự giả tưởng.

Giữa tất cả những câu chuyện trần thuật nhờ đó phần lớn thế giới hàng ngày của chúng ta được tạo thành, có thể có những câu chuyện đã được người ta dụng tâm sáng tạo ra. Nếu để tránh mọi sự khinh thường, người kể chuyện cho thêm vào những biến cố trần thuật những đặc điểm phân biệt tức khắc với những biến cố mà chúng ta quen thạm dự, chúng ta sẽ đứng trước một thứ văn chương kỳ ảo, những huyền thoại, những cổ tích v.v... Tiểu thuyết gia thì lại giới thiệu với chúng ta những biến cố giống như những biến cố hang ngày, ông ta muốn cho chúng mang được chừng nào hay chừng đó bộ mặt của thực tại, điều này có thể đi đến sự lừa dối (Defoe).

Nhưng những gì tiểu thuyết gia kể cho chúng ta đều không thể còn đem kiểm xét được và do đó những gì họ nói với chúng ta phải đủ để cho câu chuyện có được bộ mặt của thực tại. Nếu tôi gặp một người bạn thân và anh ta báo cho tôi một tin kỳ lạ, để được tôi tin chắc anh ta luôn luôn có được phương kế nói với tôi chính người này người nọ cũng đã có chứng kiến, và bảo rằng tôi chỉ việc đi kiểm chứng lại. Trái lại, bắt đầu từ khi mà một văn sĩ đề trên tờ bìa của cuốn sách mình chữ tiểu thuyết, ông đã tuyên bố rằng đi tìm một thứ xác nhận là vô ích. Dù những nhân vật có hiện hữu thật ngoài đời, chúng cũng phải được tin, phải sống qua những gì tiểu thuyết gia nói với chúng ta mà thôi.

Hãy tưởng tượng chúng ta khám phá ra một người vào thế kỷ 19 viết cho người bạn thư của mình tuyên bố ráng họ đã từng biết rất rõ ông già Goriot, rằng ông ta chẳng giống tí nào như Balzac đã tả, nhất là ở trang này hay trang nào đó có những sự lầm lẫn quá đáng, điều đó dĩ nhiên cũng sẽ không có một tí gì quan trọng đối với chúng ta. Ông già Goriot là những gì Balzac đã tả cho chúng ta (và là những gì mà bắt đầu từ đó người ta có thể tả được); tôi có thể cho rằng Balzac đã lầm lẫn trong những phán đoán của ông đối với nhân vật của chính ông ta, rằng ông đã không hiểu được nhân vật đó, nhưng để biện minh cho thái độ của tôi tôi phải dựa trên những câu của chính bản văn của ông ta; tôi không thể trưng ra một bằng chứng nào khác.

Trong khi câu chuyện xác thật được kể ra luôn luôn có chỗ tựa, có phương kế của một sự hiển nhiên bên ngoài, thì tiểu thuyết phải đủ để gây nên cái gì nó muốn nói lên với chúng ta. Vì vậy cho nên trên tất cả, nó là lãnh vực thuộc hiện tượng học, trên tất cả nó là nơi mà người ta nghiên cứu xem bằng cách nào thực tại đã hiện ra hay có thể hiện ra trước mắt ta; vì vậy tiểu thuyết chính là nơi thí nghiệm của loại trần thuật.

■ ■ ■

2

Công việc hình thức trong tiểu thuyết lúc đó mang một tính cách quan trọng thuộc hàng đầu.

Thật vậy, khi dần dần đi vào quần chúng và lịch sử, những câu chuyện trần thuật xác thực được quy định, sắp xếp thứ tự và được thu gọn lại, theo một vài nguyên tắc (ngay cả những nguyên tắc của cái mà ngày nay ta gọi là tiểu thuyết « truyền thống », tiểu thuyết không tự đặt câu hỏi cho mình). Để thay thế cho sự lãnh hội ban sơ đã có một sự lãnh hội khác nghèo nàn hơn rất nhiều, đã loại bỏ theo hệ thống một vài khía cạnh; nó đã dần dần phủ lấp kinh nghiệm thực tại, làm như nó chính là cái kinh nghiệm thực tại đó, và như vậy nó đã đi đến một sự lừa dối tổng quát hóa. Sự khai phá những hình thức tiểu-thuyết khác nhau cho ta thấy được những gì có tính cách ngẫu nhiên trong hình thức mà ta đã quen dùng, lột hết bộ mặt của hình thức ta quen dùng đó, giải thoát ta ra khỏi nó, cho phép ta tìm lại được bên ngoài câu chuyện trần thuật được quy định tất cả những gì nó che đậy hay im lặng bỏ qua, tìm lại được cả câu chuyện trần thuật căn bản trong đó đầy dẫy cả đời sống chúng ta.

Lại nữa, dĩ nhiên vì hình thức vốn là một nguyên tắc chọn lựa (và hành văn trong trường hợp đó hiện ra như một trong những khía cạnh của hình thức, vì nó đã là cách thức nối liền những chữ theo hệ thống, nghĩa là nó điều khiển trong việc chọn lựa chữ này hay ngữ pháp này mà không chọn chữ pháp nọ) những hình thức mới sẽ phát giác ra trong thực tại những sự vật mới, những liên hệ mới, và như vậy, tự nhiên là sự mạch lạc bên trong của chúng cũng được xác định đối với những hình thức khác thì những hình thức này càng được chính xác hơn.

Ngược lại, tương đương với những thực tại khác nhau ta có những hình thức trần thật khác nhau. Thật rõ ràng là thế giới chúng ai đang sống đã biến hóa một cách vô cùng mau chóng. Thế nên những kỹ thuật cổ truyền của loại trần thuật không có đủ khả năng thâu nhận tất cả những mối tương quan mới do sự biến hóa trên gây ra. Vì vậy cho nên có một sự lúng túng thường xuyên; chúng ta không thể sắp xếp theo thứ tự trong ý thức chúng ta tất cả những tài liệu đang xông xáo vào ý thức đó, vì chúng ta thiếu những dụng cụ thích nghi.

Sự tìm kiếm những hình thức tiểu thuyết mới mà khả năng thâu nhận được rộng rãi hơn vì vậy đóng một lượt cả ba vai trò đối với ý thức của chúng ta về thực tại, vai trò phát giác, khai phá và thích ứng. Tiểu thuyết gia nào từ chối trước việc làm này thường thường không đảo lộn, không đòi hỏi ở độc giả mình một cố gắng nào đặc biệt, không bắt buộc độc giả trở về với chính mình, bắt buộc độc giả đặt lại vấn đề về những vị trí đã có được từ lâu, tiểu thuyết gia đó quả thật có một sự thành công dễ dàng hơn, nhưng chính ông ta tự biến mình thành đồng lõa với sự lúng túng sâu đậm kia, với đêm tối trong đó chúng ta đang vẫy vùng. Ông ta làm cho những phản xạ của ý thức bị tê liệt, làm cho sự thức tỉnh ý thức khó khăn hơn, ông ta tiếp tay làm cho nó thêm chết ngạt, đến nỗi dù ông có những chủ tâm cao quý, tác phẩm của ông rốt cuộc cũng chỉ là một liều thuốc độc.

MỘT TÌM KIẾM

BUTOR

Sự sáng tạo về hình thức trong tiểu thuyết đã không đi ngược với chủ thuyết thực tại như một lối phê bình thiển cận vẫn thường hay tưởng tượng mà lại còn là điều kiện tất yếu của một chủ thuyết thực tại hoàn hảo hơn.

■ ■ ■

3

Nhưng mối tương quan giữa tiểu thuyết và thực tại đang bao quanh chúng ta không chỉ thu hẹp trong mỗi một sự kiện là những gì nó tả cho chúng ta đều hiện ra như một phân đoạn hão huyền của thực tại, một phân đoạn thật biệt lập, thật dễ vận dụng do đó chúng ta có thể nghiên cứu một cách sát hơn. Sự khác biệt giữa những biến cố của tiểu thuyết và những biến cố ngoài đời không phải chỉ ở chỗ chúng ta có thể kiểm chứng được những biến cố này, trong lúc đối với những biến cố kia ta chỉ có thể biết được qua bản văn đã gợi ra chúng. Những biến cố do theo cách nói thông thường cũng «đáng chú ý» hơn những biến cố trong thực tại. Sự nổi bật của những loại giả tương kia tương ứng với một nhu cầu, và hoàn tất một phận sự. Những nhân vật tưởng tượng lấp đầy những khoảng trống của thực tại và soi sáng cho chúng ta về thực tại đó.

Không phải chỉ việc sáng tạo mà việc đọc tiểu thuyết cũng là một loại mơ mộng. Vậy nên tiểu thuyết luôn luôn phải chịu một sự phân tâm theo nghĩa rộng. Lại nữa, nếu tôi muốn cắt nghĩa một lý thuyết nào đó, về tâm lý, về xã hội, đạo đức hay gì khác nữa, tôi thường thấy muốn thuận tiện phải lấy một thí dụ do mình phát minh ra. Những nhân vật tiểu thuyết sẽ đóng vai trò đó một cách tuyệt diệu ; và những nhân vật do tôi sẽ nhận ra họ trong những người bạn thân và những người quen biết của tôi, tôi sẽ làm sáng tỏ cách cư xử của những nhân vật này bằng cách dựa trên những chuyển biến của những nhân vật kia, v.v.

Sự áp dụng tiểu thuyết vào thực tại nói trên thật vô cùng phức tạp, và chất «hiện thực» của nó, sự kiện nó đã được hiện ra như một phân đoạn hão huyền của đời sống hàng ngày, chỉ là một khía cạnh đặc biệt của sự áp dụng đó, khía cạnh đã cho phép chúng ta cô lập nó ra như một thể loại văn chương.

Tôi gọi chất «tượng trưng» của một cuốn tiểu thuyết là toàn bộ những mối tương quan giữa những gì tiểu thuyết tả cho chúng ta với thực tại chúng ta đang sống.

Những mối tương quan đó tùy theo mỗi cuốn tiểu thuyết sẽ không giống nhau, và tôi thấy hình như công việc của nhà phê bình là gỡ rối cho chúng, là làm sáng tỏ chúng để người ta có thể rút ra từ mỗi tác phẩm đặc biệt nguyên cả cái thông điệp của nó.

Nhưng, vì trong sự sáng tạo tiểu thuyết, và trong sự sáng tạo lại nghĩa là sự đọc sách chăm chú, chúng ta đem thí nghiệm một hệ thống phức tạp những mối tương quan, của các ý nghĩa rất khác biệt, nếu tiểu thuyết gia tìm cách mời chúng ta thật tham dự cái thí nghiệm đó của ông ta, nếu cái hiện thực của ông đã đi khá xa, nếu hình thức mà ông dùng đã khá bao toàn, tiểu thuyết gia đó bắt buộc phải đi đến chỗ xem các loại tương quan nói trên là nòng cốt cho chính tác phẩm mình. Cái tượng trưng bên ngoài của một cuốn tiểu thuyết tìm cách phản ảnh qua một cái tượng trưng bên trong, vì một vài phần của cuốn tiểu thuyết đối với toàn bộ giữ cùng vai trò của cả toàn bộ đó đối với thực tại.

■ ■ ■

4

Mối tương quan nói chung của cái «thực tại» được tiểu thuyết tả lại đối với cái thực tại đang bao quanh chúng ta, dĩ nhiên là chính nó xác định cái mà người ta thường gọi là đề tài hay chủ đề, chủ đề đó hiện ra như một câu giải đáp cho một hiện trạng nào đó của ý thức. Nhưng đề tài đó, chủ đề đó, như chúng ta đã thấy, không thể tách rời với cách thức người ta giới thiệu nó, với hình thức mà nó được diễn tả. Tương ứng với một hiện trạng mới, với một ý thức mới về tiểu thuyết về những mối tương quan của tiểu thuyết đối với thực tại, về quy điều của nó, phải có những chủ đề mới, do đó cũng phải có những hình thức mới, bất cứ ở trình độ nào, về ngôn ngữ, hành văn, kỹ thuật, bố cục cấu tạo. Ngược lại, sự tìm tòi những hình thức mới trong khi khám phá ra được những chủ đề mới cũng khám phá ra được những mối tương quan mới.

Bắt đầu từ một mức độ nào đó trong sự phản ảnh, chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa hình thức lẫn tượng trưng trong tiểu thuyết đều hiện ra như là cấu thành một sự thống nhất không tách phân ra được.

Tiểu thuyết đương nhiên nhắm và phải nhắm mục đích biện minh cho chính mình ; nhưng chúng ta biết rõ rằng có những hiện trạng có cái đặc điểm là không đủ khả năng phản ảnh, mà chỉ tồn tại như ảo tưởng mà nó nuôi nấng đối với chủ đề của nó, và tương ứng với những hiện trạng đó, ta có những tác phẩm mà bên trong không thể hiện ra được sự thống nhất nói trên, tương ứng với những hiện trạng đó, ta có những thái độ của những tiểu thuyết gia không chịu thắc mắc về bản chất của việc làm họ và về sự hữu hiệu của những hình thức họ dùng, của những hình thức không thể phản ảnh lại được mà không để lộ ra liền sự khiếm khuyết của chúng, sự dối trá của chúng, của những hình thức cho chúng ta một hình ảnh của thực tại mâu thuẫn rõ ràng với cái thực tại kia đã sinh ra chúng và cần phải được im lặng bỏ qua. Ở đây có những sự lừa dối mà nhà phê bình có bổn phận phải phát giác, vì những tác phẩm như vậy, dù hay ho và giá trị, vẫn dung dưỡng và làm cho bóng tối mờ đi, vẫn duy trì ý thức trong những mâu thuẫn của nó, trong sự mù quáng để có thể đưa nó đến những hỗn độn nguy hại nhất.

Rốt cuộc mọi biến đổi thật sự về hình thức tiểu thuyết, mọi cuộc tìm tòi phong phú trong lãnh vực này chỉ có thể nằm bên trong một sự biến đổi của ngay cả ý niệm về tiểu thuyết, ý niệm vẫn chuyển biến rất chậm chạp nhưng tất nhiên (tất cả những tác phẩm tiểu thuyết lớn của thế kỷ 20 còn đó để chứng minh điều này) về một loại mới của thi ca vừa hùng tráng vừa có tính cách giáo khoa.

Bên trong một sự biến đổi của ngay cả ý niệm về văn chương bắt đầu xuất hiện không còn như một thú tiêu khiển đơn thuần hay như một loại xa xỉ, mà xuất hiện trong vai trò chính yếu của nó bên trong vận chuyển xã hội, và xuất hiện như là một cuộc thí nghiệm có phương pháp. ■

MICHEL BUTOR (1955)
Bản dịch HOÀNG NGỌC BIÊN (1963)

(Répertoire I

anh meaulnes

18

BAO giờ trở về cũng vào lúc hoàng hôn, ban đầu ai nấy đều vô tâm như lúc ra đi. Con đường đi đến trại Grand'Fons và đưa tới đường lộ mùa đông là một dòng suối, mùa hè là một cái khe xe cộ không đi được, có những hố và những rễ cây lớn chắn ngang. Con đường leo lên giữa hai hàng đậu trồng những cây lớn. Một phần trong bọn đi tắm tinh nghịch leo lên theo con đường đó. Còn chúng tôi cùng đi với ông Seurel, Jasmin và nhiều bạn khác, đi trên một lối đi thoai thoải có trải cát, song song với con đường kia nhưng men theo một thửa đất kế cận. Chúng tôi nghe tiếng bọn kia cười nói ở ngay gần, dưới chân chúng tôi, nhưng không trông thấy bọn họ vì trời tối, trong khi đó Delouche kể những chuyện người lớn của gã... Trên ngọn những cây ở hàng dậu chúng tôi ngó lên qua những kẽ lá thấy những con trùng buổi tối đang cất tiếng kêu ran. Thỉnh thoảng một con chợt rơi xuống, tiếng kêu bỗng dưng rít lên. Thật là một buổi chiều mùa hè êm tịnh và đẹp !.. Cuộc trở về, không hi vọng mà cũng không thèm thuồng gì, sau một cuộc đi chơi mộc mạc ngoài đồng... Lại chính Jasmin, tuy gã không định tâm, làm nảo động sự êm tịnh đó...

Khi chúng tôi đi tới đầu dốc, nơi còn lại hai phiến đá lớn đã xưa mà người ta cho là tàn tích của tòa lâu đài cổ, gã nói tới chuyện những nơi trang viện mà gã đã tới thăm, nhất là một trang viện gần như bỏ hoang ở gần vùng Vieux-Nancay là trang viện Les Sablonnières. Với giọng nói vùng Allier có cái lối huyền hoang uốn lưỡi kéo dài một vài tiếng hoặc cắt cụt một vài tiếng khác một cách rất rởm, gã kể lại mấy năm về trước đã trông thấy trong ngôi giáo đường bỏ hoang tại trang viện cổ xưa đó một tấm bia kỷ trên có khắc những hàng chữ :

Mộ của hiệp sĩ Galois
Trung thành với Chúa, với Nhà Vua
và với Người Đẹp

Ông Seurel nhún vai ậm ừa mấy tiếng, vừa có vẻ khó chịu thấy câu chuyện xoay ra như vậy, nhưng cũng muốn thấy kệ bọn tôi, cho nói chuyện như người lớn.

Thế là Jasmin lại tiếp tục mô tả tòa lâu đài như gã đã từng cả đời sống tại đó.

Nhiều lần từ Vieux-Nancay trở về, Dumas và gã đều lưu ý tới cái tháp cổ màu sám lộ ra trên những ngọn cây thông. Ở đó ngay giữa rừng, có cả một lô nhà đổ nát ai nấy có thể tự do vào thăm trong lúc vắng mặt chủ nhà. Có một hôm người trông coi ở đó được hai chú cháu chở lên xe để đưa họ đi thăm khu trang viện kỳ dị đó. Nhưng về sau tất cả khu nhà đều bị rỡ đi hết ; theo lời người ta nói, bây giờ chỉ còn có khu nông trại và một ngôi nhà mát nhỏ. Những người ở lại vẫn là gia đình chủ cũ, một viên sĩ quan đã già, hồi hưu, gần tán bại, và cô con gái

nguyên tác của
ALAIN-FOURNIER
mặc đỗ
dịch

Gã nói.. nói mãi.. Tôi chú ý nghe, cảm thấy, tuy không nhận biết rõ rằng đó là một cận chuyện quen thuộc với tôi lắm, bỗng nhiên, tự nhiên như không, đúng như những chuyện bất thường vẫn xảy ra, Jasmin quay lại phía tôi, đụng vào cánh tay tôi, như bị choáng váng vì một ý nghĩ mà chưa bao giờ gã có :

— Này, tôi cho rằng đó là nơi mà Meaulnes — anh Meaulnes ấy — đã đi tới.

Rồi gã nói tiếp, vì tôi không đáp :

— Mà phải rồi, người trông coi ở đó có cho tôi biết cậu con trai nhà ấy là một người kỳ dị, có những tư tưởng khác thường.

Tôi không nghe gã nữa, tin chắc ngay từ đầu rằng gã đoán trúng và trước mặt tôi, trong lúc vắng anh Meaulnes và không một chút hi vọng nào, bỗng mở ra, dễ dàng và quang đãng như con đường ta vẫn đi, lối đưa tới nơi trang viện không tên.

CHƯƠNG THỨ HAI

Trước kia tôi là một đứa trẻ khổ sở, mơ mộng và lầm lỳ bao nhiêu, thì nay tôi trở nên vững vàng, hay như ở vùng tôi hay nói là « cả quyết » bấy nhiêu, khi tôi cảm thấy do nơi tôi sẽ được định đoạt phần kết cục của cuộc phiêu lưu nghiêm trọng này.

Tôi tin chắc rằng kể từ chiều bữa đó cái đầu gối của tôi đã hoàn toàn hết đau.

Vieux-Nancay, thôn xã gồm cả khu trang viện Les Sablonnières là trú quán của tất cả gia đình ông Seurel và nhất là ông chú Florentin, một nhà buôn ; chúng tôi đôi khi tới ở chơi đó vào dịp cuối tháng chín. Khỏi phải thi cử chi nữa, tôi không muốn đợi lâu thêm và xin phép tới chơi ngay nhà ông chú. Nhưng tôi cũng quyết định không nói cho anh Meaulnes hay biết chi hết trước khi tôi tin chắc là có thể báo cho anh một tin mừng. Thật vậy, tội gì ta vội lôi anh ra khỏi nỗi thất vọng để rồi lại dìm anh vào một nỗi thất vọng khác ?

Trong một thời gian rất lâu Vieux-Nancay là một nơi trên thế giới mà tôi ưa thích nhất, cái xứ của những dịp gần tựu trường, nhưng chứng tôi ít khi khi tới, chỉ trừ những khi kiếm thuê được một chuyến xe riêng. Hồi xưa có xảy ra một chuyện xích mích chi đó với chị họ ở vùng này cho nên có lẽ vì vậy mà mỗi khi có dịp, Millie thường để cho nài nỉ mãi mới chịu lên xe đi. Riêng tôi chẳng quan tâm chi tới những vụ xích mích như vậy.. Liền sau khi tới nơi là tôi đã lẫn vào đám những chú và những anh chị em họ để hưởng những ngày tràn đầy trò chơi vui cùng những sự thích thú tôi thấy mê đi.

Chúng tôi ở tại nhà chú Florentin và thím Julie, chú thím tôi có một cậu con trai tên là Firmin cùng tuổi tôi và tám cô con gái, hai cô lớn nhất là Marie-Louise và Charlotte, một cô đã mười bảy và một cô mười lăm. Gia đình chú tôi mở một cửa hàng lớn đầu làng xứ Sologne đó,

ước cửa nhà thờ — một cửa hàng ch hoa, nơi mà hết thảy các nhà iền xa chủ lâu đài ở trong vùng ường tới mua sắm, những người ấy sống trơ vơ giữa vùng hoang vu, ch hàng ba chục cây số mới tới ột nhà ga.

Cửa hang có những gian bán ương liệu và vải vóc quay ra phía ường lộ có mở nhiều cửa sổ, về hía công viên lớn trước nhà thờ ó một cửa ra vào lớn có khung kính. hưng lạ lùng nhất, tuy rất thường ối với vùng dân nghèo nay, sàn à trong cửa hang chỉ là đất nện ơ không có lát ván.

Phía sau có sáu phòng, mỗi phòng hất đầy một loại hang : phòng bày ủ non, phòng bày các đồ làm vườn, ong bày các loại đèn... kể ra không ết. Hồi tôi còn nhỏ, tôi có cảm ưởng mỗi khi đi ngang nơi mê cung ửa đầy những đồ bách hóa là ong bao giờ ngắm cho hết được ưng món đồ kỳ lạ đó. Cho tới thời nay tôi cũng vẫn còn cho rằng ửi hè chỉ ở đó mới thật là xứng ng.

Gia đình chú tôi sống trong một ãy nhà bếp rộng có cửa thông sang ửa cửa hang. Trong căn bếp đó vào ịp cuối tháng chín có đốt một lò ới lớn, tại đó các thợ săn tới ấn các món săn bắn được cho chú ọ từ tảng sáng đã ngồi uống rượu, rong khi các cô gái cũng đã trở dậy ang chạy đi chạy lại bôi dầu thơm ho nhau lên tóc chải mượt. Trên ường có treo những tấm hình đã ưa, những tấm chụp các toán học inh trong đó có cha tôi đứng giữa ác học sinh trường Sư phạm, tôi hải mất công lắm mới nhận ra rong số những người bận đồng hục.

Những buổi sáng của chúng tôi đều ưa đi tại căn bếp đó ; cũng có khi ở ngoài sân, nơi chú Florentin có rồng hoa thược dược và nuôi gà sao. ý đó người ta ngồi rang cà phê trên những thùng đựng sà bông ; và chúng ôi rỡ trong thùng ra đủ các thứ đồ ật gói kỹ trong giấy, những món ồ mà chúng tôi có khi không biết ên ...

Suốt ngày cửa hàng đông chật những nông dân và những chú đánh xe ở các lâu đài quanh vùng. Bên ngoài cửa ra vào có khung kính, các xe ngựa chở đồ từ các làng mạc xa tới đậu đó, sương mù tháng chín đọng trên xe nhỏ giọt xuống đất. Trong nhà bếp chúng tôi tò mò nghe các bà nhà quê kể đủ các thứ chuyện...

Nhưng buổi tối, sau tám giờ, khi người nhà xách đèn mang rơm xuống cho bầy ngựa mình đang bốc khói ở dưới chuồng, tất cả cửa hàng là của chúng tôi !

Marie-Louise, chị lớn trong số các cô em họ của tôi, nhưng vóc người lại bé nhỏ nhất, đang gấp lại và thu dọn sắp song song những tấm nỉ ngoài cửa hàng; cô ta rủ chúng tôi ra đó chơi cho vui. Thế là Firmin và tôi cùng với đám các cô gái nhỏ, chúng tôi ùa ra ngoài cửa hàng có những cây đèn kiểu dùng ở các quán ăn thắp sáng, chúng tôi qua những cối xay cà phê, nhảy qua các quầy hàng ; và đôi khi Firmin lại lên từng gác xép kiếm đem xuống cái kèn đầy những vết mốc xanh, sàn đắt nện xui chúng tôi thấy thích khiêu vũ...

Bây giờ tôi còn thấy đỏ mặt khi nghĩ rằng có De Galais, những năm trước, có thể vào giờ đó tới của hàng và bắt gặp chúng tôi đang nô lỡn như trẻ con vậy... Nhưng lần đầu tiên mà tôi được gặp cô ta là một buổi chiều tháng tám đó, trời đã chạng vạng tối, trong khi tôi đang bình tĩnh nói chuyện với Marie Louise và Firmin.

Ngay buổi tối hôm tôi tới Vieux-Nancay tôi đã hỏi chú Florentin về ấp Les Sablonnières. Chú tôi đáp :

— Bây giờ không còn là một ấp nữa. Đã bán đi hết rồi ; các chủ mới đều là thợ săn, đã cho phá hết các ngôi nhà cổ cho rộng đất săn bắn ; cái sân chính bây giờ chỉ còn là một bãi rộng mọc đầy những thạch thảo và kim tước. Chủ cũ chỉ còn giữ lại có một căn nhà nhỏ có gác và khu nông trại. Ở đây cháu sẽ có nhiều dịp gặp cô De Galais ; chính cô ta vẫn tới đây mua đồ, khi thì cỡi ngựa, khi thì đi xe, nhưng bao giờ cũng vẫn một con ngựa già tên là Bélisaire ... Cái xe thật kỳ lạ !

Tôi bối rối quá không còn biết hỏi thêm gì nữa

— Trước kia gia đình đó giàu có lắm thì phải.

— Đúng. Ông cụ De Galais vẫn mở hội để làm vui cho cậu con trai, cậu bé tính nết kỳ cục lắm, nhiều tưởng khác đời. Muốn làm vui cho con, ông cụ bày ra đủ thứ. Có khi mời các cô gái từ Paris về, mời bọn thanh niên ở Paris và các nơi khác nữa...

« Ấp Les Sablonnières hoàn toàn đổ nát khi bà De Galais sắp mất và trong nhà cố tìm hết cách làm vui cho bà ta, chiều tất cả mọi ý thích khác thường. Mùa đông năm ngoái, không, năm trước nữa, có tổ chức một dạ hội trá hình lớn lắm. Họ mời khách một nửa người ở Paris và một nửa người vùng quê. Họ mua và đi mướn rất nhiều quần áo đẹp lạ lùng, cùng là các trò chơi và ngựa với du thuyền. Tất cả chỉ để mua vui cho Franlz de Galrls. Người ta bảo cậu ta sắp lấy vợ và buổi hội đó là để mừng lễ đính hôn của cậu ta. Nhưng cậu ta còn nhỏ quá. Mọi sự bỗng tan vỡ, cậu ta bỏ đi mất, chẳng ai còn gặp lại nữa ... Bà chủ ấp chết, cô De Galais thành đột nhiên còn lại có một mình với ông bố già trước kia là đại tá hải quân.

Sau tôi mới hỏi được :

— Thế cô ta đã có chồng chưa ?

Chú tôi đáp :

— Chưa, chú không hề nghe nói chuyện đó. Hay là cháu muốn làm rể nhà ấy ?

Hết sức là bối rối, tôi chỉ kể rất gọn, rất kín đáo, rằng anh bạn thân nhất của tôi là Augustin Meaulnes có lẽ muốn cưới cô ta.

Chú Florentin mỉm cười đáp :

— À, nếu cậu ta không quan tâm tới vụ hồi môn thì thật là một đám tốt.. Có cần để chú nói với ông De Galais cho ? Thỉnh thoảng ông cụ còn tới đây mua ít đạn chì. Lần nào chú cũng mời ông cụ nếm thử rượu mạnh cất bằng bã nho của chú để đã lâu năm.

● còn nữa

Quý Bạn đang thắc mắc về :

— TRANG TRÍ
— TIỆN NGHI
— MÀU SẮC
— TRƯNG BÀY

cho căn phòng và cơ sở của Quý Bạn

Xin mời lại :

NHÀ TRANG TRÍ và ĐỒ GỖ

beaubois

283/b Hai bà Trưng — SAIGON

mỗi tuần

CHÂN DUNG MỘT TÁC GIẢ

André Breton

3

LOUIS Aragon tuyên bố : « Người ta không thể nghiên cứu trường siêu thực mà không đặt trường phái đó vào thời đại của nó », ngoài những thắc mắc siêu hình...

Như chúng ta đã biết, trường Siêu thực ra đời sau Thế chiến thứ nhất, lúc lý trí khoa học đang đi đến chỗ hủy diệt toàn diện. Niềm tin tuyệt đối, ngây thơ vào khoa học đã chết cùng thế kỷ 19. Tất định thuyết đã lung lay. Heisenberg đã nói đến nguyên tắc bất định (Principe d'incertitude) trong Vi vật lý. Và Einstein đã mạnh dạn chứng minh tính cách tương đối của những khái niệm cũ về thời giới :

« Chúng ta đều nhận lần, thế giới chúng ta tin tưởng không phải là thế giới thực, những quan niệm vững chãi nhất chỉ có giá trị trong sinh hoạt bình yên thường nhật, ngoài ra chúng sai lầm : Quan niệm của chúng ta về không gian sai lầm ; sai lầm thời gian ta tạo ra. Ánh sáng truyền theo đường cong và trọng khối của vật thể hoàn toàn co dãn » (6)

Trong lãnh vực nghệ thuật, rất nhiều tác phẩm tiểu thuyết, kịch bản nói lên những khía cạnh mâu thuẫn trong tâm hồn con người. Đ ển hình là những nhân vật của Dostoievsky, với những dày vò, những khuynh hướng trái ngược. Dostoievsky nhận định : hai lần hai là bốn là một điều tuyệt vời, nhưng hai lần hai là năm cũng là một điều rất quyến rũ. (2) Những hành vi hợp lý chỉ có thể tìm thấy nơi những nhân vật nghèo nàn, hời hợt. Tư tưởng Bergson cho thấy lý trí chỉ có công dụng trong đời sống thực tiễn, nó cho ta thấy khía cạnh tích cực, lợi ích của sự việc. Ngoài ra, nó không thể đi đến sự thật. Trước Bergson một phong trào triết học mới với Kierkegaard và Nietzsche mở đường nổi dậy chống thuyết duy lý. Kierkegaard công kích Hégel. vì đối với Kierkegaard, Hégel tượng trưng cho lý trí.

Nietzsche thẳng thắn tỏ thái độ :

« Hợp lý — đó là một điều không thể có được » (3).

Định đề của Hégel :

« Cái thực là cái hợp lý, cái hợp lý là cái thực » (4) bị Unamuno, triết gia hiện sinh Tây-ban-Nha lật ngược lại :

« Cái thực, cái hoàn toàn thực là cái phi lý. » (5)

Trường Siêu thực, đặc biệt Salvado Dali, họa sĩ cùng chung xứ sở của mặt trời và nhiệt tình của Unamuno chấp nhận lập trường này : « Tất cả tham vọng của tôi trên lãnh vực hội họa là thực thể hóa với một lòng say mê chính xác những ảnh tượng của sự phi lý cụ thể những ảnh tượng không thể giải nghĩa cũng như không thể giản lược bằng những hệ thống trực giác luận lý hoặc bằng những cơ giới tính thuần lý. .

La Conquête de l'irrationel,
Ed surréalistes, 1925 (6)

Không những phản kháng tinh thần duy lý quá tin tưởng vào trật tự của lý trí, trường Siêu Thực cũng phải chống lại thái độ hiện thực đặt lòng tin vô biên vào trật tự thế giới, xã hội đời sống và sự vật.

Mallarmé, Rimbaud, những thi sĩ tiền phong của Siêu Thực đã tố cáo sự giả tạo, hời hợt, vô nghĩa của sự vật quen thuộc. Vaché, Jarry... cung cấp cho trường phái này thái độ hài hước trước thực tại không tưởng và nếp sống nhàm chán thường nhật. Thái độ hài hước siêu thực, theo André Breton « trong yếu tính là một thứ phê bình trực giác và hàm xúc tính cách may mắc của tinh thần qui ước, là một sức mạnh có thể tách biệt khỏi sự kiện hay một nhóm sự kiện ve bình thường người ta đã gán cho chúng để đẩy những sự kiện đó vào một trò chơi choáng váng của những tương quan bất ngờ và siêu thực. Với một sự pha trộn giữa cái thực và cái kỳ ảo ngoài tất cả những giới hạn của thái độ hiện thực hàng ngày và luận lý duy lý, hài hước và chỉ có một mình hài hước thoi mới có thể đem lại cho sự vật chung quanh một vẻ mới lạ kỳ cục, một tính chất ảo tưởng của một cái gì vô hữu... và một sự quan trọng nhạo báng, bên cạnh một siêu-nghĩa dị thường, phù ảo nhưng triệt để. » (7). Thái độ hài hước khiến ta trở thành một kẻ bàng quan, tách biệt khỏi thực tại, nhạo báng những khía cạnh quen thuộc của hiện hữu, đem lại những khám phá bất ngờ.

Những thi sĩ siêu thực áp dụng thái độ hài hước này như một lợi khí phê bình sắc bén. Aragon chế diễu sự tự mãn, dễ dãi của mọi người trong sự hiểu biết. « Nhận thức tam thường được xây dựng trên một tương quan vững chãi, kèm theo một phán đoán nhằm hiện hữu của những sự vật không tưởng : phán đoán đó được (gọi là) thực tại(8) trong khi đó «ý niệm về thực tại hoàn toàn với bất cứ một triết học thực tụ nào,. vì khước từ thực tại, nhận thức triết học trước hết xây dựng một tương quan mới phi thực (. . .) Rồi triết học này lại phủ nhận cái phi thực, thoát khỏi phi thực và sự nhị hội phủ định này sẽ không đi đến một khẳng định thực tại, lại xô đẩy, hòa trộn nó với cái phi thực, vượt qua cả hai ý niệm thực và phi thực này để vươn tới một trung tử vừa khẳng định lại vừa phủ nhận cái thực và phi thực, hòa giải và chứa đựng chúng : đó là Siêu thực, một trong những đặc tính của thi ca » (9)

André Breton công kích hiện thực thuyết, thô bỉ và lười biếng : « . thái độ hiện thực, khởi nguồn từ thuyết duy nghiệm, trải từ thánh Thomas đến Anatole France, đối với tôi nó có vẻ thù nghịch với tất cả những đà tiến triển của tinh thần và luân lý. Tôi kinh tởm thái độ đó bởi vì nó được tạo nên bởi sự tầm thường, lòng thù hận và tính tự mãn thấp kém. Chính thái độ đó ngày nay đã tạo ra những cuốn sách lố lăng, những vở kịch bêu riếu này. Thái độ này củng cố không ngừng trên báo chí và gây thất bại cho khoa học, nghệ thuật bằng cách ve vãn những thị hiếu thấp kém; sự sáng sủa tiếp cận với ngu ngốc, với đời sống chó má ..» (10)

Thái độ hiện thực tượng trưng cho sự thỏa mãn, cẩn cỗi. Trước kia, Nietzsche đã cảnh cáo những kẻ thực tế đó, những kẻ khôn ngoan, tự nhận mình sáng suốt.

« Những vật phù du, ta gọi các người như vậy, các ngươi « những con ngươi thực tế » !

Tất cả những thời đại phỉ báng nhau trong tâm trí các ngươi, những giấc mơ, những cuộc mạn đàm của tất cả những thời đã qua còn thật hơn sự thất tỉnh của các ngươi !

nguyễn hữu hiệu

Các ngươi là những con người cần cỗi ; vì lẽ đó các ngươi thiếu niềm tin (11).

Thái độ siêu thực, trái lại, không hài lòng với sự vật bề ngoài sẵn có, muốn đào sới để đi đến một thực tại sâu xa, nền tảng hơn : Siêu thực.

« Chúng tôi trừ bỏ những cây cối này ! Và những ngôi nhà này, những ngọn núi này và những khung cảnh này... Niềm bí ẩn của thuyết Siêu Thực ở tại sự kiện chúng tôi tin tưởng rằng có một cái gì ẩn dấu đằng sau những sự vật kia » (12).

Và Breton muốn làm một Thuyền trưởng Ahab của thời đại mới lên tiếng cảnh tỉnh :

« Tất cả mọi sự vật hữu hình, hỡi con người, đều chỉ là những tấm mặt nạ rỗng tuếch... Nếu con người phải chiến đấu, là chiến đấu để chọc thủng tấm mặt nạ kia !... » (13)

Nhưng sau khi từ chối thực tại, từ chối ánh sáng của lý trí chúng ta sẽ như đứng giữa lòng đêm tối, tất cả mọi sự vật hiện ra đều mang một vẻ đe dọa, kỳ dị ma quái. Điều ấy không có gì đáng ngạc nhiên bởi lẽ sự vật từ trước tới nay chỉ quen thuộc với con người là ở trong tương quan lợi ích, dụng cụ. Nay tương quan ấy mất đi, ánh sáng lý trí bị bỏ lại sau lưng thì trước mặt phải là đêm tối. Và tại sao không nhận đêm tối ấy có lẽ nó cũng là một phần của đời sống, của bản thể ta ?

« Bởi vì không một người nào cảm thấy mình một cách rõ ràng trừ khi hắn nhắm mắt lại, nên dường như bóng tối cũng là một yếu tố thật sự của bản thể chúng ta, mặc dầu ánh sáng quá có thích hợp hơn với phần thân thể bầy nhầy như đất sét nay ». (14)

Nhưng muốn đi sâu vào thế giới đêm tối với những sự vật kỳ dị ấy, nhà thám hiểm cần phải biết ngôn ngữ của nó. Ngôn ngữ của thế giới ấy, theo Freud, là những giấc mơ.

Gérard de Nerval cũng đã tiết lộ rằng giấc mơ cho người ta đi sâu vào tự ngã và đạt đến một nhận thức siêu đẳng. André Breton và các trường Siêu Thực đều đã say mê Nerval và đã nghiên cứu Freud. Họ tận dụng những phát kiến rút về giấc mơ vì mục đích của trường Siêu thực là « nhằm phục hồi toàn diện năng lực tâm linh bằng một cuộc đào sâu choáng váng vào bên trong con người chúng ta, rọi sáng cơ hệ thống những vùng còn ẩn dấu và che mờ dần những vùng khác (15),

Sau đây là những khai phá của trường Siêu Thực trong khu rừng mơ :

Trước hết giấc mơ có tính cách liên tục, nó là dòng sông cuồn cuộn như dòng sông không cạn nước bên trong. « Con người khi không ngủ nữa, chỉ là đồ chơi của trí nhớ ». Hắn cố gợi lại những hình ảnh của giấc mơ và trí nhớ tỉnh thức ở đây có tác dụng cắt đời giấc mơ đời người ta thành những giấc mơ. Trong khi có thể « giấc mơ của ôi đêm nay nối tiếp giấc mơ đêm trước và sẽ kéo dài qua đêm mai... (16)

Sự thức tỉnh chỉ là một hiện tượng giao thoa. Giấc mơ nắm phần chủ động. Nó tổ chức đời sống, sửa soạn những thái độ cho lúc thức. Tại sao người đàn bà này lại cuốn người đàn ông kia ? (17) Sự thức tỉnh thường đem hậu qua giải thích nguyên nhân. Và nếu trong

■ xem tiếp trang 30

(1) Nous nous sommes trompés, le monde véritable n'est pas ce que nous avons cru, les conceptions les mieux établies ne valent que pour notre train-train quotidien, au delà, elles sont fausses. Fausse la conception de l'espace que nous avions, faux le temps que nous avons fabriqué. La lumière se propage en ligne courbe et la masse des corps est un véritable élastique.

Trích dẫn theo Maurice Nadeau, Histoire du Surréalisme, Paris, Ed du Seuil, 1964, tr. 19

(2) J'admets que deux fois deux quatre est une chose excellente, mais s'il faut louer, je vous dirais que deux fois deux cinq est aussi une chose charmante.

Theo Maurice Nadeau, sách đã dẫn.

(3) Il y a une chose toujours impossible, — c'est d'être raisonnable ! »

(4) Tout ce qui est réel est rationel, tout ce qui est rationel est réel.

(5) Le réel, le réellement, réel est irrationel.

(Le Sentiment tragique de la vie)

(6) Toute mon ambition sur le plan pictural, écrit Dali, consiste à matérialiser avec la plus impérialiste rage de précision les images de l'irrationnalité concrète... images qui provisoirement ne sont explicables ni réductibles par les systèmes de l'intuition logique ni par les mécanismes rationels .

Trích theo Fernand Alquié, Philosophie du Surréalisme.

(7) « . . . Dans son essence, une critique intuitive et implicite du mécanisme mental conventionnel, une force qui extrait un fait ou un ensemble de faits de ce qui est donné comme leur normale, pour les précipiter dans un jeu vertigineux de relations inattendues et surréelles. Par un mélange de réel et de fantastique, hors de toutes les limites du réalisme quotidien et de la logique rationnelle, l'humour et l'humour seul, donne à ce qui l'entoure une nouveauté grotesque, un caractère hallucinoire d'inexistence... et une importance dérisoire, à côté d'un *sur-sens* exceptionnel et éphémère mais total... »

Trích theo Yves Duplessis, Le Surréalisme P U. F. tr. 21-22

(8) Trích theo Yves, Duplessis, sách đã dẫn tr. 24-25 :

La connaissance vulgaire s'établit suivant un rapport constant, s'accompagne d'un jusement qui porte sur l'existence de ces abstractions qu'elle manie : ce jugement c'était réalité.

(9) Trích theo Duplessis, sđd, tr. 25 :

L'idée du réel est étrangère à toute véritable philosophie... Comme elle nie le réel, la connaissance philosophique s'établit tout d'abord entre ses matériaux un nouveau rapport, l'irréel : et toute d'abord, l'invention par ex. se meurt dans l'irréel. Puis elle mi à son tour l'irréel, s'en évade, et cette double négation, loin d'aboutir a l'affirmation du réel, le repousse, le confond avec l'irréel, . et dépasse ces deux idées en s'emparant d'un moyen terme où ils sont la fois niés et affirmés, mi les concilie et les contient : le suréel, qui est l'une des déterminations de la poésie.

(10) L'attitude réaliste, inspiré du positivisme, de saint Thomas a Anatole France, m'a bien l'air hostile à tout essor intellectuel et moral. Je l'ai en horreur, car elle est faite de médiocrité, de haine et de plate suffisance. C'est elle qui engendre aujourd'hui ces livres ridicules, ces pièces insultantes. Elle se fortifie sans une dans les journeaux et fait échec à la science, à l'art, en s'applicant à flatter l'opinion dans ses gouts les plus bas ; la clarté confiant à la sottise, la vie des chiens. — André Breton, Manifestes du Surréalisme

(11) F. Nietzsche, Ainsi Parlait Zarathoustra : Du pays de la civilization.

(12) « Nous étions débarrassés de ces fameux arbres. Et les maison, les volçans et les empires... Le secret du Surréalisme tient dans le fait que nous sommes persuadés que quelque chose est caché derrière eux ». André Breton.

(13) All visible objects, man, are but as pasteboard masks (. .) If man will strike, strike through the mask ! Herman Melville, Moby Dick, A Signet Book tr 167.

(14) Because no man can ever feel his own identity aright except his eyes be closed ; as if darkness were indeed the propre element of our esseces, though light be more congenial to our clayey part. Melville, sách đã dẫn, tr. 69.

(15) « L'idée de surréalisme tend a la récupération total du notre force psychique par un moyen qui est la descente vertigineuse en nous l'illumination systématique des lieux cachés et l'obscurcissement des autres lieux, la promenade perpétuelle en pleine zone interdite » A. Breton, Second Manifeste.

(16) Mon rêve de cette nuit, peut-être poursuit il celui de la nuit précédente, et sera-t-il poursuivi la nuit prochaine, avec une rigueur méritoire. André Breton, Manifestes du Surréalisme. Coll. des idées. tr. 21.

(17) La femme visible Trích theo Yves Duplessis.

và chủ thuyết siêu thực

MAI THẢO

TRUYỆN DÀI

18

viên đạn đồng chì nổi

VINH giật mình. Trong vùng tối thẫm đen đặc của căn buồng không đèn lửa, chàng cảm thấy một khối nặng, một khối nặng tròn trĩnh, cực kỳ mềm mại và cũng cực kỳ ấm áp đè lên ngực. Hơi thở của Nữ nóng dẫy, thơm tho, mơn man gò má làm Vinh nhột nhạt. Những sợi tóc của Nữ tỏa đầy trên mặt chàng. Và như sợ hãi, như kiếm tìm một che chở, một nương tựa, cánh tay người con gái vắt qua người chàng, ghì chặt lấy. Sự rạo rực làm Vinh tê liệt mọi phản ứng, trong một khoảng khắc. Chỉ cần một khoảng khắc, và thế là ham muốn đã làm chủ tình thế, và nhục dục đã cất cao tiếng cười đắc thắng. Thần trí một phía nào đó sáng suốt, Vinh nhận thức được hoàn toàn tình trạng tối ư nguy hiểm, với cuộc tấn công quận lỵ, những tràng đạn ầm vang tứ phía, nhưng một phía khác, gần hơn, gần hơn gấp bội, đã là sự trùm lấn lên cảm giác bốc lửa sự khêu gợi không tài nào cưỡng chống được của một thân thể đương xuân.

Nữ nhắm nghiền mắt, như mê đi. Nàng ngây dại cả người, mê đắm cả hồn. Toàn thân nàng như tan tành thành muôn vàn mảnh nhỏ Bộ ngực đầy của nàng đã bị một bàn tay chiếm đoạt. Miệng nàng cũng vậy. Cái hôn có một cái gì vội vã, hoảng hốt, bẫn bặt. Nữ rùng mình, nàng ngã ngửa, kéo Vinh đè lên.

Nhưng trong khoảng khắc di động này của hai thân thể quấn quýt. Vinh đã hồi tỉnh được khỏi cơn mê mẩn. Chàng đẩy mạnh Nữ ra, đứng vụt lên. Nữ níu lấy tay Vinh đứng lên theo.

— Em về đi. Về ngay đi.

Miệng nói, Vinh chạy ra mở cửa.

Em. Trời ơi ! Vinh gọi nàng bằng em, một hạnh phúc lạ thường mà Nữ không tưởng tượng được. Sự cảm động bất ngờ làm Nữ bàng hoàng đến run rẩy. Nàng đứng ngây người. Cánh cửa mở, Nữ chạy theo, nắm Vinh lại. Vinh kêu nhỏ :

— Gì thế ?

— Anh đừng ra Nguy hiểm lắm.

— Về đi Về đi. Mai lên đây.

— Mai em lên. Mai em xin lên. Nhưng anh đừng ra.

Vinh cười. Cử chỉ diễn tả niềm lo âu tận cùng cho tính mệnh và an ninh của đời chàng không thể không làm cho Vinh không cảm động Chàng mỉm cười, ghé sát vào tai Nữ, âu yếm :

— Đừng lo, sống chết tại số. Về đi. Theo lối cũ, về đi..

Vinh kéo Nữ ra ngoài, chàng vòng tay âu yếm ôm ngang lưng Nữ, đoạn đẩy nàng về phía con đường tắt đưa xuống xóm lá.

Trong đồn, những loạt súng đã bắn trả lại đối phương. Những tia lửa tới tấp từ trên những nóc lô cốt vẽ thành những đường vòng mầu đỏ khé xuyên thủng bóng tối, đường lửa hướng tới bãi hoang bên kia sông và những cánh đồng bên kia đê. Vinh sách súng chạy ra cổng quận lỵ. Bảo chính Phẩm chỉ huy toán lính phòng vệ hướng này. Vinh yên tâm, quay trở vào chạy lên lô-cốt phía đông. Bầu không khí lạnh lùng rét buốt trong im lặng dầy lớn của đêm giới tuyến đã bị sua dạt hoàn toàn bởi cuộc tấn công chớp nhoáng. Đạn rền vang từng hồi Cuộc bắn trả nhậm lẹ và bình tĩnh chứng tỏ quận lỵ được phòng vệ cẩn mật không hoảng hốt, không sơ hở. Vinh cúi lom khom trong lô cốt thấp mái, đến sát sau lưng người lính giữ tiểu liên đang mê mải nhả đạn.

— Thấy gì không ?

— Chúng ở bên kia đê.

— Gần hay xa ?

— Dạ, còn xa.

Vinh gạt người lính ra cướp lấy cây tiểu liên nhả vào bóng tối và không gian băng đạn thứ nhất do chính tay chàng bắn. Vinh vừa sống một cảm giác kỳ lạ Chàng vừa đụng chạm với một cái gì tàn bạo và khốc liệt. Chiến tranh đó, chiến tranh thực sự, chiến tranh đích thực, với sự gia nhập đích thực của người Mặt thép lạnh tanh trong lòng tay, nhưng hồn Vinh đã cháy bỏng ánh lửa đó của đụng độ trực tiếp. Chàng nghe thấy trong chàng một chất men kỳ lạ, chất men của căm thù. Bắn băng đạn đi, dõi theo đường lửa, tưởng tượng đến những viên đạn đồng bắt gặp cái đối tượng hủy diệt của chúng là những thây người. Đạn ghim vào da thịt. Và phá vỡ. Những tiếng kêu hấp hối mê loạn thần trí. Trong một ánh, một thoáng, một giây, kẻ bị đạn bắn chợt biết, trong hiện hình ghê gớm quái đản của sự thật cuối cùng là nó trúng đạn rồi, và nó sắp chết. Nó không còn là gì, nó là một sự vô nghĩa sắp bị cái chết đưa vào hư vô Nó lảo đảo, nó ôm lấy ngực, máu trào ra, vết thương đớn đau rừng rợn ngoài tưởng tượng, nó cảm thấy nghe thấy từng giọt máu của nó trào ra không giữ được, sự sống như một ngọn triều đầy ắp thoắt bỗng rút đi, kế đó là sự trống rỗng kỳ lạ. và nó ngã vật xuống Mặt cỏ ban đêm ẩm ướt, sương lạnh thấm vào da thịt lạnh tanh dần dần. Nó ngửi thấy mùi đất nhạt nhạt, ngai ngái. Bây giờ là cái giây cuối chót hấp hối trong tiếc thương đời. Giọt nước mắt tuyệt vọng trào ra theo máu chảy xối xả. Nhìn lên Sắp chết rồi, hãy nhìn lên bầu trời vĩnh biệt. Đời ở đó, bây giờ đời ở đó, cuộc sống, ánh nắng, chim hót, hoa nở, tất cả đều đã ở trên đó, thật xa, trên bầu trời. Những điểm sao thu vào tròng mắt lạm chung lung linh như một niềm ngờ vực. Những điểm sao mất dần, lạc dần, lặn chìm từng điểm một. Khung trời nhỏ dần. Kẻ hấp hối nghe thấy sự cầu cứu tuyệt vọng diễn ra không tiếng trong nó ; nó muốn mở, thật lớn, mãi mãi, đôi mắt nhìn trời Còn nhìn thấy là còn sống. Nhưng tròng mắt đã nhỏ lại, nhỏ lại.

Tràng liên thanh của Vinh cũng là tràng liên thanh cuối cùng. Cuộc tấn công có mục đích khủng bố tinh thần nhiều hơn là một cuộc đánh chiếm thực sự. Nhưng tràng đạn thứ nhất đã đủ đánh thức cả một vùng yên ngủ. Khu sếch-tơ, đèn pha quyét loang loáng lên nền trời giới tuyến. Hỏa lực yểm trợ cũng nã xuống cánh đồng rất rát. Địch bắn lẻ tẻ thêm một phát súng tay nữa rồi rút lui. Sau những tiếng động làm nhàu nát không khí, là một im lặng khác thường. Một thứ im lặng bàng hoàng, hẫng đi, như chính sự im lặng đang ngạc nhiên đến tận cùng về sự im lặng của nó. Vinh dừng tay súng, nghe ngóng, có cảm tưởng không khí chung quanh là một mặt hồ vừa nổi sóng, sóng tỏa dần, nới dần. mất dần cho phẳng lặng phục hồi.

Đề phòng địch trở lại, hay có thể tấn công tiếp ở phía khác, Vinh ra lệnh cho toàn thể lực lượng bảo chính đồn trú ở nguyên trong những vị trí chiến đấu. Từ trên vọng gác, chàng bật đèn bấm, bước xuống thang. Cụ Khải đứng đón Vinh ở chân bốt. Nét mặt người thư ký già hiện đầy vẻ rầu rĩ. Đã mấy năm trời làm việc ở vùng tiếp giáp giới tuyến này, từ một quận heo hút này đổi sang một quận heo hút khác, người thư ký già vẫn không làm sao hòa mình được vào bầu không khí của chiến tranh. Những tiếng đạn nổ chát chúa vào những gờ mái lô cốt, những tiếng đạn bay veo véo trên đầu, tiếng giầy đinh rầm rập, thiết giáp ình ình, là những âm thanh nghịch tai choáng

váng đối với người thư ký già mà tuổi đã sế chiều cũng muốn được yên tĩnh như những buổi chiều yên tĩnh.

Giọng cụ Khải ngậm ngùi buồn :

— Chúng nó vẫn còn.

— Ai là chúng nó ?

— Quân khủng bố

— Tất nhiên. Cụ Khải quên đây là đâu rồi sao. Quận lỵ này không nằm trong một khu vực hậu phương an toàn nào. Quận lỵ này là một tiền đồn. Cụ Khải nhớ lấy như vậy. Và chúng ta ở đây, chúng ta là những người lính đứng trên một tiền đồn nguy hiểm.

— Ông quận còn trẻ. Tôi già rồi.

Vinh ngần người một giây trước câu nói đầy trắc ẩn. Đoạn, chàng bật cười, thân mật vỗ vai cụ Khải :

— Thì cụ là một người lính già vậy. Thôi, sống chết cứ tạm coi như tại số. Bây giờ cụ Khải theo tôi đi một vòng xem có thiệt hại gì không.

Câu nói « sống chết tại số » bất chợt làm cho Vinh nhớ tới Nữ. Cách đây dăm phút, đầy Nữ trở lại xóm lá, Vinh đã cười nói với nàng câu này. Bất giác, chàng cảm thấy một sự rạo rực trong thân thể. Phút đèn tắt. Hai người cùng ngã xuống. Thân thể Nữ đè nặng. Hai hơi thở trộn lẫn. Mùi da thịt thơm cay nồng nàn của người thiếu nữ quê mùa, nhưng xinh đẹp và liều lĩnh như chưa từng người đàn bà nào dám liều lĩnh như vậy. Cuộc tấn công của địch làm gián đoạn một pha ân ái kỳ lạ, diễn ra trong một trường hợp kỳ lạ làm cho Vinh tiếc thầm trong lòng. Nhưng chàng đã vội vã sua đuổi hình ảnh Nữ ra khỏi đầu óc.

Những chuyện như thế, phải chấm dứt, nếu không sẽ trở thành một hệ lụy tình cảm khó gỡ, Vinh nhủ thầm, chàng không quên mình là một quận trưởng, và trên ý nghĩ đó, Vinh cố gắng bỏ qua không nghĩ tới Nữ nữa.

Đêm lạnh đem lại sự tỉnh táo. Kẻ địch đã rút vào bóng tối của những vùng cỏ hoang bên kia đê, nhưng biết đâu nó chẳng đang âm thầm trở lại, bò sát mặt đất, nín thở trong đêm ? Vinh bấm đèn kiểm soát từng vọng canh, từng vị trí đặt súng, từng vị trí chiến đấu của từng người lính, rất cẩn thận. Địch không gây được tổn thất gì đáng kể. Một vài mảng tường lỗ chỗ dấu đạn. Đầu mái của một lô-cốt rớt xuống. Một lính bảo chính bị xây sát nhẹ. Thế thôi.

■ còn nữa

du tử lê
VÀ HUYỀN CHÂU

Cánh vàng đã vỗ muôn xa
Vó thu — Ngựa ngủ, đời ta thức bù
giữa vùng trí tưởng, đêm lu
tay xưa mắt nọ kỳ khu hồn người ■

CHƯƠNG DƯƠNG

Mình về phố ấy ấm êm
tôi lêu lổng suốt nghìn đêm bạn bè
mình về phố ấy hiên che
mẹ chăm giấc ngủ vỗ về tình con
mình về phố ấy ven sông
bán buôn chiều chợ gánh gồng tình yêu
mình về phố ấy khẳng khiu
nhánh cây bơm đạn đìu hiu ngõ người ■

nguyễn xuân hoàng
LÀM QUEN

Ngựa phi nước đại một hồi
bỏ lại đằng sau khu rừng xanh
khu rừng xanh khu rừng xanh khu rừng xanh
và những suối sâu, những đèo cao, những truông dài
trời thì đang mưa mau

Chim bay mù khơi trên cao một vùng
ngó xuống phía dưới rừng xanh chập chùng
những suối xanh, những đèo cong, những truông mờ
những thôn xóm, những ruộng đồng
trời thì đang bâng khuâng

tôi đong chơi tự do một thời
ngoảnh lại đàng sau giật mình sợ hãi
những dại những khờ những làm những lỡ
những suối xâu xanh, những đèo cao cong, những truông dài mờ
trời thì đang mông mênh

ôi ngựa phi nước đại một hồi bỗng quị chân
ôi chim bay mù khơi bỗng gẫy cánh
ôi tôi người xa lạ bỗng quen em. ■

vũ dạ khúc
NÓI VỚI NGƯỜI ĐÀN BÀ

Hãy bịt mắt lại và hãy tính xem
một sự nhầm lẫn hai hay ba lầm lẫn
cộng cả vào đây anh móc túi trả tiền
và rủ em về khi trời trong gió mát

Hãy đếm mà xem có phải em lỗi đâu
em đâu có râu để em nói dối
hãy trả cho nó một con chó ngao
bằng xành bằng gỗ hay bằng gì nó hỏi

Lăn từ bánh xe của nỗi oán hờn
trên những hạt ba giăng bùi mặt trời nẫu chín
nó là mọi người thượng đế hay nhân toại
đều giống như nhau xin em đừng đấu tên

Nó rủ em về rừng rú thạch cao
ở đấy thiên đàng là đàn ông đóng đinh
đàn bà bị bàn ông đóng đinh
chết đi và nẫy mầm sinh vật khác

Anh kể như thế đủ rồi em hãy về
nhà anh cửa mở trên bàn có cà phê
trong bếp có chén đĩa
có đũa có tô và những đồ dùng hay vỡ
hãy quên đi em mọi người muốn hại em
hãy ăn nem và hãy quấn khăn
em hãy xoè tay và cả tứ-chi
anh ban tình ái mặn. ■

■ tiếp theo trang 13

ngón tay cô trắng bệch ra. Có thể là cô không chịu nổi tiếng thủy tinh cọ vào nhau, nó làm cho cô nổi da gà chẳng bạn. Rùng mình một cái, cô buông cái trống ra, ném một cái nhìn trách cứ về phía mẹ tôi (lúc đó bà chỉ còn có nước độn thổ) và tuyên bố : « Chà ! em thật là một đứa trẻ hung dữ » Dứt lời cô rời cái trống đã hoàn toàn thức giấc của tôi, làm mặt khinh khỉnh, đi đôi giày bằng đế về bàn vớt ra một đôi kính (có lẽ là kính đọc sách) từ cái va ly nhỏ, nhanh nhẹn gỡ khỏi sống mũi cặp kính đã bị tiếng kêu của tôi làm sước ra (như cửa chớp bị móng tay cào lên vậy), nhăn mặt một cái như muốn nói là tôi đã xúc phạm đến nó, đeo cặp kính mới vào, ngay người lên tưởng như người ngoài có thể nghe tiếng xương kêu lắc cắc được, và với tay vào cái va ly lần nữa, cao giọng : « Bây giờ, các em hãy nghe tôi đọc thời khóa biểu ».

Cái được vớt ra khỏi va-ly lần này là một cọc bìa cứng. Giữ lại một cái cho mình, cô phát phần còn lại cho những bà mẹ, kể cả mẹ tôi, rồi đọc cho lớp học đã hoàn toàn yên lặng. « Thứ hai : học kinh, tập viết, số học, chơi. Thứ ba : số học, tập làm văn, hát, cách trí Thứ tư : số học, tập viết, tập vẽ, tập viết. Thứ năm : địa dư, số học, tập viết, học kinh, Thứ sáu : số học, tập viết, chơi, tập làm văn. Thứ bảy : số học, hát, chơi, chơi. »

Được công bố bằng một giọng rắn rỏi, không bỏ qua một dấu chấm, một cái phẩy, cái kết quả của một buổi họp mặt bàn cãi trang trọng nơi trường ốc này làm sáng tỏ sức mạnh của cái số phận không thể tránh được. Nhưng rồi, như nhớ lại những gì đã học được ở trường sư-phạm, cô Spollenhauer bỗng nhiên trở lại hiền hòa, ngọt ngào : « Nào các em thân mến, » cô kêu lên trong niềm sung sướng mỗi lúc một tăng, « bây giờ, các em hãy cùng cô lập lại : Nào : Thứ hai »

Bọn trẻ con hét lên : « Thứ hai » « Học kinh ? » Và bọn « dã man ngoại đạo » vừa được rửa tội rống lên « Học kinh ». Còn tôi, tôi không làm như vậy mà dùng cái trống để đọc lên hai tiếng đó.

Sau lưng tôi bọn « dã man ngoại đạo » do cô Spollenhauer hối thúc kêu như bò rống : « Tập viết ». « Bum, bum » trống tôi kêu lên hai tiếng. « Số-ố-học » : đập ba tiếng thì vừa đủ.

Trước tôi là cô Spollenhauer đọc kinh sau tôi là đám dân gào thét. Tôi làm một vẻ mặt thích đáng trước cái việc đáng buồn pha lẫn ngộ nghĩnh đó, và từ tốn đánh lên từng vần, và cứ như thế cho tới lúc «chị» Spollenhauer, có lẽ bị quỉ dữ cám dỗ, nhảy dựng đứng trong một cơn giận dữ tưởng có thể sờ mó được, nhưng cơn giận dữ đó không trút lên bọn Xạ Phạng sau lưng tôi; không, chính tôi mới là kẻ làm cho mặt «chị» đỏ khé lên; cái trống nhỏ bé đáng thương của Oskar tôi mới chính là cái gai trước mắt «chị», cái hòn sỏi trong giầy «chị»; Oskar tôi mới chính là người được chọn để nhận cơn giận dữ của «chị».

Oskar, nghe tôi nói đây : thứ năm, địa dư ? ». Không cần biết đến chữ «thứ năm», tôi đánh hai tiếng cho «địa dư». ba tiếng cho «số ố học» và hai cho «tập viết»; riêng chữ «học kinh» được đánh một cách tinh vi đúng theo nguyên tắc âm giai trong sách vở.

tôi đi học

Nhưng «chị» Spollenhauer không để tai cho cái tinh vi ấy, Đối với «chị» mọi sự đánh trống đều khó nghe. Một lần nữa, «chị» thò mười cái móng tay cụt ngủn ra và, một lần nữa, mười cái móng tay cụt ngủn đó định tóm lấy cái trống của tôi.

Nhưng trước khi « chị » chạm được vào nó, tôi thả cái tiếng kêu sắc như kim cương của tôi ra gỡ tan những ô cửa kính trên cùng của ba cái cửa sổ rộng quá khổ. Những ô ở giữa tan tành theo tiếng kêu thứ hai. Và không khí tươi mát của mùa xuân ùa vào lớp theo ngã cửa sổ Tiếng hét thứ ba tiêu diệt những ô cửa kính dưới cùng ; nhưng lần này tôi phải nhận là đã quá đủ, quá mức dự trù vì, ngay từ khi những ô cửa kính trên cùng và giữa rời chỗ, « chị » Spollenhauer đã thu móng lại. Thay vì tấn công những ô cửa kính cuối cùng chỉ vì, đứng trên một quan điểm nghệ thuật, một ý muốn hủy hoại bừa bãi cần xét lại, lẽ ra Oskar tôi nên khôn ngoan hơn mà để mắt đến « chị » Spollenhauer, lúc mà « chị » làm một cuộc rút lui vô trật tự.

Chỉ có trời biết « chị » Spollenhauer tìm đâu ra được cái gậy đó. Chỉ đột nhiên người ta thấy nó trong tay «chị» kêu vun vút trong không khí của lớp học bấy giờ đã hòa lẫn với không khí ngoài trời. Qua cái hỗn hợp khí này cô nguyền nó — chuyển vào nó sự giẻo dai cùng lòng ao ước được quất lên da thịt — thành gió rít lên, thành những tấm màn cửa xào xạc ma quái, những thứ mà một cây gậy ước có thể thể hiện được.

Và cái gậy đó vụt xuống bàn tôi một cái thật mạnh, đến nỗi một tia tím vọt ra khỏi lọ mực của tôi. Và, vì tôi không giơ tay ra nhận những cái vụt, cô quật luôn lên cái trống của tôi. Cô đập lên một cái vật thân mến nhất của tôi. Cô, «chị» Spollenhauer, chạm đến cái khí cụ của tôi Nhân danh cái gì mà «chị» được làm như vậy ? Mà nếu như «chị» có cần phải đập một cái gì, tại sao lại chọn cái trống của tôi ? Còn bọn trẻ đầu bò sau lưng tôi để đi đâu ? Lấy quyền gì mà «chị», một kẻ không biết gì, không một tí gì về tiếng nói của mặt trống, tấn công và đã thương cái trống của tôi ? Cái tia lửa trong mắt «chị» là ý nghĩa gì vậy ? Có phải là con vật đó sắp sửa xuất hiện đó chăng ? Nó thoát từ vườn bách thú nào ra vậy, nó muốn cái gì vậy, và con mồi của nó là ai vậy ? Cũng chính con thú đó đã xâm nhập vào Oskar ; trỗi dậy từ một nơi sâu thẳm tuyệt vời nào đó, nó dâng lên qua đế giầy, qua gan bàn chân Oskar, dâng lên và dâng lên, làm ngập những giây thanh âm ở cổ Oskar và làm thoát ra một tiếng thét dữ dội, tưởng như đủ để bóc tan tành những khung cửa kính vòng cung rực rỡ của một ngôi nhà thờ kiểu Gothique.

Nói một cách khác, Oskar tôi sáng tác một tiếng kêu lớn gấp đôi thường lệ, có khả năng nghiền nát — phải nói cho đúng là nghiền nát — cả hai mắt kính của « chị » Spollenhauer. Máu rỉ ra ở lông mày, mắt hấp háy sau gọng kính trống trơn, « chị » lần mò thối lui và sau cùng khóc ầm lên trông thật đáng kính với một vẻ luống cuống luộm thuộm coi rất là không thích hợp với một nhà mô phạm. Trong khi đó đám nhân loại sau tôi ngồi nín khe, đứa thì ngồi ngay ra răng đánh vào nhau lập cập, đứa thì chui xuống gầm bàn, đứa khác lách từ bàn nọ sang bàn kia chuồn ra phía các bà mẹ, Phần những bà mẹ, thấy được mức độ tàn phá đó ngó quanh tìm kẻ gây nên tội và sắp sửa nhảy xổ vào mẹ tôi : chắc chắn họ sẽ xé tan mẹ tôi ra từng mảnh nếu tôi không kịp thu gọn cái trống mà chạy đến tiếp cứu.

Vượt qua cô Spollenhauer lúc này như mù dở, tôi len đến chỗ mẹ tôi đang bị đe dọa bởi cơn tam bành nắm lấy tay bà và kéo ra khỏi cái tổng hành dinh nhơm nhếch 1 A. Những hành lang âm vang, những bực thang đá cho những đứa trẻ khổng lồ. Vụn bánh mì trong hồ nước kinh tởm. Trong phòng thể dục bỏ ngỏ những đứa trẻ run rẩy trên cái đu ngang. Mẹ tôi vẫn còn cầm cái bìa ghi thời khoá biểu trong tay. Ra khỏi cổng trường Pestallozzi tôi giằng lấy tấm bìa và biến cái thời khoá biểu thành một viên bi giấy không lời.

Tuy thế, Oskar tôi cũng cho phép người thợ ảnh đang chầu chực ở cửa chụp một bức hình với cái sừng hoa quả trong tay (cái sừng này vẫn còn nguyên qua bao biến động). Mặt trời ló ra khỏi mây, những lớp học ở trên ồn lên như ong vỡ tổ Người thợ ảnh để Oskar đứng cạnh một cái bảng đen trên viết : TÔI ĐI HỌC ■

---

(1) Dịch the Schedule, trong The Tin Drum của Gunter Grass.
(2) Jan là anh em họ với mẹ Oskar I và Oskar biết Jan là cha mình. Matzerath là chồng chính thức của mẹ Oskar.
(3) Cornucopia (corne d'abondance) sừng hình sừng dê (dê Almathea cho thần Zens bú sữa) đựng đủ thứ hoa quả, cầm trong tay nữ thần Fortuna, tượng trưng cho sự trù phú, sung túc, giầu có.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

đường vào tình yêu

■ *Tiểu thuyết của SĨ TRUNG*

■ Một cốt truyện mới lạ. Một tình yêu đẹp nhất trong đời

□ MIỀN NAM xuất bản

□ SỐNG MỚI tổng phát hành

■ tiếp theo trang 11

n'est le plus souvent que l'idéalisme du laid. G. Séailles trích dẫn bởi Lalande trong Vocabulaires philosophiques. Sartre chấp nhận quan niệm của trường phái hội họa hình khối (Cubisme) : Họa phẩm không miêu tả hay mô phỏng thực tại, mà họa phẩm phải tự nó là một sự vật.(11)

Nghệ thuật không phải là mô phỏng, miêu tả thực tại nên nghệ thuật không là im lìm, tiêu cực. Nghệ thuật là *sáng tạo*, sáng tạo *từ* những chất liệu của thực tại, là *vượt* thực tại. Nói như Bayer : không có Niết bàn trong thẩm mỹ (il n'y a pas de Nirvana en esthétique p. 167). Camus chủ trương nghệ thuật chân chính đích thực, phủ nhận thực tại *đồng thời* biểu dương một vài khía cạnh của thực tại. Camus quan niệm thực tại, đời sống là phi lý, và đòi hỏi nghệ thuật phải diễn tả kinh nghiệm phi lý về cuộc đời. Như Camus không dừng lại ở nhận thức phi lý đó. Camus chủ trương con người phải vươn lên, vượt thực tại phi lý đó bằng công phẫn, bằng phản kháng. Bởi nghệ thuật, theo Camus, diễn tả không riêng gì cảm thức phi lý đó mà còn phải biểu lộ sự công phẫn của con người.

Tóm tắt những điểm chính chung ta đã đưa ra : tác phẩm nghệ thuật là cái phi thực, và nghệ thuật không thể phủ nhận hoàn toàn thực tại cũng như không thể hoàn toàn mô phỏng, chấp nhận thực tại. Những nhận xét trên đưa đến một quan niệm về nghệ thuật : nghệ thuật luôn luôn *khởi từ* thực tại nhưng cũng *vượt* thực tại, và vượt thực tại *không có nghĩa* là phủ nhận thực tại. Khi vượt thực tại người sáng tạo nghệ thuật *mang theo* những chất liệu cống hiến bởi thực tại.

Thực tại là *nền tảng*, là đất đứng của mọi nghệ thuật. Mọi nghệ thuật đều được nuôi dưỡng trên nền tảng đó, nhưng đồng thời nghệ thuật phải vượt nền tảng đó để trưởng thành lớn mạnh (dẫn tới ý niệm *biện chứng* : xem chú thích ở cuối bài này).

Sartre cũng không chủ trương điều gì khác hơn nhưng đã diễn tả bằng ngôn ngữ triết học : ý thức chúng ta khi sáng tạo cái phi thực, được giải thoát khỏi hữu thể tại thế (être-dans-le-monde), nhưng chính hữu thể tại thế lại là điều kiện cần thiết cho mọi sự tưởng tượng, mọi sáng tạo phi thực. Và «cái phi thực sáng tạo *ở ngoài* thế giới bởi một ý thức *ở trong* thế gian"(12)

Để minh giải sự khác biệt giữa hai bình diện *thực* và *phi thực*, Sartre đối chiếu đạo đức học với Thẩm mỹ học (đối chiếu thiện và mỹ). Những giá trị nền tảng của luân lý, đạo đức, nói chung của sự thiện, đòi hỏi sự hiện diện của ý thức thể hiện, hiện thực (conscience réalisante), đòi hỏi một môi trường là thực tại. Người đạo đức thánh thiện *thể hiện* thực sự những giá trị đạo đức *qua* những hành động của mình *trong* một thế giới sống thực. Còn vẻ đẹp, đó là một giá trị chỉ có trong địa hạt của tưởng tượng, của phi thực. Điều này giải thích tại sao Kant quan niệm «sự hiện hữu hay không hiện hữu» của một đối vật thẩm mỹ là điều không cần thiết (13) Baudelaire khi chỉ trích nghệ thuật duy thực (chủ trương mô phỏng thực tại), đã tỏ ra ưa thích những quái vật do ông tưởng tượng hơn là những thực tại, vì theo ông, thực tại thiên nhiên là xấu (La nature est laide... trong curiosité esthétique). Sartre cũng cùng ý tưởng : Le réel n'est jamais beau.

Trước những quyết đoán đó chúng ta có thể trình bày một ý nghĩ không quá nghiêm khắc về thực tại thiên nhiên : chúng ta đi vào thực tại với một *ý thức hiện thực* để thực hiện, để hành động, để tác động trên thực tại. Như vậy chúng ta không đặt vấn đề thẩm mỹ của thực tại, thực tại là đẹp hay là xấu xa, chúng ta *không cần* biết và cũng *không thể* biết, bởi khi chúng ta có những nhận định thẩm mỹ về thực tại khi đó chúng ta không giữ ý thức hiện thực nữa, chúng ta đã mặc nhiên mang thái độ thẩm mỹ, ý hướng nghệ thuật để nhìn thực tại, và bởi vậy thực tại không giữ nguyên khuôn mặt cũ, thực tại đã bị *phi thực hóa* trong khoảnh khắc đó.

Dấn thân vào cuộc đời, là bước vào một thế giới nhân loại thực sự, với những công việc thực sự, cảm thấy sức nặng của thực tại, của đời sống, và con người phải tuân theo những lề lối, những quy luật (Đạo đức, Luân lý...) để thích nghi với môi trường, ngõ hầu *tác động* trên thực tại. Và để tác động trên thực tại con người không thể nhìn ngắm, *thưởng ngoạn* thực tại như thưởng ngoạn một đối vật thẩm mỹ. Theo Sartre, nói rằng người ta giữ một thái độ thẩm mỹ trước cuộc đời, đó là lẫn lộn hoàn toàn cái có thực với điều tưởng tượng.(14) Không thể đồng thời vừa *sống* cuộc đời thực sự vừa *thưởng ngoạn* cuộc đời.

Sartre đưa thí dụ về một người đàn bà đẹp : nếu chúng ta nhìn ngắm người đàn bà với thái độ thẩm mỹ, chúng ta sẽ không có dục tình, không ham muốn nàng. Dục tình chỉ xuất hiện khi ta từ bỏ thái độ thưởng ngoạn nghệ thuật để mang một ý thức hiện thực nhằm tác động, chiếm đoạt người đàn bà đó. Có thể nói, như Sartre : vẻ đẹp tuyệt đỉnh của người đàn bà giết chết dục tình nơi người ham muốn nàng. (15)

CHÚ GIẢI VỀ Ý NIỆM BIỆN CHỨNG

Thực sự chúng ta đi tới quan niệm biện chứng về nghệ thuật. Diễn tiến biện chứng là một diễn tiến mở rộng mãi (về phía trước) đồng thời tự thu trở về

(Mouvement dialectique : cette marche engendrant elle-même le cours de son processus et retournant en soi-même. Hegel, phénoménologie de l'esprit bản dịch Jean Hyppolite P. 56- Tome I).

Nghệ thuật khởi từ thực tại, mở rộng mãi, có nghĩa là vượt khỏi thực tại nhưng không phủ nhận hoàn toàn thực tại, vẫn còn chấp nhận thực tại : tự thu trở về.

Diễn tiến biện chứng có thể hiểu như một lịch trình ba giai đoạn : chính đề (thèse) nghệ thuật khởi từ thực tại, chấp nhận thực tại ; phản đề (anti-thèse) : nghệ thuật phủ nhận thực tại Tổng hợp đề (synthèse) : sự trưởng thành của nghệ thuật ; nghệ thuật vượt thực tại. Tổng hợp đề không loại trừ phủ nhận chính đề và phản đề mà chính đề và phản đề bị phủ nhận để được chấp nhận (sau khi đã hoa thân, đạt trình độ cao hơn) trong tổng hợp đề

Nghệ thuật vượt thực tại. Muốn thấu triệt phải hiểu chữ vượt như chữ Aufhebung mà Hegel đã dùng.

Người Pháp cho tới nay vẫn chưa có chữ nào, hay ý niệm nào tương đương để dịch chữ Aufhebung.

Jean Hyppolite khi thì dịch là từ bỏ, phủ nhận (Supprimer) khi thì dịch là bảo toàn (conserver), khi thì dịch là vượt (dépasser). Bởi lẽ Aufhebung gồm đủ các nghĩa đó, nên rất thích đáng để chỉ tương quan giữa nghệ thuật và thực tại mà chúng ta đã trình bày : nghệ thuật vừa từ bỏ, phủ nhận thực tại, nhưng cũng chấp nhận, bảo toàn thực tại, đồng thời nghệ thuật cũng vượt thực tại.

---

(1) L'oeuvre d'art est un irréel — L'imaginaire, p 239).

(2) La pensée moderne a réalisé un progrès considérable en réduisant l'existant à la série des apparitions qui le manifestent — Sartre. L'Être et le Néant, p II).

(3) (L'apparence ne cache pas l'essence, elle la révèle — L'Être et le Néant p 12).

(4) L'art est une fiction.. il baigne dans un halo d'obcurité — Traité d'Esthétique — Bayer p. 153)

(5) La maison, si on la considère attentivement et sans aucune pensée, a un air d'éternité, et il émane d'elle une sorte de stupeur — M. Ponty).

(6) Au détour d'une rue ou dans le tambour d'un restaurant — Albert Camus Le mythe de Sisyphe, P. 16).

(7) Dans l'attitude esthétique, l'esprit humain cesse de considérer les choses de la façon qui lui est habituelle — Traité d'Esthétique, p 151)

(8) Les prisonniers de la caverne sont les prisonniers de l'évidance - Lagneau — Trích dẫn bởi Gusdorf trong Traité de métaphysique.

(9) Aucun art ne peut refuser absolument le réel. A Camus — L'homme révolté — p. 332).

(10) La meilleure des photographies trahit déjà le réel, elle nait d'un choix et donne une limite à ce qui n'en a pas Albert Camus — L'homme révolté, p. 332).

11) ...que le tableau ne doit pas représenter ou imiter le réel, mais qu'il doit contituer par lui même un objet — Sartre. L'imaginaire, p. 241).

(12) L'irréel est produit hors du monde par une conscience qui reste dans le monde — Sartre — L'imaginaire — p 237).

(13) Qu'il était indifférent que l'objet beau, saisi en tant qu'il est beau, soit pourvue ou non de l'existence. Trích dẫn bởi Sartre. L'imaginaire p. 242).

(14) Dire que l'on « prend » devant la vie une attitude esthétique, c'est confondre constamment le réel et l'imaginaire p. 245)

(15) L'extrême beauté d'une femme tue le désir qu'on a d'elle p. 246).

một người mỹ • một người mỹ

■ tiếp theo trang 15

Thằng bé đánh giầy đang ngồi bệt ở chân tường, bỗng đứng bật dậy, tay xách hộp, tay vốc một vốc đất trong cái chậu cảnh để gần đấy, rồi vùng chạy. Nó rượt theo mấy ngoại kiều vừa ở đâu bước ra. Nó đi lẽo đẽo, nói lảm nhảm. Một lát nó cúi nhanh, xoa đất lên mũi giầy của anh chàng vừa lắc đầu. Hắn nắm tay, dậm chân, dọm đuổi. Nó nhẩy lùi ra xa, nhoẻn cười.

Một chiếc máy bay trực thăng bay tạ, xuống. Lá rụng, chim bay rạt rào Tiếng cánh quạt vừa lắng ra xa, thì vừa lúc ở đâu đó vọng về hai tiếng súng đại bác nổ cách quãng, tiếng sau nghe xa hơn tiếng trước, và âm hưởng cũng ủ ê gần giống nhịp điệu tát nước gầu sòng.

Sĩ dừng lại trước căn nhà gỗ cao lêu nghêu vì hẹp bề ngang mà lại hai tầng. An chạy ra, chạy ra như đột hiện, một tay còn cầm đôi đũa tre :

— A anh Sĩ, tụi này tưởng anh không đến.

Sĩ mỉm cười, theo An trở vào. Sơn ở trên gác xuống, đứng lại lưng chừng cầu thang, hỏi xuống :

— Phượng đâu ?

Sĩ chống tay, ngồi ghé lên một góc đi-văng, quần áo vứt ngổn ngang, anh nhấc cái bàn là, khẽ lia nhanh trên tấm mền :

— Sắp đi đâu mà sửa soạn đây ?

Sơn lại quay lên gác

— Ở không thì bới việc, chứ đi đâu. Lần đầy !

Đứng ở chân cầu thang, tình cờ Sĩ nhìn thẳng vào trong bếp, anh thấy An đang lúi húi sào nấu gì đó, mái tóc lâu ngày chưa được uốn lại trông rời rạc, khô cứng như người vừa ốm dậy. Sơn vừa dọn xong đám sách báo, đem chất đống dưới sàn gác rồi anh loay hoay phủ tấm vải nhựa lên mặt bàn, cái áo thung rách một miếng to tướng hở ra gần hết dãy xương sườn. Sĩ chép miệng !

— Bàn thờ, hở ?

Sơn cũng chép miệng :

— Ừ, bàn thờ.

Chẳng biết làm gì, Sĩ bỏ đi loanh quanh làm sàn gác chuyển kêu, nứt kẽ, nhiều chỗ trông rõ cả ánh đèn nhà dưới.

Hồi lâu, Sĩ tạt ra hiên, nhìn ngược về đầu ngõ anh thấy ngoài phố vẫn có vẻ ngày còn sớm hơn trong hẻm.

TRUYỆN DÀI

doãn quốc sỹ

PHẦN I

Đốt Biên giới

18

doãn quốc sỹ

MỘT điệu nhạc u trầm từ một trại binh Mỹ thoát ra. Dân ca của địa phương này hay của địa phương nào ? Quyết không phải tiết điệu Tây phương ! Điều đó nhắc nhủ Thuận đã về gần tới quê hương. Khi phi cơ đã cất cánh điệu nhạc còn như bám vào trí óc Thuận gợi một nỗi niềm tê tái của một cái gì muốn vươn lên mà gặp bao nhiêu trở ngại.

Lần về này sau mười sáu giờ miết mải đuổi theo mặt giời, giờ đây cơ hồ phi cơ hụt hơi, Thuận nhìn ra ngoài khung kính, mặt trời sắp lặn đương tung tóe những tia nắng cuối cùng màu hồng thẫm khiến cảnh tượng vẫn mơ màng mà vẫn dìu dịu. Nhìn xuống mặt biển qua các khe mây Thuận thấy rõ một khoảng lớn màu tím đậm, chỗ sáng hơn là màu hoa cà. Thuận đã nhắm mắt lại rồi mà còn như thấy cảnh trời nước hiu hiu đi vào tàn lụi.

May sao khi phi cơ hạ xuống Manille thì có thêm một thiếu nữ Việt Nam lên ngồi bên Thuận, nàng là một nữ giáo sư chưa chồng qua Manille tu nghiệp sáu tháng về ngành giáo dục tiểu học, nói chuyện với nàng Thuận thấy tình cảm quanh hiu ám ảnh mình từ đảo Wake bớt đi nhiều lắm. Chỉ vào bộ quốc phục nàng bận, Thuận vào chuyện trước :

— Thời gian ở Mỹ tôi có được đọc một bài phỏng vấn các chàng trai quốc tế tại Saigon về những tình cảm, những nhận xét của họ về phụ nữ nước nhà. Đại khái chàng nào cũng nức nở khen tà áo và mái tóc của cô gái Việt Nam là đẹp nhất hoàn cầu.

— Đúng đấy anh ạ, — nàng đáp — tôi nhận thấy ra khỏi nước nhà, hễ hôm nào mình bận quốc phục quả nhiên thấy thiên hạ dòm ngó nhiều lắm, ngạc nhiên với nhiều thiện cảm.

— Còn về đức tính — Thuận tiếp — thì có người ca ngợi đức tính nhẫn nại, óc thông minh của phụ

VÌ SAO

người P.N.V.N. mau già?

Vì sao người Phụ nữ Tây phương 40 tuổi mà vẫn trẻ đẹp như người Phụ nữ Việt-Nam tuổi chưa đầy 30?

Vì Tây phương là xứ lạnh, còn Việt-Nam là xứ nóng; nắng hạ thiêu đốt làm cho làn da khô khan, cằn cỗi; người phụ nữ V.N. do đó mau già.

Trong những năm gần đây ở V.N. đã sản xuất được thứ kem nuôi da gồm nhiều chất thuốc mát, có khả năng tiếp nước và bồi bổ sinh lực cho làn da luôn luôn mát mẻ tươi mịn, hồng hào — đó là **CRÈME THORAKAO**.

Với tính chất mát này, **CRÈME THORAKAO** còn ngừa và trị được những chứng tàn nhang vết nám, mụn, sần, quầng đỏ, nhăn, nhờn v.v. do khí hậu tạo nên.

Cũng với tính chất mát này. **CRÈME THORAKAO** có khả năng chống nắng làm da đen nám.

Nhà sản xuất **CRÈME THORAKAO** lại còn có sáng kiến chế cho kem này có phấn để khi dùng, vừa nuôi dưỡng vừa điều trị lại vừa trang điểm đẹp đẽ giản dị ... rất thích hợp cho mọi người phụ nữ Việt Nam.

Kem này có bán ở nhà thuốc tây và tiệm hóa phẩm từ thành thị đến thôn quê nên rất tiện dụng cho người P N Việt Nam.

Anh Văn dễ học

dễ nói lưu loát

Nhưng : kết quả sẽ không bao giờ đến khi :

— HỌC GẤP

— HỌC LỆ

— HỌC ĐỐT GIAI ĐOẠN

— HỌC CHO MAU hết sách vì : Đó chỉ là Danh Từ và những Danh Từ... Nhưng với thiện chí và kiên nhẫn học tuần tự từ lớp vỡ lòng (khóa 2 tháng).

Do giáo sư Hoàng-Xuân-Chung Tốt nghiệp văn bằng **E. E.** và **P. E. : The Regent London.**

Đích thân dẫn giảng : **39** đường **Yersin** Saigon.

Rồi đây bạn có thể VIẾT, ĐẶT CÂU đúng VĂN PHẠM.

Đó là yếu tố tiên khởi dẫn bạn đến sự nói **đúng cách và chính xác**. Khi xuất ngoại, khi dự những kỳ thi vấn đáp cũng như tiếp xúc thường đàm. Có dạy cá nhân. Phiên dịch và những sách mới nhất hiện nay của Gillivray và Wright (chỉ nhận 10 người). Nơi học lịch sự như ở Âu châu.

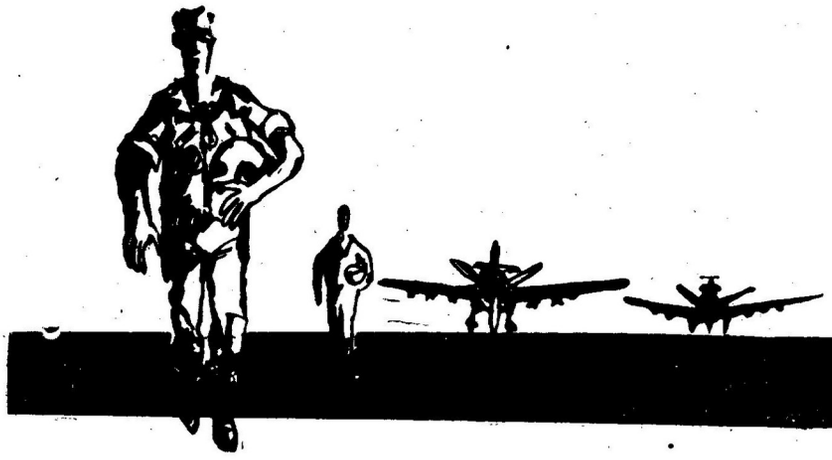

cúi đầu

nữ Việt, có người than phiền phụ nữ Việt e lệ quá nhiều khi thành ra như bất lịch sự với khách ngoại quốc nhưng lại cũng có người phản đối, mà cho rằng chính nét e lệ đó làm cho phụ nữ Việt Nam còn giữ được nữ tính là điều mà các phụ nữ Tây phương ở những nước mang danh tiến bộ hầu như không còn mấy nữa. Lại có người khen (mà là chê) một số phụ nữ Việt Nam bắt chước giỏi.

– Tôi nghĩ rằng — nàng đáp — người ta khen hay chê đều có lý do cả, cốt sao mình giữ được đúng mức, theo ý tôi hình như cả nghệ thuật sống là ở chỗ giữ sao cho đúng mức !

Câu nói của nàng thực khôn ngoan Thuận nhớ lúc nàng bước lên phi cơ đi giữa hai hàng ghế mấy người ngoại quốc Tây phương đều quay đầu lại ngắm nàng và bộ quốc phục của nàng. Nàng như một ngôi sao độc tôn trong phi cơ cho đến khi phi cơ hạ cánh xuống phi cảng Tân sơn Nhất, dưới ánh nắng chói chang lúc đó hình ảnh nàng mới mờ vào đám đông không phải là vì trời nắng, mà là vì nàng đã về tới quê hương của xứ áo màu quần trắng.

Chị Ninh đã tới đón Thuận ở cửa ra.

Người con trai thời loạn đó đã trở về với quê hương loạn ly tràn ngập mâu thuẫn của mình.

IX

Tràn ngập mâu thuẫn thật !

Sau khi tới trình diện tại bộ chỉ huy không quân và sau đó xin nghỉ được một tuần, Thuận đã đi thăm bè bạn khắp mặt, cùng họ đi ăn uống, đi bát phố, ngắm và nghe và đọc báo, và tối đến thì nghe tiếng đại bác từ những ngả ngoại ô vọng lại.

Một bạn đồng đội của Thuận đã chết trong một cuộc lái phi cơ trực thăng tải thương. Ở đây dù là phi cơ tải thương cũng vẫn là đích cho những ổ súng phòng không của đối phương, nhưng như cả cuộc chiến tranh đã phi lý thì thêm một vài chi tiết phi lý nhỏ nữa cũng chẳng sao.

Phố phường rộn rịp ! Cứ gia nhập đám đông Sài Gòn vào chiều thứ bảy tại những phố lớn thì không ai có thể ngờ rằng trên đất nước này ngoài tiền tuyến đương có cuộc giao tranh khốc liệt từng giờ, từng phút. Có người trách kẻ hậu phương vô tâm, nhưng Thuận cũng được nghe lời bênh vực ngược lại là chính nếp sống hậu phương luôn luôn được bình thường hóa như vậy làm nên sức mạnh của cả đoàn thể Những người gia nhập đám đông đường phố Lê Lợi, Tự Do kia mấy kẻ là không có người nhà hoặc đã ngã xuống, hoặc hiện đang có mặt ngoài tiền tuyến,

Những cô gái Việt nhỏ nhắn đi bên những người Mỹ cao lớn, đề tài trào phúng cho nhiều cột báo hằng ngày tại thủ đô. Người ta riễu những nét hạ lưu của những cô gái đó. Nhưng biết thế nào là hạ lưu đây ? Một chàng quân nhân Mỹ ở đường Nguyễn đình Chiểu hằng ngày ngắm một cô gái Việt đi gánh nước thuê lấy liền nuôi mẹ, anh quyết định hỏi cô làm vợ và viết thư về khoe với bố anh là anh sẽ cưới một cô gái mà tìm khắp nước Mỹ hông có người đức hạnh thứ hai như thế,

Thật nhiều mâu thuẫn ! Người ở tiền tuyến chết cho những người hậu phương sống yên ổn, vậy mà có người hậu phương xây xong một căn nhà đồ sộ bèn nguyền rủa lên xác những người đã chết cho họ bằng cách tuyên bố trắng ra là sẵn sàng cho Cộng sản ở không nếu họ vào đến Saigon. Nhưng lại có người đấu lý với Cộng Sản trên con đường Định Quán – Đà Lạt :

— Chính phủ quốc gia chỉ đánh thuế xe tôi có ba ngàn một năm, các ông đánh thuế tám ngàn một chuyến làm sao mà đóng được ?

– Bà có xe Mỹ, bà tất giàu lắm, bà đóng được.

— Tôi không đóng !

— Bà để xe lại.

– Thì tôi để xe lại !

– Nếu bà không sẵn, bà có thể đóng thiếu, lần sau qua đây bà đóng bù, tôi ghi ở biên lai.

— Tôi không đóng !

Tất nhiên chiếc xe bị đốt, nhưng đồng thời lâu đài chính trị mị dân của chúng cũng nhận thêm một ngọn lửa đốt xém. Chúng có được, mà chúng có mất.

Ngày đó tác giả dạy học tư ở một quận lỵ cách thủ đô trên một trăm cây số, tác giả thường đến húi đầu tại tiệm có hai bố con cùng lành nghề và hết sức nhũn nhặn, lễ phép. Rồi người con nhận được lệnh gọi nhập ngũ quân dịch. Ông bố đưa con đi trình diện ở quận, xin giấy dời khỏi quận; ông bố đích thân ra chợ sắm các đồ vặt vãnh cho con, rồi làm tiệc tiễn con lên đường. Từ đấy mỗi khi tác giả đến húi đầu lại nghe tiếng chép miệng của ông bố nói nhớ con và thủ thỉ kể rằng ở trại nhập ngũ thằng con vào giờ nghỉ vẫn được phép hành nghề, nghĩa là cắt tóc cho những bạn đồng đội lấy giá re Vẫn bằng giọng thủ thỉ đó ông kể là thằng bé rất được cấp chỉ huy mến số nó thế, đi đến đâu cũng được quý nhân phù trợ. Rồi tác giả thôi nghề dạy học, trở lại Saigon, một năm sau vào một hôm kia tới một tiệm cắt tóc gặp một chàng trai khuôn mặt ngờ ngợ quen, chàng trai cúi chào. Lúc đó tác giả mới chợt nhớ đó là cậu con trai ông thợ hớt tóc. Cậu biết nỗi ngạc nhiên của tác giả, khuôn mặt cậu đã lấu lỉnh nhiều vì chẳng gì cậu cũng đã hơn một năm giời sống ở thủ đô, tuy nhiên lúc cậu ghé tai nói thầm với tác giả thì còn giữ nguyên vẻ thực thà :

« Thưa ông, chả cháu trốn quân dịch ! »

■ còn nữa

THANH TÂM TUYỀN

đọc trầm tư...

■ tiếp theo trang 7

vẫn còn những bản tính thô sơ, còn bị bản năng kích thích mạnh, còn bị nhiệt tình đốt nóng, thì còn cần có một cái văn minh mới để rèn luyện, uốn nắn, hun đúc cho ngày càng cao quý đẹp đẽ hơn, trong ít lắm là năm ba trăm năm. Tôi muốn nói đến cái văn minh tu sĩ. Thì đạo Phật, cũng như các tôn giáo khác, cần phải hòa mình vào cái văn minh tu sĩ ấy, cho loài người dùng, chẳng khác nào những cái phao cho người tập lội ôm trong buổi đầu vậy. Cái văn minh tu sĩ được thành hình như một phản đề của văn minh chính ủy do Marx lập nên. Về cả hai văn minh này trong Trầm tư không thấy bàn đến chi tiết, xác định những đặc thù của từng cái, ngoại trừ hai từ tu sĩ và chính ủy trong nghĩa của nó chỉ cho người đọc một ý niệm đơn sơ khái quát về hai loại người đối nghịch mà Koestler đã phác họa trong một vài bài bình luận nhỏ trong tập Le Yogi et le commissaire. Người ta có thể hiểu rằng những tư tưởng trong Trầm Tư chỉ là những nét phác khởi trong một hoàn cảnh đặc biệt có tính cách tổng quan và những người đến sau ông Tường sẽ phải khai triển, giải quyết các vấn đề đã được gợi ra.

Riêng về cái văn minh tu sĩ, có một đặc thù rõ rệt nhất, được nhấn mạnh là «Tôn giáo đồng nhất với chính trị.»

«Đồng nhứt với chính trị để xử thế, không phải là tôn giáo chạy theo chánh trị để a dua theo kẻ có quyền thế và để ban phép lành cho họ, kẻ làm chính trị hơn hẳn người thường, là những kẻ bản năng mạnh, nhiệt tình nồng hay thiên về cực đoan hay ngã về bạo lực. Để tránh những việc như đày hàng mấy chục triệu người vào trại giam, như giết chóc tất cả ai đối lập, như đốt ngòi chiến tranh thế giới để có địa vị cá nhân của mình, thì không nên để sự ngẫu nhiên của tranh đấu, đưa kẻ tranh đấu lên dẫn đầu, mà phải tuyển trạch kẻ ấy trong hàng những người sáng suốt, bác ái và hiền lành hơn cả. Nếu không có cả một cái văn minh mới để rèn luyện, uốn nắn, hun đúc con người theo cái mẫu này, để rồi tuyển trạch những phần tử ưu tú hơn hết trong đó, đặng đưa lên làm người lãnh đạo, thì cái văn minh đương thạnh hành ngày nay, cái văn minh chính ủy, chỉ cung cấp cho ta những người cầm đầu bạo ngược và man trá.

«Đồng nhứt với chánh trị, cái tôn giáo đội lốt mới này mở màn cho cái văn minh mới ấy, gọi là văn minh tu sĩ.

Trong tư tưởng của ông Hồ hữu Tường, chính trị là đầu mối của mọi khủng hoảng như chiến tranh và cách mạng làm nên những thống khổ của con người. Có lẽ chỗ này ông Tường bị ám ảnh quá mạnh về viễn tượng chiến tranh «nếu mà cái văn minh tu sĩ này sớm xuất hiện được, họa may sẽ miễn cho nhân loại cuộc đại chiến thế giới thứ ba. Rủi mà chiến tranh nổ ra trước rồi thì quả địa cầu sẽ dẫy đầy tàn phá tang tóc và căm hờn», nên chỉ nói đến chính trị ông chỉ nhắm những người làm chính trị, những kẻ lãnh đạo, những nhà cầm quyền. Do đó ông lập lại cái giấc mộng của Platon đã mấy chục thế kỷ qua chưa thực hiện được: Thế giới của chúng ta đòi hỏi những nhà cầm quyền hiền triết. «Có nền tảng đạo đức vững chắc rồi, thì chánh trị mới hoàn về cái sửa trị, sửa đường vậy để đi theo đường chánh», đó cũng là ý của Khổng Tử đã từng được thực hiện trong một chừng độ nào đó ở các xã hội Á châu xưa cũ.

Thật giản dị và cũng thật xa vời cái giấc mơ sửa trị bằng các nhà hiền triết và tu hành. Và cũng thật bi đát nếu quả việc chính trị, vận mệnh của số đông, chỉ tùy thuộc vào thiểu số, dù thiểu số ấy là các bậc tu hành, các nhà hiền triết. Còn ai bác ái, hòa bình hơn thánh Ghandi. Thánh Ghandi, năm 1940, đã chấp thuận một quyết nghị theo đó Ấn độ bằng lòng tham dự chiến tranh bên cạnh Anh quốc nếu nước này trả độc lập cho Ấn và cũng chính thánh Ghandi đã đồng ý trong việc chiếm lấy Cachemire khi Ấn Hồi chia làm hai nước.

■ còn nữa

(2) *Kibboutz : như một thứ địa điểm dinh điền theo chế độ cộng đồng tài sản được thiết lập do những người tình nguyện trở về đất tổ với mục đích đặt nền tảng cho quốc gia Do Thái sau khi quốc gia này được thành lập, các Kibboutz vẫn phát triển trong tinh thần xã hội, dân chủ và đặc biệt Do Thái.*

(3) *Các câu dẫn của Malraux trích trong Postface cuốn Les Conquérants. Coll de Poche*

André Breton

■ tiếp theo trang 23

trường hợp không tìm thấy, nó đổ cho sự tình cờ. Nhưng thực ra không có sự tình cờ. Cái điều hắn yêu nơi người đàn bà này là những hình ảnh nhắc nhở hắn đến giấc mơ qua, những hình ảnh đã mất « Ban ngày, chúng ta tìm kiếm một cách vô thức những hình ảnh đã mất của giấc mơ, và khi chúng ta tìm thấy một hình ảnh của giấc mơ, chúng ta tưởng rằng đã biết nó và cho rằng nhìn nó khiến chúng ta mơ ». (Dali).

Giấc mơ trả về cho con người cái toàn diện tính của nó ! Con người lúc thức chỉ sống bằng một phần rất nhỏ của cái tôi, và bằng những tình cảm yếu đuối, dãi lọc qua sự kiểm soát gắt gao của ý thức, của luân lý. Trái lại, trong khi mơ, con người mở cửa đi vào một thế giới buông thả của ước muốn, dữ dội của bản năng :

«Chém giết, cướp bóc chớp nhoáng yêu đương tha hồ theo ý bạn muốn với «sự dễ dãi không thể lường được» vì ở đây người ta không sợ những điều ấy xảy ra (18) khi mà sự ám ảnh của trừng phạt hoàn toàn vắng bóng.

(18) A. Breton, Manifestes tr. 23.

VÙNG AN TOÀN

■ *tiếp theo trang 33*

ghép cho tao những tiếng tĩnh từ đó sao không bảo phắt đi tao là chó có phải hơn không ? Giữa những dằn vặt – phi lý của đời sống hằng ngày tôi đã tìm thấy một vùng an toàn thật nhỏ bé – đó là tình yêu của Hoàng. Nhưng bây giờ thì đã không còn. Vùng an toàn của tôi bây giờ chỉ còn là một chấm thật nhỏ linh động như con ngươi của một con mắt mèo chợt mở trong đêm chỉ một mình tôi nhìn thấy Tôi đưa bàn tay lên nhìn những ngón ấy đen thật tội nghiệp, ở đó những giọt nước mắt của Hoàng bây giờ đã tan đi đã khô, khi tôi vượt qua cái sân nhỏ của nhà Hoàng để ra đến đường với những tiếng khóc rất đàn bà của Hoàng còn sót lại trong đầu. Chiếc cầu tình yêu giữa chúng tôi bị chặt bởi một lý do rất giản dị là Hoàng sắp lấy chồng. Thật ra lúc đó tôi cũng không buồn, cho mãi đến bây giờ. Tôi chợt nghĩ đến lần tôi tát Chi vì cho rằng Chi lẳng lơ khi tôi vừa cầm tay nàng định tỏ tình thì Chi đã ngửa mặt lên, hai mắt khẽ nhắm lại trong một cử chỉ dâng hiến chờ đợi. Tôi đã tát Chi vì cho rằng Chi đã quá lẳng lơ và tôi khong thích thế. Tôi thích thấy Chi vùng vằng từ chối rồi khưng chịu trong những cử động thật rụt rè và rất con gái chứ không phải trong dáng điệu đàn bà lõi đời. Lần đó tôi tát Chi và bỏ ra về cũng với những tiếng khóc. Nếu hôm đó em vùng vằng từ chối có phải bây giờ anh mãi còn em không. Tại sao anh lại thích thế, đến anh, anh cũng không thể hiểu nổi anh nữa và tại sao em lại không thể làm thế (cử chỉ chờ đợi) vì em quá yêu anh. Chi ơi bao bao giờ anh cũng thấy anh vô lý – nhưng anh không thể chối bỏ những điều vô lý của mình được. Em mãi là một kỷ niệm đẹp của mối tình đầu đời anh. ●

Lên đến đường Trịnh Minh Thế, Phấn lại hỏi tôi xuống ở chặng nào đây mầy. Tôi chợt đổi ý kiến : thôi – tao định đến thằng Của mượn mấy quyển sách nhưng bây giờ chưa cần lắm, mai lên cũng được, mầy quay xe lui đi. Tôi cho tay vào túi móc mấy tờ giấy bạc cũ nhàu nói với Phấn : tao còn 20 đồng vừa đủ hai ly cà phê và mấy điếu thuốc lẻ, rẽ qua cà phê H đi mày – Sao bữa ni nghèo vậy ! mày vẫn còn đến dạy con Hoàng đó chớ ? – Nghỉ lâu rồi – Sao vậy ? – Nó sắp lấy chồng – Ớ ! còn mày nó để cho chó ăn à ?.. Thằng Phấn nói xong cười hả hả, tôi không thấy giận nó — tôi cũng cười nói : đ. m đâu dễ vậy mày.

Hai đứa bước vào quán cà phê H — người ngồi lố nhố, khói thuốc và âm nhạc, thằng Phấn gọi lớn cho hai ly cà phê đá và mấy điếu thuốc. Tôi hỏi nó : mày còn mấy ngày phép. — Quá hai ngày rồi đ. m hết sức, vô đơn vị là bị phạt – Tụi mày còn ở lại thành phố sướng quá.

– Đ. m sướng chi mày, cứ cái điệu này kéo dài mãi thằng nào mà chả vô lính – đi đường nào cũng không đến quân trường, còn 13 ngày nữa tao đi khám sức khỏe.

– Mầy có giấy gọi rồi à ?

– Ừa !

Chúng ba đứa tất cả đều lần lượt vô lính – chỉ còn lại mình tôi vẫn chui nhủi trong thành phố này — mấy tháng trước còn cả ba đứa tụi nó thật vui : thằng Phát thì ngố ngáo thích đấm đá, thích để tóc kiểu tụi Beatles, thằng Hồ thì lầm lỳ, thằng Phấn vẫn ôm mộng trở thành thi sĩ Tôi ngồi ở đó ly cà phê lạnh trong tay — giọng François Hardy nổi lên trong góc – bản Find-me a boy : so many friends that : happen to see – have been steady fall in love — oh how I wish.. Phấn lúc này trở nên lầm lỳ, hắn xoay xoay ly cà phê. Tôi nhìn khuôn mặt hắn xạm đen thật mạnh khoẻ – một chặp tôi lật tay xem đồng hồ : 9 giờ, nói thôi tao phải về. Tôi đứng dậy móc túi lấy tiền trả rồi kéo Phấn đi ra ngoài Phấn nói để tao đèo mầy về— Thôi để tao, đi bộ cũng được, mày mai nhớ đến tao bây giờ mày còn đi đâu nữa không ? Tao đến trả xe cho thằng Tính, ngày mốt tao mới đi

Tôi thọc sâu hai tay vào túi quần lơ đãng ngó phố xá xe cộ và người đi qua. khi đến chỗ khúc quanh gần công viên tôi vào một chỗ có bóng tối khuất sau cột đèn mở quần đái và không nghĩ gì. Chợt có tiếng con gái gọi giật sau lưng.

– Anh.

Tôi quay lại thấy một đứa con gái đang đưa bàn tay có những chiếc móng nhọn đỏ lên che miệng cười. Tôi vừa phồng mũi hít hít mùi nước hoa vừa nói với nó :

– Anh cái con khỉ – không còn một đồng xu dính túi đi tìm đám khác đi em ơi.

Đứa con gái vẫn cười hích hích, nói :

— Có người bao mà anh.

Không chờ tôi trả lời nó cầm tay lôi đi. Còn một tay tôi vừa nhét « cái giống » vào trong quần vừa kéo fermature. Khi đến chỗ khuất gần chỗ mấy chiếc ghế đá tôi thoáng thấy một gã đàn ông đương hút thuốc và 1 đứa con gái khác – Tôi đi đến và nhận ra gã đàn ông đó là thằng Phát.

Tôi đưa hai tay lên trời : đ.m. mày về lúc nào đo. Phát vừa cười lớn vừa vỗ đánh bộp vào vai tôi : Hồi chiều

— Mới về hồi chiều mà đã ..

– đ. m đừng có nhiều lời, theo tao làm một chầu đi, ngó bộ mày xơ xác quá – Ở rừng tao làm gì có cái của nay ? Phát vừa đưa tay chỉ hai đứa con gái và cả bọn cùng cười...

●

Khi thức dậy tôi mới chợt nhớ từ tối hôm qua tôi đã không ăn gì bây giờ mệt và đói lả người, tôi nhấc đầu đứa con gái còn đè nặng trên cánh tay và đứng dậy mặc quần áo đi ra ngoài. Khi cúi xuống buộc lại giây giầy tôi bỗng nhớ đến Hoàng : vùng an toàn của tôi đã mất và còn mười hai ngày nữa tôi sẽ đi khám sức khỏe

THỤY-AN HOÀNG-DÂN

VỢ CHỒNG **52đ.**

25 câu chuyện về hạnh phúc gia đình

TRẦN-TRIỆU-NAM — TRƯƠNG-NGỌC-HƠN

NGƯỜI CON GÁI SẮP LẤY CHỒNG NÊN BIẾT **45đ.**

Một quyển sách đứng đắn bàn về vấn đề giáo dục sinh lý

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

TỔ CHỨC GIA ĐÌNH **35đ.**

Để tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm ngân quỹ gia đình

MỘNG-HOA

NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐẸP **38đ.**

Những bí quyết để trau dồi sắc đẹp

TRỊNH-LÊ-HOÀNG

NGHỆ THUẬT LÀM MẸ **30đ.**

VÂN-ĐÀI

LÀM BẾP GIỎI **69đ.**

BÀ NGUYỄN-PHAN-LONG

SÁCH DẠY NẤU ĂN **150đ.**

Dạy làm 152 thứ bánh — Dạy nấu 135 thức ăn chay và 196 món ăn mặn

CÔ MỸ-LỆ

GIA CHÁNH THỰC HÀNH **48đ.**

Trên 300 món ăn thực dụng cần thiết cho mọi gia đình

THIÊN-GIANG

DẠY CON **27đ**

25 câu chuyện để hướng dẫn các phụ huynh học sinh trong việc giáo dục con em

ĐÀO-PHI-PHỤNG

PHỤ NỮ THỂ DỤC **38đ**

Phương pháp thể dục soạn riêng cho phụ nữ

NGUYỄN-TỬ-QUANG

ÁI TÌNH VÀ HÔN NHÂN **52đ.**

HUỲNH-ĐỨC-QUANG

ĐỜI SỐNG LỨA ĐÔI **60đ.**

Những bí quyết để xây dựng hạnh phúc gia đình

PHẠM-CAO-TÙNG

TÂM LÝ ÁI TÌNH **75đ.**

Xác thịt — Tình cảm — Trí tuệ — Ái tình phân tách theo tâm lý học

MỸ TRANG

MẪU THÊU ĐẸP **20đ.**

Mười quyển mẫu thêu khác nhau gồm những mẫu thêu đúng thời trang, in rất đẹp

GINA LOMBROSO

TÂM HỒN PHỤ NỮ **50đ.**

Tất cả những điều bí hiểm trong tâm hồn phụ nữ được phân tách tỉ mỉ

Những sách trên đây đều có bán tại :

Nhà sách KHAI-TRÍ

62, Lê-Lợi — SAIGON

mường mán
VÙNG AN TOÀN

TÔI bước ra sân và quay lại nói với chị Thảo đang chơi với bé Hậu nơi sân : em đi về hơi tối — chập nữa chị cứ ăn cơm trước. Chị Thảo có vẻ không nghe vẫn chạy đuổi theo bé Hậu ở cuối góc sân — tôi nghĩ thôi cũng không cần lặp lại và đi thẳng ra ngõ — giấc ngủ từ buổi trưa đến buổi chiều bây giờ cái cảm giác thoải mái còn rần rần trong thân thể — tôi uốn lưng — mấy đốt xương sống kêu rắc rắc rồi vừa bước đi vừa đá những cục gạch vụn vất lộn xộn đầy ngõ hẻm. Cái ngõ hẻm ở phía ngoài có treo một cái bảng to tướng «Cấm đái» mà hình như lúc nào cũng khai mùi nước tiểu Ở xế bên hẻm là một cái rạp xi nê. Tôi chợt bật cười khi nhớ đến lần tôi chỉ chỗ nhà tôi cho thằng Tụng : « Mày cứ bước tới cái rạp xi nê N. H ngó qua phía trái thấy cái bảng « Cấm đái » là cứ đi vào dọc theo bờ tường cách 4 cái nhà nữa là đến nhà tao. Cái nhà lợp tôn đó » Tôi sống ở đây lâu rồi cũng quen. Tôi vừa đi vừa đá những hòn gạch lăn lông lốc và khi chợt ngẩng đầu lên thì bắt gặp một người đàn bà đang ngồi chồm hổm quay lưng lại phía tôi canh bức tường một cách thản nhiên khi đi ngang qua tôi còn nghe tiếng nước chảy xè xè.

Vì chiều nay là thứ bảy và vừa lúc bãi nên trước rạp xi nê thật đông người. Tôi lầm bầm đọc tên phim và nhớ là đã coi nó rồi hồi còn ở Đà Nẵng. Tôi băng qua đường. Bây giờ thành phố đang bắt đầu lên đèn, tiếng nhạc từ rạp xi nê hối hả. Thằng Phấn vừa phóng Goebel qua chợt thấy tôi vội thắng lại thật gấp. Hắn chõ miệng về phía tôi : đ. m. đi đâu đó Quảng, tao định đến mầy — tao đi lên trên này, mày đèo tao một lúc được không? — Đ. m. sao lại không được. Phấn nói xong hắn vừa nhấn ga quay lại phía tôi hỏi : đến 136 hả ? Tôi bật cười : không. — Thế thì đi đâu đây ông nội ? Cứ lên đường Trịnh Minh Thế rồi thả tao xuống đó 136 ! là số nhà của Hoàng. Căn nhà tôi đã từng lui tới và bây giờ thì có lẽ tôi không bao giờ trở lại đó nữa. Ở đó tôi đã sống những giờ phút thật êm đềm mỗi buổi chiều. Trong căn phòng ấm cúng đó với đôi mắt thật to và đen của Hoàng. Những giờ toán dạy thêm cho Hoàng mỗi buổi chiều đã làm cho cuộc sống của tôi đỡ buồn tẻ và ít xô bồ hơn. Bạn bè tôi có thằng bảo tôi là đứa khinh bạc là đứa gàn bướng. Tôi đã trả lời tụi nó : đ.m. tụi bây cần gì phải gán

■ xem tiếp trang 31

cung nhược quyên
NÓI VỚI TÔI

TRỜI mây đen xám, mùa mưa trở về cùng với sự rỗng không của đời sống ; ngồi đây với những uất ức kéo dài, cơn tuyệt vọng vây quanh, Làm sao tôi có thể ngóc đầu lên nổi nếu không tan xác trong một sớm một chiều những hoang mang vô vọng. Không còn gì nữa cả để mà nhớ, mà tin, mà thương yêu kính trọng ; tôi chà xát dần mòn khuôn mặt mình để rồi xương xẩu nhô ra buồn rầu trơ tráo. Sống vậy đó. Buồn vậy đó. Mỗi một chỗ nằm duy nhứt đã bị cướp giật ; Sao tôi không thể có được một gia đình an vui niềm hạnh phúc bé mọn tôi thèm muốn ? Tiếng nổ nào ngày xưa trong đêm làm con sóng thù hằn cuốn tung bầu trời êm ấm, tôi rớt vào đó và sóng gió quay cuồng chìm trên những ảo tưởng sau cùng. Quê hương tôi đó. tôi còn thấy gì không ? Những thây người ngã xuống hôm qua, bây giờ, ngày mai và đôi mắt trợn trừng không nhắm. Những tiếng nói cười câu ca giọng hát xôn xao, ở rạp hát, ở quán rượu. Những tia mắt gian xảo luôn luôn cụp xuống trước cuộc đời. Đoàn người đói từ miền quê xa, tôi thân yêu, lang thang thị thành kiếm cơm những chiều hôm tắt nắng.

Tất cả những điều đó xoi mạnh vào thị giác gây một đau đớn sâu cùng. Đó là khuôn mặt nhọc nhằn quê hương tôi 20 năm chiến tranh. từng buổi mai tin người chết trên tờ báo thản nhiên vài hàng chiến sự. Làm sao ai biết được, Những hò hét khô bỏng đời cơm áo mọc ra 20 năm khốn khó. Làm sao ai hiểu được. Bao nhiêu lải nhải đã diễn đi diễn lại, điệp khúc muôn đời của những tên buôn lậu danh từ, vòng hoa, khốn nạn đã úp chụp lên đầu chúng ta xúng xính khó coi. Sự việc rốt lại vẫn sờ sờ ra đó : Nghĩa là bao nhiêu năm chiến tranh và bao nhiêu người đã chết. Bà con. Họ hàng. Bạn bè. Anh em. đồng bào tôi thân thuộc. Còn ai nữa ? Rồi sẽ đến lượt mày, một ngày nào đó Viên đạn ô nhục găm vào đầu tôi gục xuống xuôi tay. Thật là dị kỳ. Người ta sinh ra đâu phải để chết vì súng đạn ?

Thôi, đừng nên nói hoài chuyện ấy nghe con. Cơn khốn khổ vô cùng rúc rỉa trong tim mãi hoài tháng năm cao ngất, vết thương ứ máu đầy tràn quá khứ thâm đen tôi còn ôm giữ khư khư. Thời gian chuyên chở mãi những cơn buồn từ chiều sâu dĩ vãng, chồng chất thêm thực tại đầy ắp đớn đau, tôi trôi đi những vòng lăn chông chênh vô định.

Rồi mày sẽ gục xuống như con ngựa già vì suốt đời chở nặng những thân thể chua ngoa. Con ngựa đen đó bốn móng trùi lủi những học hặc ấu thơ trì kéo. Thôi con ngựa đó, nước mắt ứa mờ trọn kiếp, những vẫy vùng làm dây cương thắt chặt ngạt thở dần mòn, phút ngoái đầu vô biên thèm khát, nhưng phương trời mông mênh, đồng cỏ xanh tươi suối nước ngọt ngào. Còn bao giờ trông thấy ? Còn bao giờ trông thấy, hỡi con ngựa đen vòng cương tỏa cuộc đời ?

Tại sao mày cứ mãi băn khoăn khi biết rằng mọi thái độ chọn lựa đều bi đát như nhau, kể cả sự buông xuôi thỏa hiệp đầu hàng. Tại sao? Tại sao ? Đó là một điều khốn nạn. Làm sao tôi nói được bằng lời, có một cái gì đó tiềm tàng lưu trữ trong tim óc không diễn tả nổi. Có dòng máu quê hương chảy mãi trong hồn âm thầm nhắc nhở. Phải vậy không hỡi tôi ơi ô nhục ? thực tế nào bao quanh muôn vàn kích thước, cuộc đời thu hẹp những luật lệ gia đình. Còn gì không hỡi tôi ơi khô héo ?

Súng vẫn nổ mòn thính giác mỗi đêm để nước mắt chảy hoài chất ngất nhớ thương, vòm trời thân yêu xa cũ bay mờ cùng với những tuổi thơ tròn lẳn ngọt ngào tắm hương vị nồng say quê hương quấn quít. Không còn gì nữa cả, Hiểu chưa mày ? Sống bây giờ là sống giả, là thu dấu, ngụy trang. Ít nhứt đừng phản bội mình nghe con.

Lịch sử ám ảnh hỏa thiêu. Ôi tên hề khốn kiếp. Hãy dang xa ta, với sỉ nhục nào còn sót lại trong mi.

Tôi từ chối những vòng hoa nhân danh đội lên đầu.

Chỉ xin một bàn tay em vuốt mắt.

lê luân cảnh

HUYỀN THOẠI BÉ ĐÔNG

BUỔI chiều, xuống thật chậm và buồn. Khu rừng nầy đầy trái cấm. Bé hái cho anh những trái đắng và cay. Bà Eva dạy bé đừng hái những trái ngọt ngào. Những trái cám dỗ đo bé ơi. Anh muốn hôn anh trong suốt như đôi mắt thủy tinh của bé. Hai đứa ở trong rừng. Bé không muốn phạm tội Anh cũng thế. Anh đã ăn những trái đắng cay và buồn. Bé cũng buồn. Bé an ủi anh bằng trò chơi tưởng tượng. Bé xõa tóc làm chiếc võng tơ. Bé ru anh bằng nụ cười của bé. Tóc bé thơm mùi xạ À không, mùi thơm của loài hoa dại ở trong rừng.

Rồi đêm xuống Đêm cũng buồn. Trăng rừng màu xanh. Đêm huyền hoặc, man dại và quyến rũ Anh dẫn bé vào vườn trái cấm Bé hoảng sợ Bé bỏ chạy thật xa. Rừng thì âm u Và từ đó, anh lạc mất bé. Anh khổ sở vô cùng. Anh đi tìm bé để xin bé tha tội cho anh Giữa đường anh gặp một con rắn màu xanh. Con rắn quấn lấy anh. Anh lịm hồn và mê đi. Trong cơn mê, anh gặp lại bé. Bé nhìn anh, miệng bé cười thật tươi và trong mắt bé có hai giọt nước mắt trong ngần. Anh gọi bé, bé không trả lời Ở kia, bé vừa mọc thêm đôi cánh thật đẹp Đôi cánh của thiên thần. Chiếc võng tơ kết bằng tóc bé biến thành chiếc võng đan bằng những con rắn màu xanh. Chiếc võng siết dần, siết dần lại và bó chặt lấy anh. Bé không cười với anh nữa. Mắt bé nhìn anh rưng rưng. Bé sắp bay. Anh sợ mất bé Anh gọi bé. Anh gào tên bé vang vọng cả khu rừng, Rừng thì âm u. Chỉ còn tiếng anh vọng lại Bé đã biến đi đâu mất rồi.

Từ đó anh lạc mất bé thật rồi. Lạc mất bé trong giấc mơ cũng như ngoài cuộc đời. Bé giã từ khu rừng âm u để trở về với thiên đàng tuổi nhỏ của bé. Ở đó có nhiều bướm và hoa. Những cánh bướm có màu xanh như màu mắt của bé Những bông hoa có mùi thơm như hương thơm của hơi thở bé. Ở đó bé đang tập đánh vần từng chữ yêu, chữ thương, chữ giận chữ hờn. Anh muốn trở về với bé nhưng không tìm được lối ra. Rừng đêm sương buốt lạnh. Những con rắn màu xanh ở đâu bò đến thật nhiều. Chúng quấn quít bên anh Chúng vuốt ve anh và anh gọi thầm tên bé.

tôn thất nhật huy

NIỀM VUI

CẠNH nhà bên cạnh tiếng khóc mỗi lúc một to hơn — nghẹn ngào nức nở. Người mẹ nước mắt ràn rụa — chồm lên nhiều lần như muốn ôm lấy cái xác bê bết máu mẹ của thằng con đang nằm bất động trong cái hòm sơn đỏ. Giang sơn cuối cùng của con người đó. Bao nhiêu tham vọng, tiền tài, giàu nghèo, sang hèn cũng đến thế mà thôi. Con người thật bình đẳng khi nằm xuống — khi ngủ giấc nghìn thu — nói cho có vẻ văn hoa một tý. Tôi biết hắn — hắn là Chuẩn úy mới ra trường được mấy tháng, khóa 19 thì phải. Hắn tên Toàn và vừa bị tử thương hôm kia khi theo đại đội lên tiếp viện cho tiền đồn A lưới. Xác Toàn vừa được đem về nhà sáng nay. Một binh sĩ sống sót nói Toàn bị mấy phát ngang thái dương. Ác quá — nếu không bị thương là cùng. Nghe nói trong trận phục kích nầy, ngoài Toàn ra — còn nhiều binh sĩ cũng mang một số phận như hắn. Có tiếng nói chết như Toàn là hạnh phúc lắm rồi, có kẻ còn bị mất xác hay tan ra từng mảnh không sao nhận diện được. Tôi thấy chua xót lạ. Bọn người tự mệnh danh là đi giải phóng thiên hạ chỉ biết có thế thôi sao — luôn luôn như những con chó cắn trộm Thật đáng kinh tởm. Mấy đứa em dại của Toàn tung tăng ra vào, chúng xúng xính trong những bộ tang phục — vui vẻ như ngày tết. Chúng thật vô tư. Tôi thèm muốn sự vô tư của chúng nhưng biết chắc không sao có cả. Nghĩ đến cái chết trong một phút một giây của Toàn — nghĩ đến mình, cộng thêm những lời kể lể thê thiết của mẹ Toàn — bất giác mắt tôi cay cay. Tôi khóc cho người bạn láng giềng hay khóc cho chính tôi ? Lần đầu tiên, tôi thấy một nỗi buồn dâng tràn như triền sóng gặp buổi gió mưa.

Tôi sinh ra đời trong những năm biến động nhất của quê hương — khoảng thời gian mà cha anh tôi say mê sự nghiệp kháng chiến, giải phóng như bây giờ tôi say mê ciné, nhạc twist. Khoảng thời gian ma những danh từ cách mạng — dân chủ — tự do chưa bị ngụy trang, đục khoét trong đó những bài hát của Phạm-Duy là tâm thức dân Việt — âm thanh của chúng chảy vào những cánh đồng lúa non — những ruộng vườn tơi tả như lời ru mẹ hiền — như lời gọi thiêng liêng thôi thúc mọi người cầm súng chống xâm lăng. Tôi lớn lên trong đó để thấy mình bị mất mát quá nhiều. Niềm ý thức như bị bao phủ bởi những đám mây đen dày đặc. Một vài tia sáng tâm linh có lẽ được phóng thể ra ngoài — chúng lang thang như những lữ hành cô độc — như những khách đêm không tìm được quán trọ nghỉ chân, chẳng biết đâu là nơi đoàn viên, hạnh ngộ Này đây là xóm làng xiêu vẹo— này đây là thây người ngã nghiêng — này đây là bom đạn ngút trời .. chỉ toàn là những ảnh tượng đen. Điệu ru nước mắt cất lên từ 20 năm nay — từ khi tôi chưa biết ê a để được mang hình ảnh của bài tập đọc quen thuộc « Hàng năm cứ vào cuối thu... » tôi trôi theo cơn thụy-du của lịch sử như cọng rác trôi sông. Khoảng thời gian dài dằng đó bao nhiêu niềm vui của một thời vàng son tàn tạ — hay rơi lả tả như đám tro tàn. Niềm hy-vọng bị rớt lần hồi còn tin yêu thì chưa lượm được — Niềm vui phải chăng chỉ là thần thoại ? là những câu chuyện xa vời còn in hằn bao nuối tiếc trong lòng mắt ông cha tôi ? Tôi vẫn tự hỏi thế vì chẳng biết lấy gì để làm hành trang đi vào tương-lai. Tôi không còn lại gì — ngoài một thể xác ốm nhong, một màu da vàng ệch, cùng hai bàn tay xương xẩu biểu tượng một kiếp sống phù du.

Ấy thế mà tôi sắp làm người hùng đó, tôi sẽ đi lính — sẽ cầm súng, sẽ nhân danh dân chủ, tự do để chống lại độc tài, cộng sản — để giết bất cứ một ai không đi một hướng đường với tôi. Đó là ý thức hệ của những người ở bên này vĩ tuyến. Những người ở bên kia sông Bến Hải lại nhân danh thứ khác, chẳng hạn độc lập, giải phóng... để dí mũi súng về phía tôi. Người ta bảo « nội dung » cuộc chiến này là thế. Có thật thế không — Điều đó xin để cho người sau phê phán. Bây giờ thì tôi tạm tin thế, không dẫn do suy nghĩ. Một thằng bạn thân đã cầm súng từ nhiều năm nay nói với tôi « Mày đừng suy xét gì cả — hoài công, được bắn vào đầu những đứa đã giết bà con, bạn bè mình là sướng rồi. » Có lẽ tôi sẽ theo đó để làm « lý tưởng » « tranh đấu » cho mình sau này. Tôi hình dung ra khuôn mặt những đứa đã bắn vào thái dương Toàn hôm kia. Nhưng tôi không chắc mình có đủ can đảm để nhìn những thây người ngã gục trước họng súng đen ngòm của tôi « Đến lúc đó thì được cả nếu mày còn thích sống » thằng bạn trả lời nỗi lo lắng của tôi một các thản nhiên. Tôi chỉ còn biết cúi đầu lặng thinh công nhận lời hắn nói là đúng. Tôi vẫn thường nghĩ cuộc chiến tranh này thế nào cũng có ngày kết thúc. Đất nước thân yêu rồi cũng như tôi : ốm nhong — èo ọp. Nó phải cần bao nhiêu tháng, bao nhiêu năm để tịnh dưỡng sau cơn bạo bệnh triền miên — và rồi những xáo trộn nào sẽ đến cho giải đất nầy nữa. Ngày đó chắc còn xa lắm, biết tôi có còn sống để tiếp tục làm nhân chứng cho một giai đoạn cực kỳ tan nát, giao động. Bây giờ — trên đầu tôi, trong vòm trời xanh thẳm kia là tiếng động cơ rầm rầm rộ rộ của đoàn phi cơ Skyraiders .. Chúng đang bay về đâu ? Chiến khu D ? — Phước Thành ? — Phú Yên ? — Quảng Ngãi hay đang vượt vĩ tuyến đến Đồng Hới — Nghệ An — Thanh Hóa... ?

Buổi chiều ngồi hớp từng ngụm cà phê đắng trong một quán bên đường — tôi dương mắt sang đám đông. Ô hay âm thanh màu sắc loạn cuồng — nụ cười khóe mắt mê say. Hè phố vẫn chen chân không lọt. Đại lộ vẫn nối tiếp ngựa xe. Chiếc loa phóng thanh treo ở trụ đèn cuối đường — gần cây cầu chính của phố thị — đang loan tin chiến sự « Đánh lớn ở Pleime với hàng trăm quân địch phơi thây, hàng ngàn vũ khí bị tịch thu — thêm một sư đoàn quân Mỹ sắp đổ bộ lên Quị Nhơn... Sau bản tin chiến sự, chiếc loa phóng thanh đang phát ra một khúc hùng ca.

Phố xá đã lên đèn tự lúc nào. Tôi muốn đứng dậy ra về — một bài hát quen quen vẳng ra. Tôi ngồi nán lại — nhìn quanh chiếc quán vắng hoe — chỉ còn mình tôi và âm thanh bài « Huyền sử ca một người mang tên Quốc. ■

Bột Ngọt

Vị-Hương-Tố

味の素

Ăn chay - ăn mặn : Ngon và Bổ

THIÊN-HƯƠNG CÔNG-TY S.A.

VĂN-PHÒNG : 91, TỔNG-ĐỐC-PHƯƠNG, CHỢLỚN
ĐIỆN-THOẠI : 37021

TỔNG ĐẠI-LÝ : HÃNG VIỆT
37, TRỊNH-HOÀI-ĐỨC Đ.T. 3